

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch Phòng, chống thiên tai
giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 và Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Thực hiện Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch số 70-KH/TU ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thành ủy Đà Nẵng và Kế hoạch số 72-KH/ĐU ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Đảng ủy UBND thành phố Đà Nẵng về việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 11345/SNNMT-CCTNNTL ngày 14 tháng 8 năm 2026 và Công văn số 11863/SNNMT-CCTNNTL ngày 22 tháng 8 năm 2026 về việc đề nghị xem xét ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Chánh Văn phòng UBND thành phố, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực Thành ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND thành phố (để b/c);
- Đảng ủy UBND thành phố (để b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- Các tổ chức hội, đoàn thể;
- Đài Khí tượng Thủy văn Trung bộ;
- CPVP UBND thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, TH, NC, ĐT-ĐT, KT, SNNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Nam Hưng



KẾ HOẠCH

Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030

trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

*(Kèm theo Quyết định số: 4107/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2026
của UBND thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I
CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 66/2021/NĐ-CP và Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT; Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy

định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Thực hiện Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch số 70-KH/TU ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thành ủy Đà Nẵng và Kế hoạch số 72-KH/ĐU ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Đảng ủy UBND thành phố Đà Nẵng về việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Thực hiện Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chương II

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

1. Xây dựng kế hoạch nhằm triển khai thực hiện công tác phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; đảm bảo chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, sẵn sàng ứng phó kịp thời đối với các loại hình thiên tai, giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; khắc phục khẩn trương, kịp thời và hiệu quả sau thiên tai.

2. Huy động mọi nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn thành phố, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, di sản văn hóa, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu do thiên tai gây ra; góp phần quan trọng phát triển bền vững kinh tế - xã hội của thành phố.

3. Các Sở, ban, ngành, các địa phương trên địa bàn thành phố trên cơ sở kế hoạch tổng thể của thành phố, chủ động xây dựng, rà soát thực hiện kế hoạch của ngành, địa phương sát với tình hình thiên tai và điều kiện thực tế nhằm ứng phó kịp thời, đạt hiệu quả với từng tình huống thiên tai diễn ra.

4. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu ứng phó, khắc phục hậu quả khi có thiên tai.

5. Kế hoạch là cơ sở cho các cơ quan, đơn vị đề xuất kinh phí đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm phương tiện, trang thiết bị phát triển nguồn

nhân lực, đào tạo kỹ thuật để phục vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, ngành và người dân chủ động ứng phó có hiệu quả nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại khi xảy ra thiên tai.

II. YÊU CẦU

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, các chiến lược, quy hoạch, xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch phòng, chống thiên tai của Chính phủ; năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; tình hình thực tế và nguồn lực của thành phố và các cấp, ngành.

2. Phát huy mọi nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.

3. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả của các cấp, các ngành.

4. Xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

5. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng tránh và ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư.

6. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của người dân.

7. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các Sở, ban, ngành, địa phương trên cơ sở chủ động tại chỗ từ cơ sở, kết hợp ứng cứu nhanh, huy động vật tư, phương tiện, lực lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để cứu người, sơ tán nhân dân, cứu tài sản. Phương tiện, trang thiết bị được huy động, trưng dụng của các đơn vị, cá nhân vào hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ bị thiệt hại sẽ được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Thành phố Đà Nẵng có diện tích tự nhiên 11.859,59 km², bao gồm 93 xã, phường và 01 đặc khu (*Hoàng Sa*), có phạm vi tọa độ trên đất liền từ khoảng 14°57'10" đến 16°14'00" vĩ độ Bắc, từ 107°12'40" đến 108°44'20" kinh độ Đông, vùng bờ biển thuộc Biển Đông (*trong phạm vi phân cấp cho địa phương quản lý*) và quần đảo Hoàng Sa.

Đà Nẵng giáp với thành phố Huế ở phía Bắc, phía Nam giáp với tỉnh

Quảng Ngãi, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào với đường biên giới dài khoảng 142km và phía Đông giáp biển Đông có đường bờ biển dài hơn 150 km, gồm nhiều vịnh, bán đảo và bãi tắm nổi tiếng như Sơn Trà, Non Nước, Cửa Đại, An Bàng, ...

Thành phố Đà Nẵng nằm ở trung độ của đất nước, trên trục giao thông Bắc - Nam về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không. Đà Nẵng cách Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đều khoảng 760km theo đường bộ, cách thành phố Huế 108 km về hướng Tây Bắc.

2. Đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng, thảm thực vật

2.1. Đặc điểm địa hình

Địa hình thành phố Đà Nẵng rất phức tạp, thấp dần từ Tây sang Đông, với đầy đủ các dạng địa hình: đồi núi, bán sơn địa và đồng bằng ven biển. Trong đó địa hình đồi núi chiếm 72% tổng diện tích đất. Phía Bắc và Tây Bắc của thành phố được ngăn cách với thành phố Huế bởi những ngọn núi cao trên 1.000m trong dãy Bạch Mã; phía Tây bị án ngữ bởi những khối núi đồ sộ như đỉnh Lum Heo cao 2.045m, đỉnh Tion cao 2.032m, đỉnh Gle-lang cao 1.865m, đỉnh Mang cao 1.708m; phía Tây Nam có đỉnh Ngọc Linh cao 2.598m; phía Nam cũng có những đỉnh cao trên 1.000m chạy ra gần sát biển làm thành ranh giới phân chia thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi. Dựa vào đặc điểm địa hình, địa thế của thành phố có thể phân ra 3 vùng địa hình chính: (1) Địa hình vùng núi; (2) Địa hình vùng đồi gò trung du; (3) Địa hình vùng đồng bằng ven biển.

a) Địa hình vùng núi

Tập trung ở các xã miền núi phía Tây: La Êê, La Dêê, Đắc Pring, Hùng Sơn, Tây Giang, Nam Giang, A Vương, Trà Liên, Trà Giáp, Trà Tân, Trà Đốc, Trà My, Nam Trà My, Trà Tập, Trà Vân, Trà Linh, Trà Leng,... Địa hình phức tạp, mức độ chia cắt mạnh, có hình dạng lượn sóng. Độ cao trung bình từ 700m÷800m, độ dốc lớn 25÷30°, có nơi trên 45°, hướng thấp dần từ Tây sang Đông.

b) Địa hình vùng đồi gò trung du

Vùng chuyển tiếp giữa vùng núi phía Tây và vùng đồng bằng ven biển, độ cao trung bình từ 100÷200m, độ dốc trung bình 15°÷20°, địa hình đặc trưng có dạng bát úp và lượn sóng, mức độ chia cắt trung bình. Vùng trung du với độ cao trung bình 100m, địa hình đồi bát úp xen kẽ các dải đồng bằng, thuộc phía Tây của các xã: Thăng Bình, Thăng Điện, Hòa Vang...

c) Địa hình vùng đồng bằng ven biển

Phân bố ở phía Đông, là vùng đồng bằng thuộc hạ lưu hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ. Địa hình khu vực tương đối bằng phẳng, nhiều nơi xen lẫn các vùng gò đồi thấp. Thổ nhưỡng chủ yếu ở đây là đất phù sa được bồi đắp hàng năm. Nối tiếp về phía Đông của dải đồng bằng hẹp là những cồn cát chạy dọc bờ biển, có nơi lấn sâu vào 7÷8 km, có nhiều cồn cát cao trên 10 m.

Nhìn chung địa hình thành phố Đà Nẵng phức tạp, đồi núi chiếm trên 3/4

diện tích, mức độ chia cắt mạnh, độ dốc lớn, rất khó khăn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác tiềm năng đất đai với việc bảo vệ tài nguyên môi trường, thường chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai như: Áp thấp nhiệt đới, bão, mưa lớn gây ngập lụt, lũ quét, lũ ống và sạt lở đất.

d) Địa hình đảo, bán đảo

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có các xã đảo và bán đảo, gồm: Xã Tân Hiệp và xã Tam Hải.

Xã Tân Hiệp cách Cửa Đại khoảng 15 km về phía Đông. Dân cư sinh sống tập trung theo xóm, tổ ở từng thôn và được phân bố ở 2 khu vực: Khu vực 1 (trung tâm của xã) bao gồm 3 thôn đó là thôn Bãi Ông, thôn Bãi Làng và thôn Cẩm; Khu vực 2 là thôn Bãi Hương cách Khu vực 1 khoảng 5 km về hướng Đông-Nam. Tổng diện tích đất tự nhiên: 1.549,13 ha, gồm đảo Hòn Lao là đảo lớn và 7 đảo nhỏ nằm rải rác trong đó: Đảo Hòn Ông nằm về phía Đông - Nam, Đảo Hòn Tai nằm về phía Nam - Đông Nam, Đảo Hòn Dài nằm về phía Nam - Tây Nam, Đảo Hòn Mê nằm về phía Nam - Tây Nam, Đảo Hòn Lá nằm về phía Tây, Đảo Hòn Khô mẹ nằm về phía Tây, Đảo Hòn Khô con nằm về phía Tây đảo Cù Lao Chàm. Cù Lao Chàm đã được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới vào tháng 5/2009.

Xã Tam Hải cách phường Tam Kỳ khoảng 30km. Có diện tích tự nhiên 15,03km², dân số khoảng 7.000 người. Xã được bao bọc một mặt bởi dòng Trường Giang và 3 mặt biển.

Các xã đảo là khu vực bị ảnh hưởng rất lớn bởi các loại hình thiên tai bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng và sóng thần.

2.2. Đặc điểm thổ nhưỡng

Qua điều tra cơ bản và phân loại nguồn gốc phát sinh các loại đất chính, người ta chia đất thành 10 nhóm đất cơ bản bao gồm: đất cồn cát, đất mặn, đất phèn, đất phù sa, đất bạc màu, đất đen, đất đỏ - vàng, đất mùn đỏ trên núi, đất thung lũng dốc tụ và đất trơ sỏi đá. Trong đó chiếm tỉ lệ cao nhất là đất phù sa, được phân bố ở hầu hết các xã, phường, chiếm tỉ lệ cao thứ hai là đất mùn đỏ trên núi được phân bố ở các xã, phường khu vực miền núi, chiếm tỉ lệ thấp nhất lần lượt là đất phèn và đất bạc màu.

Các loại đất với tỉ lệ và sự phân bố như trên, có thể thấy rằng đặc điểm thổ nhưỡng ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thiên tai của địa phương. Tại khu vực miền núi, do tỉ lệ đất mùn đỏ lớn, nên dưới tác động của mưa lớn, thường gây ra các loại hình thiên tai sạt lở đất và lũ bùn đất, còn đối với khu vực đồng bằng đất phù sa và đất cồn cát thường phân bố ở khu vực ven biển, ven sông, do vậy dưới tác động của dòng chảy thường gây ra hiện tượng sạt lở bờ biển, bờ sông.

3. Khí tượng thủy văn¹

3.1. Khí tượng

Thành phố Đà Nẵng có chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhưng do sự chi phối sâu sắc của nhân tố địa hình đã tạo cho vùng có chế độ khí hậu dị thường. Dưới đây là những yếu tố chính phản ánh đặc điểm khí hậu của lưu vực.

a) Chế độ nhiệt (T)

Nhiệt độ không khí trung bình năm biến đổi từ $24,5 \div 26,0^{\circ}\text{C}$. Xu thế nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ đồng bằng lên miền núi. Vùng đồng bằng: Nhiệt độ trung bình năm đạt $25,8^{\circ}\text{C}$ tại Đà Nẵng, $25,7^{\circ}\text{C}$ tại Tam Kỳ. Vùng núi cao nhiệt độ trung bình năm chỉ đạt $24,5^{\circ}\text{C}$ tại Trà My.

Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng VI, VII nhiệt độ trung bình tháng đạt $27 \div 29^{\circ}\text{C}$ khi mà có sự hoạt động mạnh của gió mùa Tây Nam vượt dãy Trường Sơn gây hiệu ứng “fơn”. Tháng lạnh nhất là tháng XII hoặc tháng I với nhiệt độ trung bình tháng đạt từ $21 \div 23^{\circ}\text{C}$ vùng đồng bằng và $15 \div 20^{\circ}\text{C}$ vùng miền núi. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối đạt trên 40°C , và tối thấp tuyệt đối $9 \div 12^{\circ}\text{C}$.

b) Độ ẩm (U)

Độ ẩm tương đối trung bình tháng năm biến động từ $82 \div 88\%$, vùng ẩm ướt nhất thuộc vùng có lượng mưa nhiều như phía Tây Nam của thành phố (Trà My) độ ẩm tương đối đạt 88% , vùng đồng bằng có độ ẩm thấp và khô chỉ đạt $82 \div 84\%$ như Đà Nẵng, Tam Kỳ.

c) Bốc hơi (Z)

Lượng bốc hơi piche trung bình năm đạt từ $635 \div 1.040 \text{ mm/năm}$. Vùng đồng bằng ven biển do có nhiệt độ trung bình năm cao, tốc độ gió lớn nên lượng bốc hơi lớn hơn đạt từ $1.000 \div 1.040 \text{ mm}$, vùng núi cao, nhiệt độ thấp, tốc độ gió không cao lượng mưa nhiều nên lượng bốc hơi nhỏ chỉ đạt khoảng 635 mm/năm

Lượng bốc hơi trung bình tháng lớn nhất xảy ra vào tháng VI hoặc tháng VII, khi có nhiệt độ trung bình tháng đạt cao nhất và đạt thấp nhất vào tháng XII khi có nhiệt độ tháng thấp nhất.

d) Gió, bão

Tốc độ gió trung bình năm biến động từ $0,7 \div 2,0 \text{ m/s}$. Vùng đồng bằng do ảnh hưởng của bão tốc độ gió trung bình năm đạt $1,5 \div 2,0 \text{ m/s}$ vùng núi cao, tốc độ gió trung bình chỉ đạt $0,7 \text{ m/s}$. Tốc độ gió lớn nhất khi có bão đạt tới $35 \div 40 \text{ m/s}$.

đ) Năng

Số giờ nắng trung bình năm đạt $2.130 \div 2.190 \text{ giờ/năm}$ tại vùng đồng bằng và 1.825 giờ/năm ở vùng núi cao, số giờ nắng cao nhất vào các tháng V đạt 210

¹ Nguồn: Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các số liệu từ Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ

÷ 260 giờ trong tháng và số giờ nắng thấp nhất vào tháng XII chỉ đạt 60 ÷ 90 giờ trong tháng.

e) Chế độ mưa (X)

- Phân bố mưa theo không gian: Lượng mưa hàng năm dao động từ 2.000 ÷ 4.000mm và phân bố như sau: Từ 3.000 ÷ 4.000mm ở vùng núi cao, từ 2.500 ÷ 3.000mm ở vùng núi trung bình, từ 2.000 ÷ 2.500mm ở vùng núi thấp và đồng bằng ven biển.

- Phân bố mưa theo thời gian: Mùa mưa từ tháng IX đến tháng XI, mùa khô từ tháng XII đến tháng VIII năm sau.

+ Lượng mưa trong mùa nhiều mưa chiếm 65 ÷ 75% lượng mưa cả năm, thành phần lượng mưa trong mùa khô chỉ chiếm 25 ÷ 35% lượng mưa cả năm. Tuy nhiên thời kỳ mưa lớn nhất vùng nghiên cứu thường tập trung vào 2 tháng là tháng X và tháng XI, thành phần lượng mưa trong 2 tháng này chiếm 40 ÷ 50% lượng mưa cả năm. Ở vùng nghiên cứu các tháng mùa nhiều mưa, mùa ít mưa cũng như 2 tháng mưa nhiều là tháng X và tháng XI nói chung là đồng nhất trên toàn vùng nghiên cứu, vì vậy lũ lớn thường xuất hiện trong 2 tháng mưa nhiều, mưa lớn này.

+ Thời kỳ ít mưa nhất trong vùng nghiên cứu thường tập trung vào 3 tháng, từ tháng II đến tháng IV lượng mưa trong 3 tháng này chỉ chiếm khoảng 3 ÷ 5% lượng mưa cả năm.

Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng X hoặc tháng XI với lượng mưa 01 tháng chiếm 22 ÷ 28% lượng mưa năm, trong khi đó vào mùa khô, có vùng nhiều tháng không có mưa, tổng lượng mưa 3 tháng 2 ÷ 4 chỉ chiếm 4 ÷ 7% lượng mưa năm, tháng có lượng mưa bé nhất thường là tháng II hoặc tháng III với lượng mưa tháng chỉ dưới 50mm và chiếm tỷ lệ dưới 2% lượng mưa năm.

3.2. Thủy văn

a) Dòng chảy năm

Vùng nghiên cứu có nguồn nước tương đối dồi dào, do trong vùng có tâm mưa lớn (Trà My) có lượng mưa năm đạt trên 4.000mm, do đó mô đun (mô số) dòng chảy năm tại các sông suối trong vùng khá lớn, đạt từ 45 ÷ 90 l/s/km², trong đó vùng đồng bằng ven biển, mô đun dòng chảy năm chỉ đạt 45 ÷ 50 l/s/km².

- Sông Thu Bồn từ thượng nguồn đến Nông Sơn có diện tích lưu vực 3.150km². Vùng thượng nguồn của sông chảy trong vùng núi cao Phước Sơn, tâm mưa lớn của Trà My, Tiên Phước lượng mưa bình quân lưu vực nhiều năm đạt 3.300 mm, mô đun dòng chảy năm toàn lưu vực đạt $M_0 = 89,2 \text{ l/s.km}^2$, $Q_0 = 281 \text{ m}^3/\text{s}$. Tổng lượng hàng năm của sông Thu Bồn tính đến Nông Sơn $W_0 = 8,86. 10^9 \text{ m}^3$.

- Sông Vu Gia từ thượng nguồn đến Thành Mỹ có diện tích lưu vực 1.850km², mô đun dòng chảy năm đạt $M_0 = 68,6 \text{ l/s.km}^2$, $Q_0 = 127 \text{ m}^3/\text{s}$. Tổng lượng hàng năm của sông Vu Gia tính đến Thành Mỹ $W_0 = 4,05. 10^9 \text{ m}^3$.

- Lưu vực sông Tam Kỳ, diện tích lưu vực tính đến cửa ra 994 km², mô đun dòng chảy năm đạt $M_0=57,4\text{l/s/km}^2$, tổng lượng hàng năm của sông Tam Kỳ $W_0=1,799.10^9\text{m}^3$.

Phân phối dòng chảy trong năm: Theo chỉ tiêu vượt trung bình thì mùa lũ các sông suối vùng nghiên cứu bắt đầu từ tháng X đến tháng XII. Tổng lượng dòng chảy trong mùa lũ chiếm 60÷75% tổng lượng dòng chảy năm, trong khi đó 9 tháng mùa cạn chỉ chiếm từ 25÷40% lượng dòng chảy năm.

b) Dòng chảy lũ

Lưu vực Vu Gia– Thu Bồn có mùa lũ hàng năm từ tháng X đến tháng XII. Tuy nhiên mùa lũ ở đây cũng không ổn định, nhiều năm lũ xảy ra từ tháng IX và cũng nhiều năm sang tháng I của năm sau vẫn có lũ.

+ Lũ sớm: Lũ xuất hiện vào tháng IX đến nửa đầu tháng X hàng năm được coi là lũ sớm. Theo thống kê lũ sớm hàng năm trên các sông vùng nghiên cứu đạt $25 \div 32\%$. Lũ sớm thường có biên độ không lớn dạng lũ thường là lũ đơn một đỉnh.

+ Lũ muộn: Lũ xuất hiện vào tháng XII và nửa đầu tháng I năm sau được coi là lũ muộn. Theo thống kê lũ muộn hàng năm trên các sông thuộc lưu vực ở mức $25 \div 28\%$. Thời gian này dòng chảy trong các sông ở mức tương đối cao do nước ngầm cung cấp, rất hiếm trường hợp xảy ra những trận mưa có khả năng gây lũ lớn.

Lịch gieo sạ vụ Đông Xuân thành phố Đà Nẵng thường thực hiện từ cuối tháng XII và nửa đầu tháng I năm sau. Vì vậy, khi xảy ra lũ muộn thì nguy cơ thiệt hại cho sản xuất của người dân là rất cao, ngoài ra tâm lý chủ quan của người dân khi có lũ muộn cũng là một yếu tố gây ra nhiều thiệt hại.

+ Lũ giữa mùa (lũ chính vụ): Nửa cuối tháng X và tháng XI là 02 tháng mưa lớn nhất do nhiều hình thái thời tiết như: bão, áp thấp nhiệt đới, không khí lạnh, gió mùa Đông Bắc gây ra những đợt mưa lớn kéo dài ngày, trong khi đó mặt đất đã đạt đến mức bão hòa do mưa lũ sớm tạo nên, mực nước các sông suối đã được nâng lên ở mức cao; do đó lũ giữa mùa thường là lũ lớn nhất trong năm.

Từ năm 1976 tới nay, tại các trạm thủy văn trên các lưu vực sông đã đo được đỉnh lũ lớn nhất như sau:

Trạm	Sông	F_{lv} (km ²)	$H_{\max}$ (cm)	$Q_{\max}$ (m ³ /s)	$M_{lũ}$ (m ³ /s.km ²)	Thời gian
Hiệp Đức	Thu Bồn		3.007			20/XI/1998
Nông Sơn	Thu Bồn	3.150	815 803 770	10.600 10.600 10.600		11(2)/ XI/2007 20/XI/1998 4/XII/1999
Giao Thủy	Thu Bồn		975			30/IX/2009

Trạm	Sông	F_{lv} (km ²)	H_{max} (cm)	Q_{max} (m ³ /s)	$M_{lũ}$ (m ³ /s.k m ²)	Thời gian
Câu Lâu	Thu Bồn		539			12/XI/2007
Hội An	Thu Bồn		328			12/XI/2007
Thành Mỹ	Vu Gia	1.850	2.714 2.657 2.472	7.230 7.000 6.810		29/IX/2009 20/XI/1998 30/X/2007
Hội Khách	Vu Gia		1.853			29/IX/2009
Ái Nghĩa	Vu Gia		1.077 1.060			30/IX/2009 27/X/2025
Cẩm Lệ	Vu Gia		428			3/XI/1999
Tam Kỳ	Tam Kỳ		369			5/XII/1999

Biến động của dòng chảy lũ khá lớn, tại Nông Sơn, lưu lượng lũ lớn nhất ($Q_{max} = 10.600 \text{ m}^3/\text{s}$) gấp 3,8 lần so với năm có lưu lượng lũ lớn nhất đạt trị số nhỏ nhất (năm 1982, Q_{max} năm chỉ đạt $2.800 \text{ m}^3/\text{s}$). Tại Thành Mỹ, lưu lượng lũ lớn nhất ($Q_{max} = 7.230 \text{ m}^3/\text{s}$) gấp 5,6 lần so với năm có lưu lượng lũ lớn nhất đạt trị số nhỏ nhất (năm 1978, Q_{max} năm chỉ đạt $1.290 \text{ m}^3/\text{s}$).

Lưu lượng lũ ứng với các tần suất xem ở bảng sau:

Bảng: Đặc trưng lũ lớn nhất năm thiết kế tại các trạm

Trạm	Sông	Q_{max} (m ³ /s)	C_v	C_s	$Q_{max p}$ (m ³ /s)				
					0.5%	1%	2%	5%	10%
Nông Sơn	Thu Bồn	6.320	0,40	0,80	14.720	13.640	12.520	10.960	9.690
Thành Mỹ	Vu Gia	3.600	0,49	0,49	8.960	8.330	7.670	6.730	5.930

c) Dòng chảy kiệt:

Ở lưu vực Vu Gia - Thu Bồn có mùa cạn từ tháng I đến tháng IX hàng năm. Dòng chảy nhỏ nhất trên lưu vực phần lớn rơi vào tháng IV, những năm ít hoặc không có mưa tiểu mãn vào tháng V, tháng VI thì dòng chảy nhỏ nhất vào tháng VII và tháng VIII.

Tại Nông Sơn, lưu lượng tháng kiệt nhỏ nhất xuất hiện vào tháng VII với $Q_{bq} = 70.8 \text{ m}^3/\text{s}$, tương ứng với mô đun $22,5 \text{ l/s/km}^2$; thời kỳ kiệt thứ 2 xảy ra vào tháng IV với lưu lượng trung bình tháng IV là $74,8 \text{ m}^3/\text{s}$, tương ứng với mô đun $23,7 \text{ l/s/km}^2$. Dòng chảy tháng VII chỉ chiếm 2,10% lượng dòng chảy năm. Tổng lượng dòng chảy mùa kiệt từ tháng I tới tháng IX chiếm 32,5% tổng lượng dòng chảy năm. Ba tháng kiệt nhất, tháng VI, VII, VIII lượng dòng chảy chỉ chiếm 7,42% lượng dòng chảy năm. Hai tháng VII, VIII lượng dòng chảy chỉ chiếm 4,55 % lượng dòng chảy năm. Lưu lượng kiệt ngày nhỏ nhất đo được là $14,6 \text{ m}^3/\text{s}$ (17/VIII/1977) tương ứng với mô đun kiệt là $4,63 \text{ l/s/km}^2$.

Tại Thành Mỹ, lưu lượng tháng kiệt nhỏ nhất xuất hiện vào tháng IV với $Q_{bq} = 43,5 \text{ m}^3/\text{s}$, tương ứng với mô đun $23,5 \text{ l/s/km}^2$; thời kỳ kiệt thứ 2 xảy ra vào tháng VII với lưu lượng trung bình tháng VII là $46,5 \text{ m}^3/\text{s}$ (mô đun $25,1 \text{ l/s/km}^2$). Dòng chảy tháng IV chỉ chiếm 3,31 % dòng chảy năm và tháng VII chỉ chiếm 3,06 % lượng dòng chảy năm. Tổng lượng dòng chảy mùa kiệt từ tháng I tới tháng IX chiếm 39,7 % tổng lượng dòng chảy năm. Ba tháng kiệt nhất, tháng III, IV, V lượng dòng chảy chỉ chiếm 9,9% lượng dòng chảy năm. Hai tháng III, IV lượng dòng chảy chỉ chiếm 6,17 % lượng dòng chảy năm. Lưu lượng kiệt ngày nhỏ nhất đo được là $11,3 \text{ m}^3/\text{s}$ (04/IX/1988) tương ứng với mô đun kiệt là $6,1 \text{ l/s/km}^2$. Năm 2011 đến nay do có các hồ chứa vận hành theo điều phối thủy điện, lưu lượng nhỏ nhất đo được tại Thành Mỹ chỉ đạt $3,66 \text{ m}^3/\text{s}$ (ngày 26/IV/2014), tương ứng với mô đun kiệt là $1,98 \text{ l/s/km}^2$, tháng IV/2014 lưu lượng bình quân tháng cũng chỉ đạt $4,0 \text{ m}^3/\text{s}$ ($2,16 \text{ l/s/km}^2$) thấp nhất trong liệt quan trắc.

3.3. Chế độ triều

a) Đặc điểm chung

Vùng ven biển thành phố Đà Nẵng có chế độ dạng bán nhật triều chiếm ưu thế, tuy nhiên số ngày có chế độ nhật triều tăng đáng kể so với vùng biển phía Bắc. Trung bình trong tháng có 10 ngày nhật triều.

b) Biên độ triều

Triều ở vùng biển thành phố Đà Nẵng thuộc loại triều yếu, qua số liệu quan trắc tại các trạm thủy văn gần cửa sông cho thấy, biên độ triều trung bình khoảng $0,8 \div 1,2 \text{ m}$, lớn nhất đạt trên $1,5 \text{ m}$.

Biên độ triều có sự thay đổi rõ rệt trong tháng theo chu kỳ nhất định. Trong mỗi tháng có 02 kỳ triều cường xảy ra (vào ngày trăng tối và ngày trăng tròn). Trong các tháng không có ảnh hưởng lũ, dạng đường quá trình triều khá ổn định.

Các sông vùng nghiên cứu đa số có chiều dài ngắn, độ dốc lòng sông lớn nên càng vào sâu trong sông biên độ triều giảm rõ rệt, ranh giới ảnh hưởng triều trên các sông tối đa chỉ khoảng 35 km tính từ cửa sông.

c) Phạm vi ảnh hưởng triều trên các sông

Mức độ, phạm vi ảnh hưởng triều trên các sông có khác nhau do phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: độ lớn của thủy triều tại vùng biển ngoài cửa sông, địa hình đáy biển ven bờ, độ dốc lòng sông, lưu lượng dòng chảy thượng nguồn. Cụ thể:

- Sông Hàn: tại cửa sông Hàn có biên độ triều trung bình khoảng $1,0 \text{ m}$; lớn nhất là $1,4 \text{ m}$.

- Sông Vĩnh Điện: Trên sông Vĩnh Điện cách cửa sông Hàn 25 km vẫn có biên độ triều trung bình khoảng $0,6 \text{ m}$.

- Sông Thu Bồn: tại Cửa Đại biên độ triều trung bình khoảng 1,2m; lớn nhất là 1,5m. Trong mùa khô, triều có thể ảnh hưởng sâu vào trong sông đến gần 40 km.

d) Thời gian triều lên, xuống

Do bị ảnh hưởng bởi chế độ triều phức tạp bao gồm cả nhật triều và bán nhật triều, xen giữa có thời gian chuyển chế độ triều, cho nên thời gian triều lên, thời gian triều xuống cũng phức tạp. Vào những ngày bán nhật triều thời gian triều lên xuống trung bình khoảng 6 giờ. Những ngày nhật triều thời gian triều lên trung bình dài hơn thời gian triều xuống.

3.4. Độ mặn

Độ mặn trong nước sông vùng ven biển chủ yếu do độ mặn nước biển xâm nhập vào. Khi nước triều dâng cao, dòng triều chảy ngược mang nước biển có độ mặn vào các cửa sông.

Mức độ nhiễm mặn trên các sông phụ thuộc vào nhiều yếu tố: chế độ triều vùng cửa sông, độ dốc lòng sông, lưu lượng dòng chảy thượng nguồn... ngoài ra quá trình xâm nhập mặn vào các sông còn chịu ảnh hưởng của các nhân tố như: chế độ gió, sóng và các công trình khai thác nước, điều tiết nước trên sông. Độ mặn thường xuyên thay đổi theo từng giờ, từng ngày, từng tháng và từng mùa.

Sau đây là số liệu thống kê độ mặn tại một số điểm các sông vùng nghiên cứu của Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ thống kê trong nhiều năm.

Sông	Vị trí đo (cách biển)	Smax (‰)	Smin (‰)
Hàn	Cầu Nguyễn Văn Trỗi (4,5km)	25 ÷ 30	14 ÷ 16
	Cổ Mân (12km)	8 ÷ 12	3 ÷ 4
Thu Bồn	Duy Vinh (2,7km)	18 ÷ 22	10 ÷ 18
	Chợ Bà (6,8km)	18 ÷ 21	10 ÷ 18
	Duy Thành (10km)	0,5 ÷ 6	0,2 ÷ 0,6
	Cẩm Nam (8km)	22 ÷ 25	8 ÷ 13
	Cẩm Hà (10,5km)	14 ÷ 20	4 ÷ 9

4. Mạng lưới sông ngòi

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có các hệ thống sông chính như: Hệ thống sông Vu Gia- Thu Bồn, sông Tam Kỳ, sông Trường Giang, sông Trâu, sông Cu Đê,...

4.1. Hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn

Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được bắt nguồn từ vùng núi cao sườn phía Đông của dãy Trường Sơn, có độ dài của sông ngắn và độ dốc lòng sông lớn. Vùng núi lòng sông hẹp, bờ sông dốc đứng, sông có nhiều ghềnh thác, độ uốn khúc từ 1 ÷ 2 lần. Phần giáp ranh giữa trung lưu và hạ lưu lòng sông tương đối rộng và nông, có nhiều cồn bãi giữa dòng, về phía hạ lưu lòng sông thường thay đổi, bờ sông thấp nên vào mùa lũ hàng năm nước tràn vào đồng ruộng, làng mạc gây ngập lụt. Tổng diện tích lưu vực của hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn

tính đến cửa Hàn và cửa Đại là 10.318km² với chiều dài sông chính 206 km. Phần hạ lưu dòng chảy của 02 sông có sự trao đổi với nhau là: Sông Quảng Huế dẫn một lượng nước từ sông Vu Gia sang sông Thu Bồn; cách Quảng Huế 16 km, sông Vĩnh Điện lại dẫn một lượng nước sông Thu Bồn trả lại sông Vu Gia.

Hệ thống gồm 2 nhánh chính:

a) Sông Vu Gia: gồm nhiều nhánh sông hợp thành, đáng kể là các sông Đắc Mi (sông Cái), sông Bung, sông A Vương, sông Côn. Sông Vu Gia có chiều dài đến cửa ra tại Đà Nẵng là 204 km, đến Cẩm Lệ: 189 km, đến Ái Nghĩa: 166 km. Diện tích lưu vực đến Ái Nghĩa là 5.425 km². Hạ lưu sông Vu Gia có 2 nhánh nhập lưu là sông Vĩnh Điện, sông Túy Loan và nhiều phân lưu.

Sông Vu Gia có các phụ lưu lớn sau:

- Sông Cái: Bắt nguồn từ vùng núi cao trên 2.000m ở vùng biên giới Tây Nam thành phố Đà Nẵng, đầu nguồn thuộc tỉnh Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi, chiều dài sông nằm trên địa phận tỉnh Quảng Ngãi khoảng 38 km). Sông chảy theo hướng từ Nam đến Bắc rồi chuyển sang hướng từ Tây Nam đến Đông Bắc. Diện tích lưu vực sông Cái tính đến trạm thủy văn Thành Mỹ là 1.850 km², với chiều dài lòng sông chính là 129km.

- Sông Bung: Bắt nguồn từ vùng núi cao phía Tây Bắc thành phố Đà Nẵng, chảy theo hướng Tây sang Đông với chiều dài khoảng 131 km, diện tích lưu vực 2.433 km². Sông Bung có nhiều nhánh, trong đó có nhánh sông A Vương là lớn nhất có chiều dài 84 km, diện tích lưu vực 759 km².

- Sông Côn: Bắt nguồn từ vùng núi cao của xã Sông Kôn - thành phố Đà Nẵng. Diện tích lưu vực là 634 km², chiều dài sông tính đến cửa ra (cách cửa sông Bung khoảng 12km về phía hạ lưu): 47 km, hướng chảy chính Bắc - Nam.

- Phần hạ lưu sông Vu Gia khi chảy đến Ái Nghĩa có phân lưu là sông Quảng Huế mang nước từ sông Vu Gia đổ vào sông Thu Bồn. Dòng chính sông Vu Gia trước khi chảy qua địa phận thành phố Đà Nẵng cũ chia ra 2 phân lưu: sông Yên và sông Lạc Thành. Sông Yên chảy về phía An Trạch sau đó nhập lưu với sông Túy Loan chảy vào sông Hàn, đổ ra biển ở cửa Hàn. Sông Lạc Thành chảy xuống hạ lưu tách thành 2 nhánh: một nhánh nhập lưu với sông Quách Giáng và một nhánh là sông La Thọ; hai nhánh sông này đều nhập lưu với sông Vĩnh Điện chảy ra sông Hàn đổ ra cửa Hàn.

Ngoài ra còn có sông Túy Loan là phụ lưu cấp 1 của hệ thống sông Vu Gia, bắt nguồn từ đỉnh núi Bà Nà (độ cao 900m) ở sườn phía Nam dãy Bạch Mã, đổ vào bờ trái sông Vu Gia tại Hòa Nhơn (nay là xã Bà Nà). Sông có chiều dài 30km và diện tích lưu vực 309km². Đây là nguồn cấp nước quan trọng cho khu vực ngoại thành Đà Nẵng cũ phục vụ cho phát triển nông nghiệp.

b) Sông Thu Bồn: bắt nguồn từ vùng biên giới tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng ở độ cao hơn 2.000 m. Chảy theo hướng Nam - Bắc, về Phước Hội sông chảy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc khi đến Giao Thủy sông chảy theo

hướng Tây - Đông và đổ ra biển tại Cửa Đại. Diện tích lưu vực từ thượng nguồn đến Nông Sơn: 3.150 km², dài 126 km, diện tích nhánh Thu Bồn tính đến biển là 4.610 km², dài 206 km.

Thượng lưu sông được hình thành bởi ba nhánh sông chính là sông Tranh, sông Ngang và sông Trường.

- Sông Tranh: có diện tích lưu vực 2140 km², dài 130 km; đây là nhánh sông lớn và dài nhất của sông Thu Bồn, được hợp thành bởi 06 nhánh nhỏ bao gồm: suối Nước Lah (Flv = 95km², dài 17km), suối Nước Ta (Flv = 39km², dài 10km), suối Nước Xa (Flv = 74km², dài 20km), sông Leng (Flv = 189km², dài 25km), suối Ta Vin (Flv = 53km², dài 16km), sông Bui (Flv = 175km², dài 29km), và sông Vang (Flv = 240km², dài 33km).

- Sông Ngang (sông Tiên) có diện tích lưu vực 588 km², dài 57 km, gồm 3 nhánh chính: sông Trạm (Flv = 36km², dài 10km), sông Bồng Miêu (Flv = 40km², dài 13km), và sông Tiên (Flv = 129km², dài 32km).

- Sông Trường có diện tích lưu vực 424 km², dài 35 km, gồm 5 nhánh suối nhỏ: suối Lùm Mai (Flv = 16km², dài 10km), suối Bờ Loa (Flv = 83km², dài 20km), suối Mò O (Flv = 27km², dài 11km), suối Trà Lô (Flv = 114km², dài 23km), và suối Thanh Niên (Flv = 19km², dài 11km).

Hạ lưu sông Thu Bồn có mạng lưới phân lưu, nhập lưu khá phức tạp. Tại Giao Thủy, sông nhận nước từ sông Vu Gia qua nhánh sông Quảng Huế, về đến thị trấn Vĩnh Điện thì chi lưu Vĩnh Điện lại dẫn một phần nước từ sông Thu Bồn chảy vào sông Hàn, phần còn lại chảy ra biển qua Cửa Đại (Hội An).

4.2. Sông Tam Kỳ

Sông Tam Kỳ với diện tích lưu vực 994 km², dài 64 km bắt nguồn từ vùng núi phía Nam, nơi giáp ranh giữa thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi, với đỉnh núi Chúa cao 1.362 m, là đường phân nước của lưu vực sông Tam Kỳ và sông Trà Bồng. Sông chảy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, sau đó chuyển hướng Tây Bắc – Đông Nam và chảy vào sông Trường Giang. Lưu vực sông Tam Kỳ nằm ở vùng ven biển, địa hình chủ yếu là đồng bằng và gò đồi dạng bát úp với độ cao trên dưới 300m nên mật độ sông suối khá dày 0,5 km/km².

Sông Tam Kỳ có các nhánh sau: Sông Bàn Thạch (Flv = 525 km², dài 125 km), sông Quán (Flv = 38km², dài 11km), sông Vĩnh An (Flv = 74km², dài 27km), sông Châu (dài 14km). Trên thượng nguồn khi xây dựng hồ Phú Ninh (năm 1980) đã chặn dòng sông Mùì ở đèo Tư Yên, hồ chứa có diện tích lưu vực 235 km², dung tích hữu ích 273 triệu m³, cung cấp nước tưới cho 19.427ha đất sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp với tổng lưu lượng 3,70 m³/s, và còn đem lại nhiều lợi ích khác như cắt lũ, phát điện, nuôi trồng thủy sản, điều tiết khí hậu và du lịch sinh thái.

4.3. Sông Trường Giang

Sông Trường Giang có chiều dài khoảng 60 km, chạy dọc bờ biển và chảy theo hướng Bắc Nam, được ngăn cách với biển bởi dải cồn cát rộng lớn. Sông không có thượng lưu cũng không có hạ lưu; phía Bắc, sông Trường Giang nối với hạ lưu hệ thống sông Thu Bồn, ở phía Nam nối với hạ lưu hệ thống sông Tam Kỳ. Nguồn nước của sông Trường Giang một phần được thu nhận từ hai hệ thống sông Thu Bồn và Tam Kỳ, một phần do ảnh hưởng của thủy triều.

Chế độ dòng chảy của sông Trường Giang tương đối phức tạp. Vào mùa cạn, dòng chảy chủ yếu phụ thuộc vào thủy triều, khi thủy triều lên nước từ biển đổ vào các cửa và chảy theo hai hướng ngược nhau. Đoạn sông phía Bắc chảy theo hướng Nam và ngược lại. Khi thủy triều xuống, đoạn sông phía Nam chảy theo hướng Nam ra cửa Lở và cửa An Hòa, còn đoạn sông phía Bắc lại chảy theo hướng Bắc và đổ ra cửa Đại. Vào mùa lũ lớn, dòng chảy của sông phụ thuộc vào mức độ lũ của hai hệ thống sông Thu Bồn và Tam Kỳ.

Sông Trường Giang góp một phần thoát lũ cho các sông Vu Gia, Thu Bồn; đồng thời cũng là tuyến đường thủy nội địa quan trọng.

4.4. Sông Cu Đê

Sông Cu Đê nằm ở phường Hải Vân, phía Bắc thành phố Đà Nẵng có tổng diện tích lưu vực là 472 km², dài 38 km, đổ ra vịnh Đà Nẵng. Ở thượng nguồn có 2 nhánh sông chính là sông Bắc (Flv = 143km²) và sông Nam (Flv = 115,5km²), đến gần cửa sông dòng chính nhận nước từ sông Gia Tròn.

4.5. Một số hệ thống sông khác

- Sông Phú Lộc: là sông nhỏ, có diện tích lưu vực 29 km², bắt nguồn từ núi Phước Tường đổ ra vịnh Đà Nẵng.

- Sông Kim Liên: bắt nguồn từ núi Bạch Mã gần đèo Hải Vân và đổ vào vịnh Đà Nẵng.

- Sông Trâu có diện tích lưu vực 176 km², dài 33 km, bắt nguồn từ vùng núi huyện Núi Thành (cũ) và chảy ra biển theo hướng Tây sang Đông.

II. ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG²

1. Quy mô và phân bố dân số

Dân số trung bình năm 2025 của thành phố Đà Nẵng ước đạt 2.856,4 nghìn người, tăng 36,4 nghìn người, tương đương tăng 1,29% so với năm 2024. Trong đó, dân số thành thị đạt 1.627,7 nghìn người, chiếm 57,0%; dân số nông thôn đạt 1.228,7 nghìn người, chiếm 43,0%. Mật độ dân số khoảng 258 người/km². Dân số phân bố cực kỳ không đồng đều: Dân cư tập trung với mật độ “khổng lồ” ở dải duyên hải và vùng lõi đô thị (Hải Châu, Thanh Khê, An Khê, Liên Chiểu, Hội An Đông, Tam Kỳ). Ngược lại, tại các xã miền núi phía Tây (Nam Giang, Tây Giang,...), mật độ dân cư rất thưa thớt, có nơi chỉ dưới 20 người/km².

² Nguồn: Báo cáo số 565/BC-TKT ngày 31/12/2025 của Thống kê thành phố Đà Nẵng

2. Đặc điểm nguồn lao động

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2025 ước đạt 1.538,4 nghìn người, tăng 3,12% so với năm 2024, tương ứng tăng 46,5 nghìn người. Tỷ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo ước đạt 52,6%, tăng 1,1 điểm phần trăm so với năm trước, phản ánh hiệu quả của công tác đào tạo nghề và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn thành phố. Số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm năm 2025 ước đạt 1.506,9 nghìn người, tăng 3,6%, tương ứng tăng 52,9 nghìn người so với năm 2024. Tỷ lệ lao động phi chính thức năm 2025 giảm còn 48,4%, giảm 3,2 điểm phần trăm so với năm 2024. Thu nhập bình quân của người lao động làm công hưởng lương năm 2025 đạt 10.185 nghìn đồng/người/tháng, tăng 9,9% so với năm 2024, tương ứng tăng 919 nghìn đồng. Thu nhập và tiền lương của người lao động tăng chủ yếu do hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phục hồi ổn định, nhu cầu lao động gia tăng và việc điều chỉnh tiền lương nhằm ổn định quan hệ lao động, chuẩn bị lộ trình điều chỉnh lương tối thiểu vùng.

Sự phân hóa về chất lượng lao động có sự chênh lệch. Khu vực trung tâm sở hữu nguồn nhân lực tri thức, chuyên gia công nghệ và lao động qua đào tạo chuyên sâu rất cao. Trong khi đó, khu vực miền núi và nông thôn rộng lớn vẫn còn tỷ lệ lớn lao động phổ thông, chưa qua đào tạo bài bản.

3. Đặc điểm dễ bị tổn thương của dân cư trước thiên tai

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2025 tại Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND thành phố về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều của thành phố: 28.173 hộ, tỷ lệ 3,56%, gồm: 19.629 hộ nghèo, tỷ lệ 2,48%, 8.544 hộ cận nghèo, tỷ lệ 1,08%; trong đó: tỷ lệ nghèo đa chiều tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn còn rất cao như: xã La Êê: 73,36%, xã Sông Kôn: 52,19%; xã Đắc Pring: 48,4%; xã Hùng Sơn: 48,06%; xã A Vương: 43,62%; xã Tây Giang: 40,37%; xã Phước Thành: 52,73%; xã Bến Hiên: 38,6%; xã Bến Giằng: 39,62%...

Khu vực đồng bằng ven biển và lõi đô thị (Đà Nẵng (cũ), Hội An, Điện Bàn, Tam Kỳ (cũ)) có tỷ lệ hộ nghèo rất thấp. Hộ nghèo tại đây chủ yếu là các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội, già yếu, neo đơn, mất khả năng lao động.

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng có hàng chục ngàn đồng bào dân tộc thiểu số (Cơ Tu, Xơ Đăng, M'Nông, Co...) sinh sống tại các xã vùng cao. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo sẽ có sự gia tăng cục bộ tại các xã địa hình chia cắt, dễ sạt lở đất,... Sinh kế gắn liền với rủi ro tự nhiên: Phần lớn lao động nông - lâm - ngư nghiệp ở các xã miền núi và các xã bãi ngang ven biển có sinh kế phụ thuộc tuyệt đối vào thời tiết. Đây là những nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương nhất trước các thảm họa như bão lớn, lũ quét, xâm nhập mặn hay sạt lở đất.

4. Hiện trạng nhà ở

Khu vực đồng bằng, duyên hải và lõi đô thị thành phố chiếm khoảng 85% tổng số hộ. Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố tại vùng này đạt xấp xỉ 98%. Khả năng chống chịu tốt với áp thấp nhiệt đới, bão nhẹ (cấp 8, 9); rủi ro chủ yếu đến từ ngập lụt tầng trệt (như lưu vực Vu Gia - Thu Bồn, Túy Loan, Cu Đê) và tốc mái tôn đối với nhà bán kiên cố khi có bão mạnh cấp 11, 12 trở lên.

Khu vực miền núi và bãi ngang ven biển: Ước tính toàn thành phố mới có khoảng hơn 10.000 - 15.000 hộ đang sinh sống trong các ngôi nhà thiếu kiên cố và đơn sơ. Đại đa số các hộ này tập trung tại vùng đồi núi phía Tây và các xóm chài ven biển. Mức độ chịu đựng rủi ro thiên tai thấp, nguy cơ sập đổ hoàn toàn, hư hỏng khi có bão lớn và đặc biệt nguy hiểm tính mạng khi xảy ra các hình thái thiên tai cực đoan như sạt lở đất đồi núi và lũ quét.

III. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội³

Sau sáp nhập, thành phố Đà Nẵng tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung. GRDP năm 2025 của thành phố tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, phản ánh xu hướng phục hồi tích cực của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

Tốc độ tăng GRDP cả năm đạt 9,18%, đóng góp quan trọng vào mục tiêu phát triển kinh tế của thành phố, là mức tăng cao nhất giai đoạn 2021 - 2025; đứng thứ 9/34 địa phương trong cả nước và xếp thứ 2 trong 6 thành phố trực thuộc Trung ương.

Quy mô GRDP theo giá hiện hành năm 2025 của thành phố Đà Nẵng ước đạt 316,1 nghìn tỷ đồng, tăng thêm 35,5 nghìn tỷ đồng so với năm 2024. Mức tăng này phản ánh sự mở rộng quy mô nền kinh tế tương đối mạnh, phù hợp xu hướng phục hồi và tăng trưởng của các ngành chủ lực trong năm vừa qua. Duy trì vị thứ 13/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đóng góp khoảng 2,5% vào cơ cấu GDP cả nước. Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt trên 110 triệu đồng/người, tương đương 4.287 USD/người, xếp thứ 10/34 tỉnh, thành phố trong cả nước, tiếp tục nằm trong nhóm địa phương có mức thu nhập bình quân khá.

Về cơ cấu trong quy mô nền kinh tế, cơ cấu kinh tế của thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn gần đây cho thấy sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và dịch vụ hóa. Cụ thể, giá trị gia tăng (VA) khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 7,32% xuống còn 6,86%, phản ánh sự giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế, phù hợp với xu hướng phát triển đô thị và dịch vụ.

³ Nguồn: Báo cáo số 565/BC-TKT ngày 31/12/2025 của Thống kê thành phố Đà Nẵng

Trong khi đó, VA khu vực công nghiệp và xây dựng tăng từ 25,62% lên 25,99%, cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của công nghiệp và xây dựng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, VA khu vực dịch vụ tăng từ 54,34% lên 54,89%, khẳng định dịch vụ vẫn là trụ cột chính trong cơ cấu kinh tế của thành phố, đóng góp chủ yếu vào GRDP và thu ngân sách. Sự chuyển dịch này phản ánh quá trình tái cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Đà Nẵng.

Nhìn chung, cơ cấu kinh tế của thành phố Đà Nẵng đang thể hiện đặc điểm của một vùng đô thị công nghiệp - dịch vụ phát triển, có tính liên kết cao, với dịch vụ đóng vai trò chủ đạo, công nghiệp làm nền tảng và nông nghiệp đang từng bước chuyển đổi theo hướng công nghệ cao và sinh thái.

Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt trên 110 triệu đồng/người, tương đương 4.287 USD/người, xếp thứ 10/34 tỉnh, thành phố trong cả nước, tiếp tục nằm trong nhóm địa phương có mức thu nhập bình quân khá; tăng 7,3% so với năm 2024 sau khi loại trừ yếu tố trượt giá. Kết quả này cho thấy sự cải thiện về quy mô và năng lực sản xuất của nền kinh tế tính trên đầu người, trong bối cảnh GRDP của thành phố tiếp tục tăng trưởng và quy mô dân số được duy trì tương đối ổn định.

Quá trình tích hợp không gian kinh tế, điều phối hoạt động thương mại, du lịch liên vùng và sắp xếp lại hệ thống quản lý nhà nước đã tạo thêm cơ hội mở rộng thị trường; nhiều ngành dịch vụ vẫn duy trì được mức tăng trưởng tích cực, một số ngành tăng cao hơn mức bình quân của toàn khu vực, góp phần khẳng định vai trò then chốt của khu vực dịch vụ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng sau sáp nhập.

2. Hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Hệ thống giao thông

- Đường bộ

+ Cao tốc: là đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn qua địa phận thành phố và tuyến La Sơn - Túy Loan có chiều dài khoảng 116 km.

+ Quốc lộ: Mạng lưới Quốc lộ qua khu vực phía Nam của thành phố mới rất đa dạng, trải dài qua nhiều địa hình từ đồng bằng ven biển đến đồi núi cao, với tổng chiều dài khoảng hơn 840 km; trong đó: Quốc lộ 1A: 122,7 km; Quốc lộ 14B: 73,2 km (đoạn từ cảng Tiên Sa đến nút giao Túy Loan và xã Hòa Khương); Quốc lộ 14G: 66 km; Đường Hồ Chí Minh (QL14): 190 km; Quốc lộ 40B: 139 km; Quốc lộ 14E: 76 km; Quốc lộ 14H: 76 km; Quốc lộ 14D: 75 km; Hàm Hải Vân - Túy Loan: 25,4 km

+ Bến xe: Có tổng 14 bến xe khách, bao gồm cả các bến xe liên tỉnh trọng điểm cấp vùng và các bến xe phục vụ nội bộ cấp xã. Trong đó có 04 bến xe lớn là Bến xe Trung Tâm (nằm trên quốc lộ 1A (Tôn Đức Thắng) có diện tích 60.000 m²); Bến xe phía Nam (nằm trên quốc lộ 1A (nút giao quốc lộ 1A và

đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa); Bến xe Tam Kỳ (Bến xe khách tỉnh Quảng Nam (cũ) thuộc phường Bàn Thạch), Bến xe Hội An (phường Hội An), Bến xe Bắc Quảng Nam (phường Điện Bàn).

- Đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua thành phố là một trong những đoạn tuyến dài và quan trọng bậc nhất cả nước. Tuyến đường này trải dài từ hầm đèo Hải Vân ở phía Bắc kéo dài đến tận khu vực giáp ranh tỉnh Quảng Ngãi ở phía Nam, tổng chiều dài khoảng 120 km. Các ga lớn như Đà Nẵng, Tam Kỳ.

- Đường hàng không

+ (1) Sân bay quốc tế Đà Nẵng (Danang International Airport - DIA73) là sân bay hỗn hợp quân sự và dân dụng, có diện tích đường bao khoảng 1.100 ha, diện tích phần sân bay khoảng 850 ha, trong đó diện tích phần dân dụng khoảng 150 ha. DIA đạt tiêu chuẩn yêu cầu cho các loại máy bay cỡ lớn hoạt động. Sân bay quốc tế Đà Nẵng đạt tiêu chuẩn yêu cầu cho các loại máy bay cỡ lớn.

Cách trung tâm thành phố 5km, DIA có vị trí quan trọng trong hệ thống sân bay dân dụng Việt Nam tại khu vực miền Trung, là điểm trợ giúp quản lý điều hành bay, cung ứng dịch vụ không lưu cho các tuyến bay quốc tế Đông - Tây qua Việt Nam, có khả năng tiếp nhận hàng hóa và có khả năng phục vụ hành khách tăng cao hằng năm.

+ (2) Cảng hàng không Chu Lai (VCL) nằm tại xã Núi Thành là một trong những sân bay có diện tích lớn nhất Việt Nam và đóng vai trò hạt nhân trong việc kết nối hạ tầng giao thông của khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung. VCL có tổng diện tích khoảng 2.300 ha (quy hoạch quỹ đất dự phòng rất lớn cho mục tiêu trở thành trung tâm logistics hàng hóa quốc tế).

- Đường thủy:

+ Cảng biển: Hệ thống cảng biển của thành phố Đà Nẵng mới sau khi sáp nhập là một trong những cụm cảng quy mô và quan trọng nhất cả nước, hội tụ đầy đủ các loại hình từ cảng cửa ngõ quốc tế, cảng container, cảng du lịch đến cảng chuyên dụng phục vụ công nghiệp nặng.

(1) Cụm cảng khu vực phía Bắc (Đà Nẵng cũ)

Đây là cụm cảng lâu đời, có hạ tầng hiện đại và đang trong quá trình chuyển đổi công năng mạnh mẽ:

Cảng Tiên Sa: Hiện là cảng container và cảng du lịch quốc tế trọng điểm. Tiếp nhận được các tàu container lên đến 50.000 DWT và tàu khách quốc tế cỡ lớn. Trong tương lai, Tiên Sa sẽ dần chuyển dịch hẳn sang phục vụ du lịch và các loại tàu sạch.

Cảng Liên Chiểu (Dự án trọng điểm): Được quy hoạch là cảng cửa ngõ quốc tế loại đặc biệt. Đây là “trái tim” logistics mới của thành phố, đảm nhận vai trò bốc xếp hàng hóa thay thế cho Tiên Sa, có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải cực lớn (lên đến 100.000 DWT hoặc hơn).

Cảng Sơn Trà: Phục vụ chủ yếu cho vận tải xăng dầu và các mặt hàng chuyên dụng.

(2) Cụm cảng khu vực phía Nam (Quảng Nam cũ)

Cụm cảng này gắn liền với các khu kinh tế mở và các ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp:

Cảng Chu Lai: Cảng chuyên dụng phục vụ đa ngành, đặc biệt là công nghiệp ô tô, cơ khí và vận chuyển nông sản cho khu vực Tây Nguyên. Hệ thống kho bãi cực lớn, dịch vụ logistics trọn gói, kết nối trực tiếp với Khu kinh tế mở Chu Lai.

Cảng Kỳ Hà: Phục vụ vận tải nội địa và các khu công nghiệp lân cận, là cửa ngõ quan trọng cho việc xuất nhập khẩu các loại khoáng sản và hàng hóa rời tại khu vực phía Nam thành phố.

+ Đường thủy nội địa

Thành phố sở hữu một mạng lưới sông ngòi và đường thủy nội địa vô cùng phong phú, đan xen giữa các dòng sông lớn, sông ven biển và các cửa biển quan trọng. Tổng chiều dài các tuyến đường thủy nội địa đang được khai thác và đưa vào quy hoạch quản lý trên toàn địa bàn đạt khoảng hơn 420 km.

Các tuyến đường thủy nội địa trọng điểm:

(1) Tuyến khơi thông Sông Cổ Cò (Ngũ Hành Sơn - Hội An): Đây là tuyến đường thủy du lịch dài khoảng 28km, nối liền trực tiếp từ sông Hàn đi qua các khu nghỉ dưỡng ven biển Điện Bàn và đổ thẳng vào bến Cửa Đại (Hội An). Tuyến này đóng vai trò xương sống cho du lịch đường thủy của thành phố mới.

(2) Hệ thống Sông Vu Gia - Thu Bồn: Là trục đường thủy tự nhiên không lồ nối từ các xã, phường trung du miền núi (Đại Lộc, Vu Gia, Thu Bồn, Duy Xuyên, Điện Bàn, Hòa Tiến, Hòa Vang...) đổ về Cửa Đại và Cửa Hàn. Tuyến này không chỉ phục vụ vận tải thủy nội địa (vật liệu xây dựng, nông sản) mà còn mang tiềm năng lớn cho du lịch sinh thái văn hóa.

(3) Tuyến Sông Trường Giang: Dài khoảng 70km, chạy dọc sát bờ biển từ Cửa Đại (Hội An) xuyên qua Thăng Bình, Tam Kỳ và kết thúc tại Cửa Lở (Núi Thành, gần Chu Lai). Tuyến sông này đang được quy hoạch nạo vét quy mô lớn để trở thành trục giao thông thủy ven biển quan trọng nhất phía Nam thành phố mới, kết nối trực tiếp với các khu công nghiệp và cảng biển.

(4) Tuyến vận tải Vịnh Đà Nẵng - Cù Lao Chàm: Dù có một phần đi qua tuyến biển ven bờ, đây là luồng tuyến thủy nội địa kết nối giao thông hành khách và du lịch mũi nhọn, xuất phát từ bến sông Hàn ra đến đảo Cù Lao Chàm.

b) Hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế

Hệ thống công trình y tế của thành phố Đà Nẵng liên tục được nâng cấp, đầu tư đồng bộ theo phân tuyến, đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn và góp phần giảm tải cho tuyến trên.

Được kết hợp giữa trung tâm y tế chuyên sâu (Đà Nẵng cũ) và hệ thống chăm sóc sức khỏe bao phủ diện rộng (Quảng Nam cũ).

Tổng hệ thống bệnh viện và trung tâm y tế công lập lẫn tư nhân trên toàn địa bàn đạt khoảng 70 - 75 cơ sở trọng điểm. Trong đó bao gồm: khoảng 45 - 50 bệnh viện (đa khoa, chuyên khoa, trung ương, cấp tỉnh và tư nhân); 25 trung tâm y tế (TTYT) tuyến quận/huyện (cũ) (đảm nhiệm song song chức năng khám chữa bệnh và y tế dự phòng).

Các cơ sở y tế quy mô lớn, mang tính chất vùng như Bệnh viện Phụ sản - Nhi, Bệnh viện Ung bướu; Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng, thu hút và đào tạo nguồn nhân lực y tế có chất lượng nhằm phục vụ có hiệu quả và phát triển dịch vụ khám chữa bệnh cho nhân dân toàn khu vực Miền Trung - Tây Nguyên.

c) Giáo dục - đào tạo

Đà Nẵng là một trong những trung tâm giáo dục và đào tạo lớn nhất của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Mạng lưới trường, lớp được xây dựng và phát triển theo quy hoạch, kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo hướng chuẩn hóa và xã hội hóa. Trên địa bàn thành phố tập trung khoảng gần 40 trường Đại học, Học viện và Cao đẳng; hơn 700 trường phổ thông các cấp và gần 500 trường mầm non, mẫu giáo. Hệ thống cơ sở giáo dục là địa điểm thường xuyên được trưng dụng làm nơi trú tránh khi có thiên tai xảy ra.

d) Hệ thống điện lưới, chiếu sáng đô thị

- Nguồn điện

+ Thành phố mới sở hữu một trong những hệ thống điện lưới quy mô và đồng bộ nhất miền Trung, đảm bảo an ninh năng lượng cho cả công nghiệp nặng, dịch vụ du lịch và dân sinh. Nguồn cung cấp điện (Sản xuất năng lượng): Khu vực Quảng Nam (cũ) đóng vai trò là “nhà máy điện” của thành phố mới với hệ thống thủy điện bậc thang trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn (Thủy điện A Vương, Sông Tranh 2, Đak Mi 4...). Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió trên bờ và ngoài khơi) khu vực phía Nam (Núi Thành, Thăng Bình) rất lớn, bổ sung nguồn năng lượng sạch cho hệ thống.

+ Mạng lưới Truyền tải (500kV - 220kV - 110kV):

Trục xương sống 500kV: Tuyến đường dây 500kV Bắc - Nam (Mạch 1, 2, 3) chạy xuyên suốt chiều dài thành phố, với trạm biến áp 500kV Đà Nẵng và Trạm 500kV Dốc Sỏi (giáp ranh) đóng vai trò nút giao trọng yếu. Lưới điện 110kV/220kV mạch vòng: Cấp điện trực tiếp và an toàn cho các Khu công nghiệp lớn (Hòa Khánh, Điện Nam - Điện Ngọc, Chu Lai) và các khu du lịch ven biển.

Hầu hết địa bàn thành phố đã đạt tỷ lệ 100% có điện lưới quốc gia ổn định. Tuy nhiên, vẫn còn những khu vực chưa có điện lưới hoặc thiếu điện chủ yếu nằm rải rác ở các cụm dân cư nhỏ, các bản làng người đồng bào dân tộc

thiếu số nằm sâu trong rừng hoặc trên núi cao thuộc vùng miền núi (đặc biệt khi xảy ra thiên tai, chia cắt,...).

+ Lưới điện chiếu sáng: Hầu hết các tuyến đường đã được lắp đặt hệ thống chiếu sáng đáp ứng yêu cầu đi lại và sinh hoạt của người dân.

đ) Hệ thống cấp nước sinh hoạt

- Hệ thống cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp (Quy mô tập trung)

Mạng lưới cấp nước đô thị hiện nay là sự kết nối liên hoàn giữa các nhà máy nước công suất lớn, đảm bảo cung cấp trung bình từ 500.000 đến 600.000 m³/ngày đêm, phục vụ cho vùng lõi đô thị, dải ven biển và các khu công nghiệp trọng điểm.

(1) Cụm Nhà máy khu vực phía Bắc (Đà Nẵng cũ): Đây là trung tâm sản xuất nước sạch lớn nhất. Các nhà máy chủ lực bao gồm: Nhà máy nước Cầu Đỏ (chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 300.000 m³/ngày đêm), Nhà máy nước Hòa Liên (khai thác trực tiếp từ sông Cu Đê), cùng các trạm quy mô nhỏ hơn như Sơn Trà, Hải Vân. Tỷ lệ phủ mạng lưới đường ống nước sạch tại các địa phương đạt mức gần như tuyệt đối (100%).

(2) Cụm Nhà máy khu vực phía Nam (Quảng Nam cũ): Hệ thống được phân bổ theo các chuỗi đô thị dọc Quốc lộ 1A và ven biển. Các cơ sở trọng điểm bao gồm: Nhà máy nước Tam Kỳ, Nhà máy nước Hội An (khai thác nguồn nước ngầm và nước mặt từ hệ thống sông Thu Bồn), Nhà máy nước Điện Bàn và hệ thống cấp nước chuyên biệt phục vụ cho Khu kinh tế mở Chu Lai (Nhà máy nước Tam Hiệp).

- Hệ thống cấp nước sạch nông thôn: Nếu như nước sạch đô thị mang tính tập trung cao, thì bài toán cấp nước nông thôn của thành phố mới lại mang tính phân tán và đối diện với sự phức tạp về địa hình, trải dài từ đồng bằng lên tận biên giới. Hiện nay có tổng cộng có 558 công trình cấp nước tập trung (trong đó thành phố Đà Nẵng (cũ) có 13 công trình và tỉnh Quảng Nam có (cũ) có 545 công trình), tuy nhiên chỉ có 336 công trình hoạt động bền vững và tương đối bền vững, còn lại 222 công trình hoạt động kém bền vững hoặc không hoạt động. Hệ thống cung cấp nước sạch bằng các công trình cấp nước tập trung chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu của nhân dân. Còn lại hầu hết người dân nông thôn còn sử dụng nước từ sông, suối và các giếng khoan gia đình. Mỗi khi có nắng hạn gay gắt, nhiều hộ dân thiếu nước sinh hoạt; khi xuất hiện lũ lụt thường làm hư hỏng các đường ống dẫn nước từ các đập dâng về hộ gia đình, dẫn đến nhiều hộ dân không có nước sử dụng, nhất là tại các khu vực trung du miền núi.

e) Hệ thống công trình thủy lợi và đê, kè

Hệ thống công trình thủy lợi và đê, kè là hệ thống công trình quan trọng nhằm mục tiêu khai thác, sử dụng tổng hợp đa mục tiêu và phòng, chống thiên tai.

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã xây dựng được 1.349 công trình các loại, bao gồm: 93 hồ chứa, 917 đập dâng, 269 trạm bơm và 5 công trình khác

đảm nhận tưới cho khoảng 82.281,3ha (trong đó thành phố Đà Nẵng (cũ) khoảng 4.975,3ha và tỉnh Quảng Nam (cũ) khoảng 77.306ha) đạt khoảng 57% năng lực tưới thiết kế, đảm bảo tưới cho khoảng 48% diện tích canh tác cần tưới.

(1) Hệ thống công trình hồ chứa:

Trong tổng số 93 công trình hồ chứa nước có 25 hồ chứa nước lớn, 23 hồ chứa nước vừa và 45 hồ chứa nước nhỏ. Trong đó, công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng quản lý 18 hồ chứa lớn, 3 hồ chứa vừa và 16 hồ chứa nhỏ. Số hồ còn lại là do UBND các xã quản lý.

Nhiều công trình được đầu tư, nâng cấp chất lượng, hiện đại:

- Hồ chứa nước Phú Ninh: được xây dựng năm 1977 và hoàn thành năm 1986. Khu vực đầu mối của hồ Phú Ninh được xây dựng trên sông Tam Kỳ, thôn Phú Ninh, xã Tam Ngọc, hồ có dung tích hữu ích là 344 triệu m³. Hồ có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 23.000ha đất nông nghiệp; cắt lũ, chậm lũ cho hạ du, giảm 34,5% tổng lượng lũ thiết kế cho hạ du với tần suất 0,1%; cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp với lưu lượng $q=1,6$ m³/s, trong đó kênh chính Bắc 1,43 m³/s và kênh chính Nam 0,17 m³/s.

- Hồ chứa nước Khe Tân: là hồ lớn thứ 2 của thành phố Đà Nẵng, được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 1989, nâng cấp sửa chữa năm 2014 tại xã Phú Thuận. Hồ có dung tích hữu ích 46,5 triệu m³. Nhiệm vụ của hồ là cấp nước phục vụ tưới cho 3500ha đất canh tác và nuôi trồng thủy sản, cấp nước cho khoảng 10.000 người dân, đảm bảo mục tiêu phòng lũ, giảm thiểu các ảnh hưởng do thiên tai gây ra.

- Hồ Chứa nước Việt An: được xây dựng năm 1995 và đưa vào sử dụng năm 2002 tại xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức (nay là xã Đồng Dương, thành phố Đà Nẵng). Hồ có dung tích hữu ích 20,12 triệu m³ với nhiệm vụ cấp nước tưới cho 2.115ha đất sản xuất nông nghiệp đồng thời tham gia cắt lũ cho vùng hạ du.

- Hồ chứa nước Vĩnh Trinh: được xây dựng năm 1979 tại xã Thu Bồn với dung tích hữu ích 18,34 triệu m³; hồ có nhiệm vụ tưới cho 1.500ha, phòng lũ cho hạ du, cấp nước cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, cải tạo khí hậu, bảo vệ môi trường.

- Hồ chứa nước Thái Xuân: được xây dựng năm 1989 tại xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành (nay là xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng). Hồ có dung tích hữu ích 11,38 triệu m³; có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 1.030 ha.

- Hồ chứa nước Thạch Bàn: được xây dựng năm 1984 tại xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên (nay là xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng). Hồ có dung tích hữu ích là 9,6 triệu m³, có nhiệm vụ cấp nước tưới 890 ha đất canh tác.

- Hồ chứa nước Phú Lộc: được xây dựng tại xã Duy Sơn huyện Duy Xuyên (nay là xã Duy Xuyên, thành phố Đà Nẵng) có dung tích hữu ích là 2,5 triệu m³. Hồ có nhiệm vụ cấp nước tưới 160 ha đất canh tác.

- Hồ chứa nước Hồ Giang: được xây dựng tại xã Quế Long, huyện Quế Sơn (nay là xã Quế Sơn, thành phố Đà Nẵng) có dung tích hữu ích là 5,4 triệu m³. Hồ có nhiệm vụ cấp nước tưới 330 ha đất canh tác.

- Hồ chứa nước Đông Tiến: được xây dựng năm 2007 tại xã Bình Trị, huyện Thăng Bình (nay là xã Đồng Dương, thành phố Đà Nẵng) có dung tích hữu ích 5,39 triệu m³. Hồ có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 730 ha.

- Hồ chứa nước Phước Hà: được xây dựng năm 2000 tại xã Bình Phú, huyện Thăng Bình (nay là xã Thăng Phú, thành phố Đà Nẵng) có dung tích hữu ích 6,34 triệu m³. Hồ có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 400 ha.

- Hồ chứa nước Hòa Trung: được xây dựng năm 1997 và nâng cấp sửa chữa năm 2017 tại xã Hòa Liên với dung tích hữu ích 10,67 triệu m³. Hồ có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 950ha (thực tế khoảng 170ha), cấp nước sinh hoạt khoảng 10.000 người dân; cấp nước công nghiệp với công suất 10.000 m³/ngày đêm; và phòng lũ cho hạ du.

- Hồ chứa nước Đồng Nghệ: được xây dựng năm 1998 và nâng cấp sửa chữa năm 2012 tại xã Hòa Tiến với dung tích toàn bộ 17,17 triệu m³. Hồ có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 1500ha đất sản xuất nông nghiệp (thực tế khoảng 710ha), 07ha nuôi trồng thủy sản, tạo mặt nước phục vụ các hoạt động đua thuyền; phòng lũ cho hạ du.

(2) Hệ thống kênh mương

Tổng chiều dài kênh mương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay khoảng 4.140,41km (thành phố Đà Nẵng (cũ) khoảng 406,41 km và tỉnh Quảng Nam (cũ) 3.734km). Trong đó, Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Đà Nẵng quản lý các tuyến kênh với tổng chiều dài 827,97km; số còn lại do địa phương quản lý. Trong thời gian qua từ các nguồn vốn đầu tư đã kiên cố được 2.349,214 km kênh mương các loại. Đặc biệt, đối với hệ thống kênh mương hệ thống thủy lợi Phú Ninh, Khe Tân đã được đầu tư hoàn chỉnh từ các dự án WB. Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương đạt 70%. Nhìn chung, tiến độ kiên cố hóa kênh mương chậm, nguyên nhân chính là do khó khăn về nguồn kinh phí đầu tư, chưa huy động được nguồn vốn để đầu tư.

(3) Hệ thống đập dâng

Toàn thành phố hiện có 917 đập dâng lớn nhỏ khác nhau với diện tích tưới thiết kế 16.931ha. Trong 917 đập dâng thì có 5 đập có chiều cao >5m là đập Bàu Nít, Thanh Quýt, An Trạch, Hà Thanh và Duy Thành do Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi quản lý; các đập dâng vừa và nhỏ còn lại do UBND các xã quản lý.

(4) Hệ thống trạm bơm

Theo thống kê trên địa bàn thành phố hiện có 269 trạm bơm tưới, tổng năng lực tưới thiết kế 34.273ha, thực tưới 33.105ha. Trong đó Công ty TNHH

MTV Khai thác Thủy lợi quản lý 50 trạm bơm, còn lại 219 trạm bơm do UBND các xã quản lý.

(5) Công trình tiêu úng

Hiện trạng công trình tiêu, thoát nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chủ yếu dựa vào hệ thống sông suối tự nhiên như: sông Yên, sông Vĩnh Điện, sông Quá Giáng, sông La Thọ, sông Thanh Quýt, sông Kỳ Lam, sông Cô Cả, và một số sông suối nhỏ trong vùng.

Theo thống kê tại Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ) hiện có 107 kênh tiêu do Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Đà Nẵng quản lý với tổng chiều dài khoảng 129,712km và tổng diện tích cần tiêu khoảng 7.531ha. Trong số 107 kênh tiêu có: 07 kênh tiêu lớn (An Châu, Túy Loan, Tây Tịnh, An Trạch (tổ 1), Đập Đồng, Đập Sa, Đèo Ông Gấm); 12 kênh tiêu vừa, còn lại là kênh tiêu nhỏ.

Đối với địa bàn tỉnh Quảng Nam (cũ): Hiện trạng tiêu úng trên địa bàn là tiêu tự chảy vào các sông suối tự nhiên. Với mục tiêu thoát nước chủ yếu cho nông nghiệp, toàn tỉnh được phân chia ra thành 6 khu tiêu: trong lưu vực Vu Gia - Thu Bồn có 5 khu tiêu và lưu vực sông Tam Kỳ có 1 khu tiêu với tổng chiều dài kênh tiêu khoảng 70,5km và tổng diện tích tiêu là 3.930ha.

- Hệ thống đê, kè biển, đê, kè cửa sông, kè sông thành phố Đà Nẵng:

(1) Kè bảo vệ bờ sông:

Theo thống kê các công trình chính đã xây dựng trên địa bàn thành phố gồm 94 đoạn tuyến kè bảo vệ bờ sông. Các công trình kè bảo vệ bờ sông trong những năm qua đã được tập trung đầu tư xây dựng, nhìn chung các công trình kè đã phát huy được tác dụng, ngăn chặn sự xói lở, mất đất sản xuất, đất ở nhiều khu vực.

TT	Sông	Số đoạn tuyến kè bảo vệ	TT	Sông	Số đoạn tuyến kè bảo vệ
	Thu Bồn	23	8	Túy Loan	6
	Vu Gia	9	9	Lỗ Đông	2
	Quảng Huế	1	10	Hội Phước	2
	Vĩnh Điện	13	11	Cu Đê	6
	Quá Giáng	8	12	Cổ Cò	1
	Yên	5	13	Hàn	12
	Cầu Đỏ - Cẩm Lệ	1	14	Các tuyến sông khác	5

(2) Kè bảo vệ bờ biển:

Các công trình kè bảo vệ bờ biển, cửa sông tại thành phố Đà Nẵng chỉ mới được xây dựng bảo vệ các tuyến đường dọc biển, các bãi tắm, các khu du lịch, các resort như: Kè bảo vệ đường Lê Đức Thọ (đoạn qua âu thuyền Thọ Quang): 2 tuyến, 1 tuyến kè bảo vệ đường Nguyễn Tất Thành, 1 tuyến kè bảo vệ đường Lê Văn Duyệt, 4 tuyến kè bảo vệ đường Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp, 4 tuyến kè biển Vĩnh Đà Nẵng (đê kè biển Liên Chiểu – Thuận Phước), 1 tuyến kè âu thuyền Thọ Quang, 5 tuyến kè bảo vệ bãi tắm tại bờ biển đường Trường Sa-Võ Nguyên Giáp- Hoàng Sa, 1 tuyến kè bảo vệ bãi tắm Thanh Khê tại bờ biển Nguyễn Tất Thành; hệ thống kè ở đoạn bờ phía Bắc Cửa Đại; hệ thống kè ở khu vực cửa sông Cửa Đại; kè bờ biển thuộc xã Tam Thanh và tuyến kè chống sạt lở bờ biển Tam Hải. Các công trình này đã góp phần ngăn chặn được một phần nào đó tình trạng sạt lở bờ biển.

(3) Công trình đê điều

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 124 km đê cấp V (18 tuyến đê sông và 21 tuyến đê cửa sông)⁴ chủ yếu làm nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt cho đất sản xuất nông nghiệp. Qua các đợt bão, lũ các năm, một số tuyến đê bị ảnh hưởng bởi triều cường, lũ, ngập lụt... gây sạt lở, hư hỏng làm ảnh hưởng đến sản xuất của nhân dân. Hầu hết các tuyến đê được đắp bằng đất, qua thời gian đưa vào sử dụng đến nay phần lớn đã xuống cấp, hư hỏng, mặt cắt đê bị biến dạng, sạt lở mái; đỉnh đê bị sạt lở, bào mòn thấp hơn cao trình thiết kế ban đầu; mặt đê nhỏ trung bình từ 1m ÷ 2m nên việc giao thông, đi lại trên đê còn hạn chế.

g) Hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông

Thành phố Đà Nẵng có hạ tầng Công nghệ thông tin - Truyền thông (CNTT-TT) với quy mô khá lớn và hiện đại, được mở rộng theo hướng dịch vụ đa dạng, phong phú với chất lượng ngày càng cao đáp ứng các yêu cầu của người dân, doanh nghiệp, cũng như sẵn sàng cho việc triển khai xây dựng thành phố thông minh.

(1) Hạ tầng viễn thông và kết nối Quốc tế

Thành phố mới sở hữu hạ tầng kết nối vượt trội, là cửa ngõ viễn thông quốc tế quan trọng bậc nhất của cả nước.

Trạm cáp bờ cáp quang biển Quốc tế: Khu vực bờ biển Đà Nẵng (cũ) là điểm cập bờ của nhiều tuyến cáp quang biển quốc tế huyết mạch (như SMW3, APG, và các tuyến mới trong quy hoạch). Điều này giúp thành phố có độ trễ Internet quốc tế thấp nhất khu vực, thu hút mạnh mẽ các tập đoàn công nghệ toàn cầu. Mạng lưới 5G và Băng thông rộng: Vùng lõi đô thị (Hải Châu, Sơn Trà, Hội An) và các khu công nghiệp trọng điểm (Chu Lai, Điện Nam - Điện Ngọc) được phủ sóng 5G dày đặc để phục vụ du lịch thông minh và tự động hóa

⁴ Đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp tại Quyết định số 5138/QĐ-BNNMT ngày 05/12/2025

nhà máy (Smart Factory). Mạng cáp quang băng rộng (FTTH) bao phủ đến hơn 95% hộ gia đình, vươn tới cả các xã vùng sâu vùng xa.

(2) Mạng lưới Trung tâm Dữ liệu (Data Center) & Cloud

Không gian rộng lớn sau sáp nhập mở ra cơ hội xây dựng các Data Center quy mô siêu lớn (Hyperscale) đạt chuẩn quốc tế (Tier III, Tier IV):

Trung tâm dữ liệu đô thị: Tích hợp tại khu vực FPT City, Công viên Phần mềm Đà Nẵng phục vụ trực tiếp cho tài chính, ngân hàng và chính quyền điện tử.

Trung tâm dữ liệu xanh (Green Data Center): Định hướng phát triển tại khu vực phía Nam (xã Thăng Bình, Thăng An, Núi Thành,...), tận dụng quỹ đất rộng và nguồn năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió) dồi dào của Đà Nẵng để phát triển các trung tâm dữ liệu thân thiện với môi trường, phục vụ lưu trữ đám mây quốc gia.

(3) Các Khu Công nghệ Thông tin (IT Parks) và R&D

Công viên Phần mềm Đà Nẵng (Số 1 & Số 2); Khu Công nghệ Thông tin tập trung Đà Nẵng (Danang IT Park); Khu liên hợp công nghệ Chu Lai;...

(4) Đô thị Thông minh (Smart City) và Chính quyền Điện tử

Trung tâm Giám sát Điều hành Thông minh (IOC): IOC của Đà Nẵng (vốn đã rất phát triển) được mở rộng bằng thông và phân hệ để kết nối toàn bộ hệ thống camera an ninh, cảm biến giao thông, quan trắc môi trường, khí tượng thủy văn chuyên dùng,...trên địa bàn thành phố.

Cơ sở dữ liệu tập trung: Các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, y tế, giáo dục được hợp nhất lên một nền tảng Cloud duy nhất, giúp người dân từ bất cứ xã phường nào cũng có thể thực hiện 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 mà không cần di chuyển.

Tuy nhiên, hiện nay thành phố đang đối mặt với thách thức xóa “Vùng lõm” sóng tại khu vực miền núi. Với diện tích rừng núi chiếm tỷ lệ lớn ở khu vực phía Tây, việc phủ sóng viễn thông đối mặt với rào cản địa hình hiểm trở. Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ khu vực Đà Nẵng (cũ) và các khu vực đồng bằng, ven biển của Quảng Nam (cũ) đã được phủ sóng 100%. Các vùng lõm sóng tập trung hoàn toàn ở các địa phương miền núi phía Tây thành phố với khoảng 65 - 70 điểm lõm sóng. Đây là thách thức lớn cho vấn đề thông tin liên lạc khi có thiên tai xảy ra.

3. Định hướng phát triển của thành phố Đà Nẵng đến năm 2050 và tầm nhìn đến năm 2075

Theo Quyết định 628/QĐ-TTg ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn 2075. Mục tiêu của quy hoạch là phát triển Đà Nẵng thành đô thị thông minh, sinh thái, hiện đại, trung tâm dịch vụ - du lịch quốc tế và trung tâm kinh tế biển.

a) Mục tiêu phát triển

- Đến năm 2050: Xây dựng Đà Nẵng là thành phố hiện đại, thông minh, đáng sống và giàu bản sắc; là cực tăng trưởng quan trọng của quốc gia; đóng vai trò là trung tâm quốc gia và khu vực về logistics, kinh tế biển, thương mại, tài chính, thương mại tự do, khoa học - công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; trung tâm du lịch - di sản, văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao; phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo.

- Tầm nhìn đến năm 2075: Xây dựng Đà Nẵng là thành phố sinh thái, hiện đại, thông minh và giàu bản sắc; Thành phố có sức hấp dẫn, an toàn và đáng sống mang tầm quốc tế.

b) Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật:

- Đối với khu vực đô thị: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của từng khu vực đô thị loại II, III được áp dụng trong quá trình lập quy hoạch trên cơ sở định hướng hệ thống đô thị và cấu trúc không gian, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

- Đối với các khu vực nông thôn: Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, giải pháp quy hoạch được áp dụng theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở dữ liệu thực tế của từng khu vực đảm bảo các yêu cầu về phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm hành lang thoát lũ, chống sạt lở; an toàn cấp nước, cấp điện; thu gom và xử lý nước thải; thu gom và xử lý chất thải rắn; vệ sinh môi trường... đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định hiện hành có liên quan. Đối với các khu vực mang tính chất đặc thù như khu vực phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), đô thị xanh, thông minh, sinh thái, đô thị nén, đô thị lấn biển các chỉ tiêu có sự khác biệt với các quy chuẩn, tiêu chuẩn sẽ được đề xuất bổ sung dựa trên các luận chứng đảm bảo tính phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển của từng mô hình phát triển.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

I. HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Công tác triển khai văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến phòng, chống thiên tai

a) Giai đoạn 2021-2025 (trước khi sáp nhập thành phố Đà Nẵng (cũ) và tỉnh Quảng Nam): Cả hai địa phương đều đã chủ động ban hành nhiều Kế hoạch, Quyết định nhằm cụ thể hóa Luật Phòng, chống thiên tai, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan; các chỉ thị, chương trình, kế hoạch của Trung ương về công tác phòng, chống thiên tai nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

b) Trong thời gian qua, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều văn bản để triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai như Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 13/6/2025 về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025; Công văn số 4082/UBND-KT ngày 26/6/2025 về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Công văn số 602/UBND-KT ngày 28/7/2025 về tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trong thời gian tới; Công văn số 1245/UBND-KT ngày 18/8/2025 về triển khai thực hiện Thông báo số 394/TB-VPCP ngày 03/8/2025 của Văn phòng Chính phủ; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 24/3/2026 của Chủ tịch UBND thành phố về chủ động triển khai các phương án, giải pháp phòng, chống hạn hán và xâm nhập mặn năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 26/5/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về công tác phòng, chống thiên tai; Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 06/05/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2026-2030” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND thành phố về Ban hành Quy định về nội dung chi, mức chi và nhiệm vụ tổ chức công tác thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 26/05/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về Ban hành quy trình công bố và triển khai quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai; thực hiện dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử, điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Kế hoạch số 345/KH-UBND ngày 09/07/2026 về triển khai thực hiện Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và một số văn bản khác có liên quan.

c) Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành các Quyết định để triển khai các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, cụ thể như: Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 về việc ban hành Phương án phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 về việc phê duyệt Phương án Phòng chống và khắc phục hậu quả ứng với một số kịch bản thiên tai năm 2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; sau khi sáp nhập, ngày 26/9/2025, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 1657/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai; Quyết định số 1143/QĐ- UBND ngày 23/8/2025 về thành lập Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự

thành phố Đà Nẵng; năm 2026, đã phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 26/5/2026; các quyết định về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng; ban hành các quyết định công bố tình huống khẩn cấp do thiên tai...

d) Thành ủy Đà Nẵng ban hành Kế hoạch số 70-KH/TU ngày 07/4/2026 của Thành ủy Đà Nẵng, Đảng ủy UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch số 72-KH/ĐU ngày 14/4/2026; UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 29/5/2026 về tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

đ) Xây dựng Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 06/5/2026 về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2026-2030” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

e) Thành lập và kiện toàn Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố và bộ máy hoạt động.

2. Hệ thống Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp và quy chế phối hợp

a) Cấp thành phố

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự và Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự Chủ tịch UBND thành phố đã kiện toàn Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng và ban hành Quy chế hoạt động đảm bảo theo quy định:

- Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 23/8/2025 về thành lập Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Quyết định số 41/QĐ-BCH ngày 09/10/2025 của Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố là Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường được giao là cơ quan tham mưu về phòng, chống thiên tai cho Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự thành phố.

b) Cấp xã

- UBND cấp xã thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã và được kiện toàn hằng năm để chỉ huy, điều hành công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn quản lý. Huy động lực lượng công an, quân sự, các cơ quan chuyên môn, hội, đoàn thể, lực lượng dân quân tự vệ, xung kích để tham gia công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Ngoài ra, UBND các địa phương còn huy động nhân lực, phương tiện của các doanh nghiệp trên địa bàn.

c) Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai

Trong thời gian vừa qua, được sự quan tâm đầu tư của Thành uỷ, UBND thành phố, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các bộ phận giúp việc tham mưu công tác phòng, chống thiên tai các cấp, nhất là cấp thành phố đã dần được trang bị cơ bản đầy đủ, bước đầu được hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu cơ bản để trực ban, thông tin liên lạc, tổ chức tổng hợp, tham mưu,... trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

d) Quy định về phân công nhiệm vụ các thành viên, quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan

- Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự thành phố được quy định chặt chẽ tại Quyết định số 41/QĐ-BCH ngày 09/10/2025.

- Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quy chế về công tác trực ban, họp và ban hành công điện chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 30/12/2025.

- UBND cấp xã triển khai phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã.

II. NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

- Theo quy định của Chính phủ tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai, các cơ quan chức năng của thành phố Đà Nẵng tiếp nhận các bản tin dự báo khí tượng thủy văn trên địa bàn chủ yếu từ Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia. Các sản phẩm dự báo bao gồm nhận định, dự báo theo mùa vụ: đông xuân, hè thu và theo thời gian một tháng, tuần; các bản tin cảnh báo, dự báo bão, lũ và các loại hình thiên tai khác khi có nguy cơ xảy ra trên địa bàn. Công tác dự báo thiên tai của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ trong thời gian qua đã được chú trọng đầu tư, hiện đại hóa và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, các mô hình tiên tiến để nâng cao chất lượng dự báo, chất lượng các bản tin dự báo dần dần được cải thiện, tính chính xác và độ tin cậy cao; hệ thống truyền tin giữa các đơn vị đo đạc, dự báo được nâng cấp, chủ yếu qua mạng Internet; tự động hóa dần quá trình truyền số liệu nhằm đảm bảo về mặt thời gian, chất lượng dữ liệu quan trắc phục vụ dự báo đã cung cấp kịp thời diễn biến thiên tai cho các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư để chủ động phòng tránh, ứng phó hiệu quả với thiên tai; nội dung bản tin dự báo, cảnh báo bão, lũ được cải tiến về hình thức và nội dung, là cơ sở giúp địa phương triển khai phương án phòng, chống lụt bão phù hợp, sát với diễn biến thiên tai.

- Mạng lưới trạm quan trắc KTTV quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng do Đài Khí tượng thủy văn Trung bộ quản lý có 73 trạm gồm: 06 trạm khí

tượng bề mặt, 24 trạm thủy văn (trong đó 23 trạm kết hợp đo mưa), 01 trạm radar, 02 trạm hải văn, 01 trạm vô tuyến, 28 trạm đo mưa độc lập, 08 điểm đo mặn, 01 trạm giông sét, 01 trạm đo bức xạ và 01 trạm trung chuyển số liệu (trạm lắp).

- Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng: theo số liệu thống kê được, hiện có 03 trạm khí tượng chuyên dùng, 121 trạm đo mưa (trong đó có 77 trạm do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý và 44 trạm do các chủ hồ trên địa bàn lắp đặt), 29 trạm thủy văn (trong đó 08 trạm đo mực nước sông), 01 điểm đo mặn và 22 tháp cảnh báo lũ, 56 tháp báo ngập tự động đã được lắp đặt để kịp thời cung cấp số liệu phục vụ cảnh báo thiên tai. Ngoài ra các chủ đập thủy điện đã xây dựng 27 trạm loa thông tin, mốc thủy chí báo ngập lụt vùng hạ du, cùng các biển chỉ dẫn vùng ngập hạ du, cảnh báo công tác vận hành, điều tiết hồ chứa cho nhân dân vùng hạ du biết, sơ tán về những vị trí an toàn khi xảy ra các tình huống ngập lụt.

- Trong những năm 2020-2025, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố được quan tâm đầu tư, có bước chuyển biến tích cực, mật độ các trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng gia tăng kèm theo chất lượng cung cấp dịch vụ quan trắc được chú trọng nâng cao, phương thức quan trắc thủ công dần được thay thế bằng tự động; các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng đã bổ sung đáng kể dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn tại các địa phương và các công trình chuyên dụng góp phần cùng với hệ thống khí tượng thủy văn quốc gia trên địa bàn thành phố dân đáp ứng nhu cầu của công tác quản lý phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, cùng với quá trình sáp nhập hai đơn vị hành chính cấp tỉnh (Quảng Nam và Đà Nẵng cũ) và việc tổ chức mô hình quản lý hành chính 02 cấp, hiện nay thành phố Đà Nẵng mới có 94 xã, phường, đặc khu với quy mô địa bàn rộng, điều kiện tự nhiên và đặc điểm thiên tai khác nhau rõ rệt giữa các khu vực. Trong khi đó, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn hiện có còn chưa đồng bộ, mật độ trạm chưa phân bố phù hợp, đặc biệt là ở các khu vực miền núi, ven sông, ven biển và các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai còn thưa thớt. Theo thống kê, hiện có 29/94 xã, phường chưa có trạm đo mưa chuyên dùng phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

Vì vậy, cần tiếp tục đầu tư phát triển và hoàn thiện mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là hết sức cần thiết, nhằm bảo đảm thu thập chi tiết và bao quát dữ liệu khí tượng thủy văn cho toàn bộ 94 xã, phường, đặc khu.

2. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng, chống thiên tai

Hệ thống phương tiện, vật tư, trang thiết bị phòng, chống thiên tai của thành phố Đà Nẵng được chuẩn bị và huy động dựa trên nguyên tắc xuyên suốt là phương châm “4 tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; Lực lượng tại chỗ; Phương tiện, vật tư tại chỗ; Hậu cần tại chỗ). Việc bố trí trang thiết bị được tính toán kỹ lưỡng theo từng cấp độ rủi ro thiên tai (từ cấp 1 đến cấp 4) và đặc thù địa hình của từng

xã, phường (ngập lụt đô thị, bão, sạt lở đồi núi,...). Cụ thể số lượng dự trữ và sẵn sàng điều động trên toàn địa bàn (bao gồm các Sở, ban, ngành, lực lượng vũ trang và các địa phương) theo Phương án ứng phó thiên tai với các cấp độ rủi ro năm 2026 như sau:

(1) Hệ thống phương tiện cơ giới đường bộ (Tổng: 1.847 chiếc)

Đảm bảo phục vụ công tác di dời dân cư, vận chuyển lương thực, cấp cứu và khắc phục hậu quả nhanh chóng trên các tuyến giao thông: Xe ô tô các loại (xe tải, xe khách, bán tải...): 1.411 chiếc; xe cứu hộ chuyên dụng: 318 chiếc; xe cứu thương: 118 chiếc

(2) Hệ thống phương tiện thủy (Tổng: 3.145 chiếc)

Bố trí phân tán tại các địa phương ven biển, ven sông và các vùng trũng thấp để cứu nạn trên biển và di dời người dân khỏi các điểm ngập lụt sâu: Ghe các loại: 1.828 chiếc; tàu, thuyền lớn: 962 chiếc; ca nô cứu hộ cơ động: 355 chiếc,...

(3). Trang thiết bị cứu sinh, cứu hộ cá nhân (Tổng: hơn 93.000 thiết bị)

Đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân và lực lượng cứu hộ trong điều kiện bão lũ cường độ cao: Áo phao: 40.580 chiếc; phao cứu sinh (phao tròn): 30.143 chiếc; phao bè cứu sinh: 350 chiếc; cuộn dây cứu người: 9.859 cuộn;...

(4) Máy móc, thiết bị xử lý hiện trường và sinh hoạt

Được trang bị xuống tận các phường/xã nhằm xử lý lập tức tình trạng cây xanh ngã đổ, cô lập cục bộ hoặc mất điện diện rộng: Máy phát điện dự phòng: 1.365 máy; máy cưa cầm tay (cắt cây ngã đổ, chướng ngại vật): 1.473 máy; đèn pin chiếu sáng: 5.846 chiếc; rựa/dao rựa (phát quang, dọn dẹp): 5.862 cái; mặt nạ các loại (phòng độc, lặn): 273 chiếc; nhà bạt (dựng chốt chỉ huy dã chiến, điểm sơ tán): 872 bộ;...

(5) Vật tư gia cố và thông tin liên lạc

Bảo vệ công trình, chằng chống nhà cửa và duy trì liên lạc thông suốt từ Ban Chỉ huy đến hiện trường: Bao cát (gia cố đê kè, mái nhà, chống ngập): 116.135 bao; loa cầm tay (phát thanh, hướng dẫn sơ tán): 2.649 cái; bộ đàm cầm tay: 1.032 cái; bộ đàm để bàn (tại các trạm chỉ huy): 125 cái;...

Công tác tổ chức tiếp nhận các phương tiện, trang thiết bị và phân bổ đảm bảo công khai, cơ bản phục vụ yêu cầu công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Các phương tiện, trang thiết bị cơ bản được quản lý, sử dụng và bảo dưỡng tốt, phát huy công năng trong quá trình sử dụng đảm bảo yêu cầu cứu hộ cứu nạn.

Nhìn chung, trong thời gian qua, các trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đã được chú trọng đầu tư. Tuy nhiên, trang thiết bị, phương tiện, vật tư phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, thông tin liên lạc tại các địa phương và các lực lượng cứu hộ cứu nạn vẫn còn

hạn chế, chưa phù hợp, chưa được hiện đại hoá, tính chuyên nghiệp chưa cao trong bối cảnh thiên tai diễn ra ngày càng khốc liệt, khó lường, cần tiếp tục được tăng cường, đặc biệt là các địa phương vùng miền núi của thành phố.

3. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố năm 2026. Thành phố Đà Nẵng có thể huy động hơn 36.000 người (bao gồm cả chỉ huy, lực lượng vũ trang và thanh niên xung kích) trải đều khắp 94 phường/xã/đặc khu trên toàn địa bàn. Nhân lực phục vụ công tác phòng, chống thiên tai được tổ chức bài bản, phân cấp rõ ràng và phối hợp chặt chẽ giữa hệ thống chính trị với lực lượng vũ trang chuyên nghiệp (là nòng cốt) kết hợp với sức mạnh từ cộng đồng cơ sở nhằm ứng phó hiệu quả với các kịch bản rủi ro thiên tai cấp độ cao. Cụ thể, lực lượng được phân bổ theo các nhóm chức năng như sau:

(1) Lực lượng chỉ huy và tham mưu điều hành (Tổng: 6.468 người)

Đây là lực lượng nòng cốt trong việc ra quyết định, theo dõi diễn biến thiên tai và tham mưu chỉ đạo trên toàn địa bàn. Thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp: 6.834 người; cán bộ thường trực phòng, chống thiên tai các cấp: 2.871 người.

(2) Lực lượng vũ trang trực tiếp tham gia ứng phó

Là lực lượng chủ lực, được trang bị kỹ năng chuyên môn cao và phương tiện chuyên dụng để trực tiếp sơ tán dân, cứu hộ, cứu nạn tại các điểm nóng khi có thiên tai xảy ra (Quân sự: 2.805 người; Dân quân tự vệ: 12.868 người; Công an,...(đây là lực lượng đông đảo nhất, bám sát địa bàn cơ sở)).

(3) Lực lượng hỗ trợ và xung kích tại chỗ (Tổng: 11.903 người)

Đây là lực lượng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ ban đầu, tại chỗ chằng chống nhà cửa, di dời tài sản cho người dân trước thiên tai; đồng thời tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường, khắc phục hậu quả và ổn định đời sống sau bão lũ.

4. Công tác thông tin, truyền thông trong phòng, chống thiên tai

Hệ thống thông tin, truyền thông trong phòng, chống thiên tai của thành phố Đà Nẵng được xây dựng theo mô hình đa tầng, đa kênh, kết hợp giữa công nghệ hiện đại và phương thức truyền thống cơ sở, đảm bảo sự kết nối xuyên suốt từ chính quyền đến từng người dân trong mọi tình huống khẩn cấp.

UBND thành phố chỉ đạo các đơn vị viễn thông xây dựng phương án đảm bảo thông tin liên lạc trong mùa mưa bão; chuẩn bị đầy đủ phương tiện, thiết bị, vật tư dự phòng như các thiết bị viba, xe lưu động, máy nổ, máy phát điện, xăng dầu, ắc quy và các thiết bị kỹ thuật khác để sẵn sàng triển khai, ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra; kiểm tra bảo dưỡng các máy thuộc dạng ưu tiên phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, dự phòng một số bộ vô tuyến ít kênh VSAT để ứng cứu cho mạng tại các nơi có hồ chứa nước và các xã miền núi.

Truyền tin về công tác chỉ đạo, chỉ huy, ứng phó thiên tai: Thành phố triển khai đa dạng các kênh truyền thông để đảm bảo độ phủ sóng tối đa:

- Hệ thống chuyên dụng: Sử dụng tổng đài nhắn tin SMS, hệ thống truyền thanh không dây, tin nhắn qua ứng dụng Zalo (Tổng đài 1022 Đà Nẵng), Facebook và các cổng thông tin điện tử của chính quyền.

- Truyền thông đại chúng: Báo và Phát thanh, truyền hình Đà Nẵng và các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn thành phố thực hiện tiếp sóng, phát các bản tin dự báo, cảnh báo liên tục và phát tin khẩn cấp khi rủi ro thiên tai.

- Truyền thông cơ sở: Sử dụng hệ thống loa truyền thanh phường, xã; xe loa lưu động tại các khu dân cư; gõ mõ, kèn cảnh báo tại các khu vực vùng sâu, vùng xa hoặc khi mất điện.

- Liên lạc trực tiếp: Điện thoại di động, bộ đàm chuyên dụng và hệ thống thông tin trực tuyến phục vụ chỉ huy, điều hành giữa các cấp Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố.

Trường hợp khẩn cấp sẽ tham mưu UBND thành phố đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ đạo các tập đoàn viễn thông Roaming tạm thời giữa các nhà mạng di động để đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo phòng, chống thiên tai tại địa phương.

5. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai

Thực hiện Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030”, UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 10/8/2021 về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Kế hoạch số 151/KH-UBND); UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 về triển khai thực hiện Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1900/QĐ-UBND). Ngày 06/05/2026, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 218/KH-UBND về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2026-2030” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, truyền thông: UBND thành phố đã bố trí kinh phí hằng năm cho Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, tổ chức triển khai các hoạt động:

- + Giai đoạn 2021-2025:

Chi cục Thủy lợi⁵, Trung tâm Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai Đà Nẵng (cũ) tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền, hội thi với nội dung và hình thức tuyên truyền theo hướng đa dạng hóa, phù hợp với từng đối tượng cụ thể, ứng dụng công nghệ thông tin; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai cho người dân, đội xung kích phòng, chống thiên tai để chủ động phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại; biên soạn sổ tay tài liệu tập huấn Tài liệu tập huấn cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai cấp xã, phường, Tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và in ấn cấp phát cho các quận, huyện, xã, phường; in ấn và cấp phát bản đồ theo dõi đường đi cơn bão cho các phường...

Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Nam tổ chức 22 lớp tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai cho đội xung kích xã, cộng đồng và tập huấn cho học sinh về cách phòng tránh tai nạn đuối nước, cách cứu, sơ cứu nạn nhân bị đuối nước (2023: 12 lớp, 2024: 10 lớp); xây dựng và phát hành 2712 Sổ tay PCTT (2022: 1212 cuốn, 2023: 1500 cuốn).

Bên cạnh đó, các công chức, viên chức phụ trách công tác phòng, chống thiên tai của Chi cục Thủy lợi (Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự) được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về lĩnh vực phòng, chống thiên tai do cơ quan Trung ương, Bộ, ngành tổ chức.

Năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông tổ chức 20 lớp tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho 900 người (tại các xã/phường Bến Hiên, Trà Liên, Sông Kôn, Trà Đốc, Hiệp Đức, Hải Vân, Lãnh Ngọc, Thăng An, Hòa Tiến, Hòa Vang, Trà Tân Phước Chánh, Bến Giằng, Tân Hiệp, Tam Hải, Hà Nha, Duy Xuyên, Đồng Dương, Quế Sơn Trung, Đại Lộc). Tổ chức 10 Hội thi Rung chuông vàng "Cùng em tìm hiểu về Phòng, chống thiên tai" cho 1.000 học sinh THCS trên địa bàn Phường Điện Bàn Đông và xã Quế Sơn để tuyên truyền nâng cao kiến thức, phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Hội Chữ thập đỏ thành phố đã chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các trường học và các địa phương để tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng sơ cấp cứu cơ bản, tập huấn khung trường học an toàn trong thiên tai cho cán bộ quản lý và giáo viên các trường học THCS (trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cũ). Hàng năm Hội Chữ thập đỏ phối hợp cùng Trung ương Hội Chữ thập đỏ và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn. Kết quả ước tính mỗi năm có 180 lượt cán bộ Hội chủ chốt và thành viên Đội ứng phó thiên tai, thảm họa 3 cấp của thành phố.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai và các chương trình ngoại khóa của các cấp học; phát động phong trào

⁵ Nay là Chi cục Quản lý tài nguyên nước và Thủy lợi thành phố Đà Nẵng

dạy học bơi hè; phối hợp với Thành đoàn tổ chức Hội thi vẽ tranh “Thiếu nhi Đà Nẵng với Phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước” dành cho các em học sinh bậc tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thành phố để truyền tải thông điệp kêu gọi cộng đồng chung tay bảo vệ trẻ em trong công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước; phát động cuộc thi “Một ngày làm phóng viên nhí về phòng, chống thiên tai” cho học sinh THCS; tổ chức hoạt cảnh/điển tập nhỏ hoặc một số hoạt động như: văn nghệ, tiểu phẩm,... để truyền tải các thông điệp về phòng, chống thiên tai nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng chuẩn bị ứng phó, chống chịu với tác động của thiên tai cho các em học sinh và giáo viên nhà trường; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Chương trình lồng ghép phòng, chống thiên tai vào ngành giáo dục giai đoạn 2025-2029.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cũ): thực hiện in ấn và cấp phát 24.000 tờ rơi có nội dung tuyên truyền về kỹ năng phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em và kỹ năng phòng chống đuối nước; tổ chức 07 lớp tập huấn hướng dẫn, tuyên truyền về công tác xã hội, công tác người khuyết tật, các chính sách trợ giúp xã hội cho cán bộ làm công tác lao động, thương binh và xã hội, trưởng thôn, khối phố tại các huyện, thị xã, thành phố, trong đó có nội dung hướng dẫn quy trình, hồ sơ, thủ tục về công tác hỗ trợ cứu đói cho nhân dân do thiên tai gây ra, hỗ trợ hộ gia đình có người bị thương, chết, mất tích hoặc hộ gia đình có nhà bị sập, trôi, cháy, đổ hoặc hư hỏng nặng do thiên tai gây ra theo quy định.

- Ngoài ra, các đơn vị⁶, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ cũng triển khai thực hiện tuyên truyền cho công chức, viên chức, người lao động, người dân về ứng phó thiên tai, thông tin diễn biến của thiên tai để chủ động công tác phòng, chống thiên tai. UBND các địa phương đã chủ động bố trí nguồn kinh phí của địa phương để tổ chức lớp tập huấn kiến thức cho lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai cấp quận, phường nhằm nâng cao nhận thức

6- Sở Y tế đã tổ chức tập huấn cho lực lượng quân dân y về các nội dung liên quan đến xử lý y tế, sơ cấp cứu, vận chuyển cấp cứu trong thiên tai, thảm họa và nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý. Cụ thể: Năm 2021 tổ chức 01 lớp tập huấn với 70 người tham dự; năm 2022: 02 lớp, tổng cộng 135 người tham dự, năm 2023: 03 lớp, tổng cộng 180 người tham dự, năm 2024: 02 lớp, tổng cộng 120 người tham dự. Nguồn kinh phí: Ngân sách UBND thành phố

- Sở Xây dựng đã phổ biến biện pháp phòng chống thiên tai theo các tài liệu hướng dẫn của Bộ Xây dựng đến các đơn vị, đồng thời đăng tải tài liệu hướng dẫn trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng (bao gồm: Mẫu nhà chống bão; Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng phòng và giảm thiểu thiệt hại do bão cho nhà ở; khuyến cáo lắp đặt bồn nước cho nhà và công trình).

- Thành Đoàn Đà Nẵng đã phát động phong trào thanh niên cấp thành phố “Cộng đồng chung tay bảo vệ nguồn nước và cảnh quan sông Phú Lộc”, góp phần khơi thông dòng chảy, góp phần giảm nguy cơ lũ lụt cho khu vực; tổ chức các hoạt động tuyên truyền; các đội thanh niên tình nguyện,...

- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật đã tổ chức 1 số hội thảo, tập huấn về tuyên truyền, phổ biến kiến thức như tập huấn về “Phòng chống thiên tai cho người Diêm”, hội thảo “Quy hoạch, phát triển hệ thống cây xanh đô thị thành phố Đà Nẵng - Thực trạng và giải pháp”...

- Báo và Phát thanh - truyền hình Đà Nẵng đã tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa và các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng chống thiên tai; xây dựng và phát sóng các phóng sự liên quan đến công tác phòng chống thiên tai như “Đà Nẵng hướng đến phát triển lâm nghiệp bền vững, giảm nhẹ thiên tai”; “Chương trình Kết nối sức mạnh cộng đồng, giảm nhẹ thiên tai”, “Đà Nẵng nỗ lực khắc phục tình trạng thiếu nước”...; cập nhật tin tức, sự chỉ đạo của Lãnh đạo thành phố, chạy chữ chân sóng và các phóng sự về công tác phòng tránh thiên tai.

cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng⁷.

- Về diễn tập phòng, chống thiên tai

Địa phương thường xuyên tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai, theo đó:

+ Năm 2022: tại Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang tổ chức diễn tập cứu nạn - cứu hộ phòng cháy, chữa cháy (khi có thiên tai xảy ra); diễn tập ứng phó với sóng thần và đa thiên tai tại trường THCS Lê Lợi – xã Tam Thăng và UBND xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ (nay là phường Quảng Phú).

+ Năm 2023: quận Thanh Khê (nay là phường Thanh Khê) tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ kết hợp Phòng thủ dân sự nội dung thực binh sơ tán nhân dân và cứu hộ cứu nạn trên biển; quận Sơn Trà diễn tập phòng, chống thiên tai tại phường Phước Mỹ và phường Nại Hiên Đông (nay là phường An Hải và phường Sơn Trà); huyện Nông Sơn tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (nay là xã Nông Sơn).

+ Năm 2024: Hội Chữ thập đỏ thành phố tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai cấp thành phố cho cán bộ Hội chủ chốt và tình nguyện viên chữ thập đỏ về phòng ngừa ứng phó thảm họa; Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng đã tổ chức diễn tập xử lý sự cố, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố tham mưu UBND thành phố chỉ đạo quận Sơn Trà tổ chức diễn tập phòng thủ dân sự (nội dung thực binh ứng phó với thiên tai).

- Hội nghị, hội thảo

+ Hằng năm, UBND các cấp đều tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để phát huy những việc làm tốt, phân tích tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để đưa ra các giải pháp khắc phục trong thời gian đến.

+ Năm 2024, UBND thành phố Đà Nẵng tổ chức Hội nghị chuyên đề phổ biến, quán triệt các nội dung liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn vào ngày 02/7/2024.

+ Năm 2025, UBND thành phố Đà Nẵng đã tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tổng kết công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2024, triển khai nhiệm vụ năm 2025; tổng kết phong trào thi đua “Chủ động phòng, chống thiên tai, xây dựng cộng đồng an toàn” giai đoạn 2021-2025 để đánh giá toàn diện về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả đạt được việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW trên địa bàn thành phố của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức

⁷ Địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ): Quận Hải Châu: 06 lớp/790 người; quận Ngũ Hành Sơn: 01 lớp/250 người; quận Cẩm Lệ: 01 lớp/200 người)...; phường Hội An Đông phát hành 1.000 tờ gấp tuyên truyền về thiên tai, các loại thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn và các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục đối với một số loại hình thiên tai.

chính trị - xã hội; đồng thời, phân tích những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, xác định nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 42-CT/TW trong thời gian đến và tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024, phát huy những việc làm tốt, phân tích tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để đưa ra các giải pháp khắc phục trong thời gian đến và tổng kết phong trào thi đua “Chủ động phòng, chống thiên tai, xây dựng cộng đồng an toàn” giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, địa phương đơn vị liên quan phối hợp với tổ chức UN Women tổ chức các buổi hội thảo về bình đẳng giới trong công tác phòng, chống thiên tai; Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật đã tổ chức hội thảo “Quy hoạch, phát triển hệ thống cây xanh đô thị thành phố Đà Nẵng - Thực trạng và giải pháp”; phối hợp với Trường Đại học Thủy lợi tổ chức hội thảo KH&CN “Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây xói lở bờ biển và đề xuất các giải pháp bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng”; phối hợp Phòng Thí nghiệm trọng điểm về động lực học sông biển tổ chức hội thảo KHCN “Xác định nguyên nhân - cơ chế gây xói lở, bồi tụ và đề xuất giải pháp ổn định khu vực cửa sông Cu Đê”; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức họp kỹ thuật Dự án “Hỗ trợ kỹ thuật quy hoạch phát triển phục hồi sau lũ lụt và Xây dựng quy hoạch tổng thể phòng, chống thiên tai lũ lụt ở Miền Trung Việt Nam”;...

+ Ngoài ra, tham gia các buổi hội thảo, trao đổi liên quan đến lĩnh vực phòng, chống thiên tai do cơ quan Trung ương, Bộ, ngành tổ chức.

Các đơn vị đã ban hành kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro; kiện toàn lực lượng, phương tiện “4 tại chỗ”; tổ chức tập huấn, tuyên truyền, diễn tập và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong cảnh báo, giám sát thiên tai. Một số sở, ngành, địa phương đã lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính bền vững trong quản lý rủi ro thiên tai.

6. Nhà tránh trú thiên tai cộng đồng

Các nhà tránh trú thiên tai cộng đồng trên địa bàn xã chủ yếu là các nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng ở khu vực đồng bằng và nhà Gươl ở khu vực miền núi. Nhìn chung các nhà văn hóa và nhà Gươl được xây dựng kiên cố, đảm bảo sơ tán cho nhân dân khi thiên tai xảy ra. Ngoài ra còn sử dụng trụ sở các cơ quan nhà nước, trường học, cơ sở y tế, cơ sở tôn giáo làm nơi tránh trú khi xảy ra thiên tai. Tuy nhiên số lượng nhà tránh trú thiên tai cộng đồng tại một số khu vực vẫn chưa đảm bảo, nhất là tại các xã miền núi, nơi dân cư sống không tập trung.

7. Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn

Hệ thống giao thông đường bộ xuyên suốt từ tuyến Quốc lộ đến tỉnh lộ, giao thông nông thôn, đến cả vùng sâu vùng xa, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai. Tuy nhiên hiện nay nhiều tuyến đường đang

bị xuống cấp, không đảm bảo kịp thời trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đặc biệt là khu vực các xã miền núi cao như La Êê, La Dêê, Đắc Pring, Trà Linh, Trà Tập, Nam Giang, Tây Giang, Hùng Sơn, A Vương,... Bên cạnh đó, một số tuyến đường bị sạt lở thường xuyên trong mưa lớn ở vùng núi như Quốc lộ 1A đoạn đèo Hải Vân, Quốc lộ 40B, Quốc lộ 14G, Quốc lộ 14D, Quốc lộ 14E, Quốc lộ 14H, ĐT 606, ĐT 609, ĐT 615B, ĐT 601 đoạn xã Hòa Bắc,... Nhiều tuyến đường lớn như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 14B, đường cao tốc, đường ADB Hòa Tiến - Hòa Phong, các đường vành đai phía Nam, vành đai phía Tây,... chắn ngang qua vùng thoát lũ đã làm gia tăng mức độ và thời gian ngập lũ, gia tăng thiệt hại do lũ gây ra.

8. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội

Thành phố Đà Nẵng đã thực hiện rất nghiêm túc và bài bản việc lồng ghép các phương án, nhiệm vụ phòng, chống thiên tai vào các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu cốt lõi là kết hợp đa mục tiêu: vừa phát triển kinh tế, vừa hạn chế tối đa việc làm gia tăng rủi ro thiên tai.

a) Công tác chỉ đạo, điều hành

UBND thành phố đã thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và giám sát chặt chẽ việc lồng ghép nội dung phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai vào các chiến lược phát triển của từng ngành và từng địa phương trực thuộc.

Giao trách nhiệm chủ trì cho Sở Tài chính trong việc thẩm định và thực hiện lồng ghép các giải pháp phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn thành phố.

b) Lồng ghép vào Quy hoạch chiến lược

- Nội dung phòng, chống thiên tai đã được tích hợp thành công vào Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được phê duyệt tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ) và Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ). Điều này đảm bảo hạ tầng đô thị, không gian phát triển của Đà Nẵng đến năm 2050 phải tính toán đến kịch bản biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai. Sau khi sáp nhập, thành phố đã thực hiện điều chỉnh, bổ sung hợp phần tích hợp quy hoạch phòng, chống thiên tai vào điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 773/QĐ UBND ngày 28/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 cũng xác định “nội dung, giải pháp phòng, chống thiên tai và

thích ứng biến đổi khí hậu cho toàn thành phố, đặc biệt khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng lũ lụt dọc các tuyến sông, khu vực đô thị hiện trạng thường xuyên bị ngập lụt” là một nhiệm vụ trọng tâm của quy hoạch.

c) Lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) ngắn và trung hạn

Nội dung phòng, chống thiên tai được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2025. Hằng năm, các giải pháp phòng ngừa rủi ro thiên tai đều được lồng ghép trực tiếp vào các Kế hoạch phát triển KT-XH thường niên của thành phố, đảm bảo có nguồn lực ngân sách để triển khai thực tế.

Tuy nhiên, vẫn còn một số mặt hạn chế sau:

- Việc lồng ghép công tác phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và đầu tư cơ sở hạ tầng của một số ngành, địa phương chưa quan tâm đúng mức. Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nên việc đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, hạ tầng giao thông đã ít nhiều có ảnh hưởng đến không gian thoát lũ.

- Nguồn kinh phí bố trí hằng năm từ ngân sách nhà nước để thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn chưa được đầu tư đúng mức, chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra, nhất là việc thực hiện các chương trình mục tiêu Kế hoạch thực hiện chiến lược giảm nhẹ thiên tai giai đoạn từ 2010-2020, Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và đầu tư cơ sở hạ tầng thủy lợi, đê, kè.

9. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

a) Ngay khi kết thúc các đợt thiên tai, Lãnh đạo thành phố chỉ đạo các cơ quan kiểm tra, đánh giá thiệt hại, xác định ưu tiên và xây dựng kế hoạch khôi phục và tái thiết, huy động nguồn lực tại địa phương, bao gồm ngân sách dự phòng, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân tổ chức khôi phục và tái thiết. Trường hợp nhu cầu vượt quá khả năng nguồn lực của địa phương, UBND thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị hỗ trợ.

b) Thành ủy, UBND thành phố chỉ đạo quyết liệt, kịp thời công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai nhằm sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các cấp triển khai ngay công tác khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sự tham gia của lực lượng vũ trang, Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố; công tác khắc phục sạt lở về giao thông, thủy lợi; cất nhà tạm cho dân, cấp phát hàng cứu trợ được kịp thời, sớm ổn định cuộc sống người dân.

10. Nguồn lực tài chính

Nguồn lực tài chính thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố bao gồm, đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua nội dung lồng ghép) bao gồm: Ngân sách chi thường xuyên, ngân sách chi đầu tư phát triển, dự

phòng ngân sách nhà nước, các quỹ dự trữ tài chính, nguồn vốn ODA, nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, Quỹ phòng, chống thiên tai và các nguồn hợp pháp khác.

- Hằng năm, ngân sách thành phố và ngân sách xã, phường có trích nguồn dự phòng ngân sách để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố được tổ chức thực hiện từ năm 2016 đến nay là nguồn kinh phí chi hỗ trợ cho hoạt động phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Ngân sách các Sở, ngành, đơn vị, địa phương đầu tư, trang bị những điều kiện thiết yếu phục vụ công tác thông tin phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố theo phương châm “bốn tại chỗ”.

- Huy động nguồn lực khác: Kêu gọi, vận động nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai.

Trong những năm gần đây, nguồn lực tài chính của thành phố từng bước đáp ứng nhu cầu thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, giai đoạn 2026 - 2030, nguồn lực tài chính cần tiếp tục được quan tâm bổ sung nhiều hơn cho công tác phòng ngừa thiên tai.

Chương V

CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

I. CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI PHỔ BIẾN Ở THÀNH PHỐ

Do vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, địa mạo cùng với tác động biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình thiên tai trên địa bàn thành phố từ 1997 đến nay có xu thế ngày càng gia tăng về số lượng, tần suất và cường độ thiên tai ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp và khó dự báo. Theo thống kê, các loại hình thiên tai có nguy cơ tác động trực tiếp và ảnh hưởng đến thành phố Đà Nẵng là lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, nước dâng, hạn hán, nắng nóng, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, mưa lớn, cháy rừng do tự nhiên, lốc, sét, mưa đá. Hiện nay, thành phố còn có nguy cơ đối mặt với nhiều loại hình thiên tai nguy hiểm khác như: mưa lớn, sạt lở đất đá đồi núi, ngập úng đô thị. Trong đó, gây thiệt hại lớn nhất vẫn là: bão, lũ, ngập lụt, ngập úng đô thị, lũ quét, sạt lở đất và hạn hán, cháy rừng.

- *Bão và ATNĐ*: thường xảy ra trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 12, tập trung chủ yếu vào tháng 10 và tháng 11. Các cơn bão và ATNĐ thường đi kèm với mưa to. Vì vậy, ngoài việc xuất hiện gió mạnh, trên đất liền còn bị ảnh hưởng của lũ, ngập lụt. Qua thống kê, từ năm 1997 đến 2025 trên Biển Đông xuất hiện 240 cơn bão, 96 ATNĐ, trong đó có 39 cơn bão và 15 ATNĐ ảnh hưởng đến thời tiết thành phố Đà Nẵng; đặc biệt cơn bão số 6 năm 2006 có tên Quốc tế là Xangsane, cơn bão số 9 năm 2009 có tên quốc tế là Ketsana và cơn

bão số 11 năm 2013 đổ bộ trực tiếp đến thành phố Đà Nẵng gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản của nhà nước và nhân dân.

- *Lũ, ngập lụt*: Từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm là thời kỳ mưa lũ ở Đà Nẵng, mưa lớn tập trung từ tháng 10 đến tháng 12. Có 03 loại hình thái thời tiết gây mưa lũ trên địa bàn thành phố, đó là: (i) Khi có bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền hoặc ảnh hưởng trực tiếp như di chuyển dọc theo bờ biển, hoặc đổ bộ vào phía Nam thành phố Thừa Thiên Huế. Đi kèm với bão thường có các đợt mưa to trước và sau bão, ATNĐ; (ii) Khi có gió mùa Đông - Bắc cường độ mạnh tràn về kết hợp với hoàn lưu của bão, ATNĐ. Đây là hình thái thời tiết có xu thế gây mưa to, lũ lớn trên đất liền; (iii) Khi dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở phía Nam Biển Đông, đồng thời ở phía Bắc có gió mùa hoặc tín phong Đông Bắc hoạt động và di chuyển xuống phía Nam. Hình thái thời tiết này thường gây ra mưa lớn, kéo dài nhiều ngày. Các cơn lũ lớn điển hình năm 1999, 2007, 2009, 2011, 2013, 2017, 2025 trên địa bàn thành phố đều do các hình thái kết hợp nêu trên gây ra.

- *Lũ quét*: thường phát sinh bất ngờ, xảy ra trong phạm vi hẹp nhưng sức tàn phá lớn và gây ra những tổn thương nghiêm trọng về người và tài sản, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân ở khu vực ven các sông, suối. Đặc biệt, năm 1999, do cường độ mưa lớn và kéo dài, lũ quét lịch sử đã xảy ra diện rộng phía Tây của thành phố Đà Nẵng cũ làm cho 37 người chết, 61 người bị thương, nhiều cơ sở hạ tầng bị hư hại, tổng thiệt hại kinh tế lên đến 611 tỷ đồng. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của mưa có cường suất cao, lũ quét đã xuất hiện ngày càng nhiều với mức độ khác nhau. Gần đây nhất có thể kể đến trận lũ quét xảy ra vào tháng 10/2020 tại nóc ông Đề, thôn 1, xã Trà Leng đã vùi lấp 11 ngôi nhà làm 22 người chết; trận lũ quét xảy ra vào tháng 10/2022 đã cuốn trôi, vùi lấp hàng trăm ngôi mộ ở nghĩa trang Hoà Sơn, khiến đất đá bít toàn bộ miệng hầm số 1, 2 phía nam Hải Vân thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng, tại khe Định, thôn Nam Yên xã Hoà Bắc, lũ quét đã kéo theo toàn bộ đất, đá, cát, sỏi, cây cối từ trên núi xuống sông Cu Đê, tràn vào nhiều nhà dân.

- *Sạt lở bờ sông, bờ biển*:

Hiện nay, các khu vực ven biển, vùng bờ sông là khu vực tập trung nhiều cơ sở hạ tầng đặc thù, các công trình xây dựng cùng với các hoạt động kinh tế sôi động. Do nằm tại miền giáp ranh giữa biển, lục địa và khí quyển, nên vùng bờ sông, ven biển luôn tiềm ẩn nguy cơ tổn thương cao do tác động của quá trình biến động khí hậu và biến đổi khí hậu dài hạn. Trong tương lai, quá trình phát triển bền vững đới bờ cần được xem xét khả năng chống chịu đối với hàng loạt những thách thức và các hiện tượng cực đoan của khí hậu.

Hiện tượng xói lở bờ biển có tác động mạnh đến giao thông, hệ thống đê, kè biển, công trình và nhà mọc ở dọc ven biển Liên Chiểu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hội An. Các điểm sạt lở bờ sông diễn ra khá nhiều với cường độ mạnh làm mất đất sản xuất nông nghiệp, kể cả tại các vị trí có đê kè gia cố cứng.

Hiện tượng xói lở bờ biển có xu hướng phức tạp cả về quy mô và cường độ, gây thiệt hại rất lớn về tài nguyên đất, rừng, thủy sản, bãi tắm, môi trường,

ảnh hưởng các ngành sản xuất nông nghiệp và thương mại, du lịch, dịch vụ Thành phố. Sạt lở bờ sông có khả năng tác động mạnh đến các tuyến giao thông tỉnh lộ, đường đô thị, đường ven đô tại các vị trí xung yếu ven sông. Hiện tượng sạt lở còn trực tiếp đe dọa đến cuộc sống người dân.

- *Sạt lở đất*: Khu vực miền núi thành phố có địa mạo, địa chất phức tạp, độ dốc của các sườn núi khá lớn. Khi xuất hiện mưa lớn kéo dài nhiều ngày, cùng với tác động của con người như bạt núi, mở đường, chặt phá rừng, khai thác khoáng sản trái phép... đã gây ra sạt lở đồi núi, sườn dốc nhiều nơi, tập trung chủ yếu ở xã miền núi thuộc khu vực phía Tây của thành phố.

- *Gió mùa Đông Bắc*: Trung bình hàng năm thành phố Đà Nẵng có 14 đến 15 đợt gió mùa Đông Bắc. Trong thời kỳ đầu, từ tháng 10 đến tháng 12, gió mùa Đông Bắc tràn về thường kết hợp với nhiều động nhiệt đới ở phía Nam Biển Đông như bão, ATNĐ, dải hội tụ nhiệt đới... gây ra mưa to kéo dài nhiều ngày gây ra lũ lụt; trong thời kỳ từ tháng 1 đến tháng 4 năm sau, các đợt gió mùa Đông Bắc tràn về gây ra mưa, nhiệt độ giảm, gió mạnh trên biển.

- *Dông, lốc, sét*: xuất hiện nhiều nhất từ tháng 4 đến tháng 9, mỗi tháng có 06 đến 10 đợt dông tố. Dông, lốc, sét là loại hình thiên tai gần như không thể dự báo trước được, nó thường xảy ra bất ngờ, phạm vi nhỏ nhưng sức tàn phá lớn. Tình hình diễn biến của dông, lốc, sét đang có xu thế xuất hiện bất thường, tăng về số lượng, mạnh về cường độ.

- *Hạn hán và xâm nhập mặn*: phụ thuộc vào chế độ mưa và dòng chảy mùa khô, tập trung chủ yếu từ tháng 4 đến tháng 7 hằng năm. Với tác động của biến đổi khí hậu, hiện nay lượng mưa trong mùa khô trên địa bàn thành phố có xu thế thấp hơn trung bình nhiều năm, lại phân bố không đều trong các tháng, gây nên tình trạng hạn hán; những năm hạn, xâm nhập mặn diễn hình trong khoảng thời gian qua là các năm 2016, 2018, 2019, 2021, 2023 và 2024. Xâm nhập mặn thường xảy ra khi thời tiết nắng nóng, hạn hán kéo dài dẫn đến tình trạng mực nước và dòng chảy trên các sông, suối bị suy giảm mạnh, mặn xâm nhập sâu vào các sông, cộng với việc vận hành của các nhà máy thủy điện trên thượng nguồn, đặc biệt là thủy điện Đak Mi 4 đã chuyển nước trên sông Cái (sông Vu Gia) về sông Thu Bồn đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, gây thiếu nước, nhiễm mặn cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất của người dân thành phố Đà Nẵng.

- *Cháy rừng do tự nhiên*: là loại hình thiên tai mới có ảnh hưởng đến thành phố Đà Nẵng. Trong điều kiện thời tiết cực đoan như hiện nay, nắng nóng, khô hạn kéo dài có chiều hướng gia tăng thì nguy cơ cháy rừng tự nhiên luôn ở mức cao. Tại thành phố Đà Nẵng, hiện tượng cháy rừng có khả năng xuất hiện vào mùa khô, khi thời tiết nắng nóng, không có mưa kéo dài, có thể gây ra nhiều thiệt hại nghiêm trọng khi xảy ra.

Về thiệt hại do thiên tai gây ra: Theo số liệu tổng hợp từ năm 1997 đến năm 2025, có 41 cơn bão, 15 ATNĐ, 90 trận lũ,... ảnh hưởng trực tiếp đến thành phố, đã làm 837 người chết, 2.674 người bị thương, 38.699 nhà bị sập,

604.516 nhà dân bị hư hỏng. Tổng ước tính thiệt hại khoảng 31.400 tỷ đồng. Trong đó, chỉ tính riêng từ năm 2014 đến năm 2025, có 12 cơn bão, 3 ATNĐ, 28 trận lũ,... ảnh hưởng trực tiếp đến thành phố, đã làm 154 người chết, 990 người bị thương, 1092 nhà bị sập, 64.914 ngôi nhà bị hư hỏng; tổng thiệt hại ước tính khoảng 26.147,3 tỷ đồng.

Tổng hợp các loại hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại bảng sau:

Năm	Bão		ATNĐ		Lũ lụt						Đông, lốc, sét	Động đất			Sạt lở đất
	Biển Đông	TP	Biển Đông	TP	TP			Mức nước lớn nhất tại một số trạm thủy văn (cm)							
					Số trận	Trên BĐ III	BĐII đến BĐ III	Ái Nghĩa	Câu Lâu	Hội An		Số trận	< 4 độ richter	>= 4 độ richter	
1997	5	1	0	0	3	2	1				10				
1998	8	5	3	3	3	2	1				5				
1999	10	2	9	1	2	2	0				0				
2000	4	2	3	1	4	1	3				4				
2001	8	2	1	1	4	1	3	949	415	211	7				
2002	4	0	1	0	3	0	3	787	296	98	0				
2003	7	1	0	0	3	1	2	885	378	173	5				
2004	4	2	1	1	3	2	1	961	459	248	3				1
2005	7	6	2	2	5	0	5	853	356	154	16				
2006	10	3	6	1	4	1	3	975	356	187	4				
2007	8	0	4	0	8	8	0	1036	539	328	6				
2008	10	0	7	2	5	2	3	910	394	216	16				1
2009	11	2	3	0	6	1	5	1077	529	320	9				1
2010	6	0	5	0	2	1	1	897	403	220	10				
2011	7		4		3	1	2	1000	475	285	7				
2012	10		2								7	75	73	2	
2013	15	1	3		4	2	2	1000	455	269	6	11	10	1	1
2014	5	0	3								3	18	18		
2015	5		2								15	11	11		1
2016	10	1	8		2	1	1	944	430		8	9		9	
2017	14		4		2	1	1	1011	515		3	6		6	12
2018	9		5		1	1					3	31		31	
2019	8		2								3	4		4	
2020	10	4	4		4	3	1	982	450	272	5	3	3		5
2021	9	1	3		5	2	3	938	322	173	2	5	5		
2022	7	3	2		4		2	899	408	228	16				
2023	4		2	1	3		2	969	329	177	3				
2024	10	1	1	1	4	4					8	40		40	

2025	15	2	6	1	5	3	2	1060	562	339		38	38		
Tổng cộng	240	39	96	15	92	42	47				184	251	158	93	22
Lớn nhất								1.077	562	339					
Nhỏ nhất								787	296	98					
Trung bình								944	421	226					

II. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

a) Đối với ATNĐ, bão

Cấp độ rủi ro thiên tai	Vị trí hoạt động của ATNĐ, bão	Khu vực ảnh hưởng
3 (Bão mạnh)	- ATNĐ, bão cấp 8, cấp 9 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền thành phố Đà Nẵng. - Bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên Biển Đông, vùng biển ven bờ, trên đất liền thành phố Đà Nẵng và các tỉnh, thành phố lân cận (Huế, Quảng Ngãi). - Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 13 hoạt động trên Biển Đông.	- Các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp gồm các xã, phường: Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Duy Xuyên, Nam Phước, Duy Nghĩa, Thu Bồn, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Đức Phú, Tam Xuân, Hội An, Hội An Tây, Hội An Đông, Tam Kỳ, Quảng Phú, Bàn Thạch, Hương Trà, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Thăng Phú, Đồng Dương, Sơn Trà, An Hải, Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê, Hải Châu, Hòa Cường, An Khê, Ngũ Hành Sơn, Hòa Khánh, Liên Chiểu, Hải Vân, Cẩm Lệ, Hòa Xuân, Hòa Tiến, Hòa Vang, Bà Nà và đặc khu Hoàng Sa, Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Phú Ninh, Tây Hồ, Chiên Đàn, Quế Sơn, Quế Sơn Trung, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước, Tiên Phước, Lãnh Ngọc, Thạnh Bình, Sơn Cẩm Hà, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà. - Các địa phương bị ảnh hưởng gián tiếp: Các địa phương còn lại trên địa bàn thành phố.

		- Tàu thuyền và ngư dân neo đậu tại các khu vực neo đậu và hoạt động trên biển Đông.
4 (Bão rất mạnh)	- Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền thành phố Đà Nẵng và các tỉnh, thành phố lân cận (Huế, Quảng Ngãi). - Bão từ cấp 14 trở lên hoạt động trên biển Đông.	- Toàn thành phố; - Tàu thuyền và ngư dân neo đậu tại các khu vực neo đậu và hoạt động trên biển Đông.
5 (Siêu bão)	Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền thành phố Đà Nẵng và các tỉnh, thành phố lân cận (Huế, Quảng Ngãi).	- Toàn thành phố; - Tàu thuyền và ngư dân neo đậu tại các khu vực neo đậu và hoạt động trên biển Đông.

b) Đối với lốc, sét, mưa đá

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lốc, sét, mưa đá xảy ra dưới 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường trên địa bàn thành phố;

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lốc, sét, mưa đá xảy ra từ 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường trên địa bàn thành phố.

c) Đối với mưa lớn

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm hoặc 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường của thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi và kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trên phạm vi hơn 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường trên địa bàn toàn thành phố; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày trên phạm vi hơn 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển; lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài từ 1 ngày đến 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi; lượng mưa trên 400

mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển.

*** Mưa lớn gây ngập lụt đô thị:** Qua thống kê hiện nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có tổng cộng 124 vị trí có nguy cơ ngập úng khi xảy ra mưa lớn cục đoạn. Trong đó, một số vị trí, khu vực trọng điểm thường xuyên xảy ra tình trạng ngập úng nặng khi có mưa như: khu vực xung quanh hồ Thạc Gián - Vĩnh Trung, khu vực đường Hải Hồ, khu vực kiệt 640 Trưng Nữ Vương, khu vực kênh Phong Bắc, khu vực đường Mẹ Suốt, đường Núi Thành, đường Lê Tấn Trung, cổng khu công nghiệp Hoà Khánh, khu vực hạ lưu cống Khe Cạn, khu vực kênh Yên Thế - Bắc Sơn, các phường Bàn Thạch, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà.

d) Đối với nắng nóng

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 35°C đến 39°C, kéo dài từ 3 ngày tới 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C kéo dài trên 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C kéo dài từ trên 5 ngày đến 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C kéo dài trên 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài từ trên 10 ngày đến 25 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài trên 25 ngày.

đ) Đối với hạn hán

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài

từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm.

e) Đối với lũ, ngập lụt

Sông	Hàn	Vu Gia	Thu Bồn	Tam Kỳ
Rủi ro thiên tai cấp độ 1	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2
Rủi ro thiên tai cấp độ 2	BĐ2 - dưới BĐ3 (tại trạm Cẩm Lệ)	- BĐ2- dưới BĐ3 (tại trạm Ái Nghĩa) - BĐ2- dưới BĐ3+1m (tại trạm Hội Khách, Thành Mỹ)	- BĐ2- dưới BĐ3 (tại các trạm Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An) - BĐ2- dưới BĐ3+1m (tại các trạm Hiệp Đức, Nông Sơn)	BĐ2 - dưới BĐ3
Rủi ro thiên tai cấp độ 3	- BĐ3 trở lên (tại trạm Cẩm Lệ)	- BĐ3 trở lên (tại trạm Ái Nghĩa) - BĐ3+1m trở lên (tại trạm Hội Khách, Thành Mỹ)	- BĐ3 trở lên (tại các trạm Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An) - BĐ3+1m trở lên (tại các trạm Hiệp Đức, Nông Sơn)	BĐ3+1m trở lên

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Mức nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Câu Lâu, Hội An, Tam Kỳ, Giao Thủy, Nông Sơn, Thành Mỹ, Hội Khách, Hiệp Đức).

Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Thanh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dêê, La Êê, Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận; Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn; Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước; Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà; Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải, Khâm Đức,

Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương, Hòa Tiến, Bà Nà, Hòa Vang, Hòa Xuân, Cẩm Lệ.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2:

+ Mức nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 trên các sông: Vu Gia - Thu Bồn (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Hội Khách, Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp.

+ Mức nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 + 01m trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Hội Khách, Thành Mỹ, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tam Kỳ). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Thanh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Ê; Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước; Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải, Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3:

+ Mức nước lũ cao từ mức báo động 3 trở lên trên các sông: Hàn, Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (tại các Trạm thủy văn: Cẩm Lệ, Ái Nghĩa, Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An, Hội Khách, Thành Mỹ, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tam Kỳ). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã, phường ven các sông Hàn, Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Hòa Xuân, Hải Vân, Bà Nà, Hòa Tiến, Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch, Thanh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Ê, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải, Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương.

* Đối với các khu vực không có cấp báo động lũ thì căn cứ vào mực nước ngập trung bình hằng năm (MNTB) (Cấp độ 1: dưới MNTB, Cấp độ 2: MNTB, Cấp độ 3: MNTB trở lên).

g) Đối với lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày ở các địa phương: A Vương, Tây Giang, Hùng Sơn, Thanh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dêê, La Êê; Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên, Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp, Trà Liên, Trà My, Trà Tân, Trà Đốc, Trà Giáp, Nam Trà My, Trà Tập, Trà Linh, Trà Vân, Trà Leng, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà; Lãnh Ngọc, Tiên Phước, Thanh Bình, Sơn Cẩm Hà, Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải, Hòa Vang, Hòa Tiến, xã Bà Nà, Hải Vân, Liên Chiêu, Hòa Khánh, Sơn Trà và lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại các địa phương còn lại của thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lượng mưa trên 200mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày ở các địa phương: A Vương, Tây Giang, Hùng Sơn, Thanh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dêê, La Êê, Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên, Trà Liên, Trà My, Trà Tân, Trà Đốc, Trà Giáp, Nam Trà My, Trà Tập, Trà Linh, Trà Vân, Trà Leng, Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Thăng Phú, Đồng Dương, Lãnh Ngọc, Tiên Phước, Thanh Bình, Sơn Cẩm Hà, xã Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải, Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn, Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà, Hải Vân, Liên Chiêu, Hòa Khánh, Sơn Trà và lượng mưa từ trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại các địa phương còn lại của thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày ở các địa phương: A Vương, Tây Giang, Hùng Sơn; Thanh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dêê, La Êê, Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên, Trà Liên, Trà My, Trà Tân, Trà Đốc, Trà Giáp, Nam Trà My, Trà Tập, Trà Linh, Trà Vân, Trà Leng, Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Thăng Phú, Đồng Dương, Lãnh Ngọc, Tiên Phước, Thanh Bình, Sơn Cẩm Hà, Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải, Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn, Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Hòa Vang, xã Hòa Tiến, Bà Nà, Hải Vân, Liên Chiêu, Hòa Khánh, Sơn Trà.

h) Đối với gió mạnh trên biển

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Khi có gió mạnh trên biển cấp 6 xảy ra trên vùng biển ven bờ; gió mạnh trên biển từ cấp 7 đến cấp 8 xảy ra trên vùng biển

ngoài khơi. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo đậu tránh trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm: Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang (phường Sơn Trà); Cửa Đại, Cù Lao Chàm (xã Tân Hiệp); Hồng Triều (xã Duy Xuyên); An Hoà (xã Núi Thành).

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Khi có gió mạnh trên biển từ cấp 7 trở lên xảy ra trên vùng biển ven bờ; gió mạnh trên biển từ cấp 9 trở lên trên vùng biển ngoài khơi. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo đậu tránh trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm: Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang (phường Sơn Trà); Cửa Đại, Cù Lao Chàm (xã Tân Hiệp); Hồng Triều (xã Duy Xuyên); An Hòa (xã Núi Thành).

k) Đối với xâm nhập mặn

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ 15 km đến 25 km tính từ cửa sông ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như: Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, xã Tân Hiệp, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch, Núi Thành, Tam Anh, Tam Xuân, Tam Hải, Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Hải Vân, Liên Chiểu.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như: Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Thăng Phú, Đồng Dương, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải, Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, ranh giới độ mặn trên 4‰.

l) Đối với động đất

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Cường độ chấn động từ cấp V đến cấp VI, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực nông thôn, khu vực đô thị.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Cường độ chấn động từ cấp VII đến cấp VIII, xảy ra ở khu vực đô thị hoặc khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 5: Cường độ chấn động trên cấp VIII, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc thành phố.

m) Đối với sóng thần

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng dưới 2 m và cường độ sóng thần cấp VI.
- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 2 m đến dưới 4 m và cường độ sóng thần từ cấp VII đến cấp VIII.
- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 4 m đến dưới 8 m và cường độ sóng thần từ cấp IX đến cấp X.
- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 8 m đến dưới 16 m và cường độ sóng thần cấp XI.
- Rủi ro thiên tai cấp độ 5: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ sóng trên 16 m và cường độ sóng thần cấp XII.

n) Đối với cháy rừng do tự nhiên (Có 5 cấp độ theo Điều 54, QĐ 18)

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1 khi: Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 10 ngày.
- Rủi ro thiên tai cấp độ 2 khi: Nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài không quá 15 ngày.
- Rủi ro thiên tai cấp độ 3 khi: Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 25 ngày.
- Rủi ro thiên tai cấp độ 4 khi: Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 35 ngày.
- Rủi ro cháy rừng cấp độ 5 xảy ra khi dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 35 ngày ở vùng 4⁸.

Chương VI

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

I. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU

1. Mục tiêu

Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai theo hướng chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp hiệu quả giữa giải pháp công trình và phi công trình. Tăng cường khả năng ứng phó với các loại hình thiên tai như lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển; giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản và hạ tầng. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai; tăng cường công tác dự báo, cảnh báo sớm; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, góp phần phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

⁸ Vùng 4 gồm: rừng khộp, rừng tràm, rừng giang, tre nứa đã thành thực tự nhiên, rừng núi đá, rừng trồng các loài cây dễ cháy như: Thông, Sa mộc, Pơ mu, Keo, Bạch đàn, Quế ...).

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, trong đó tập trung bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi bão, lũ.

b) Hệ thống pháp luật, chính sách về PCTT được hoàn thiện, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho quản lý, chỉ đạo, chỉ huy và triển khai công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn.

c) Tổ chức, lực lượng làm công tác PCTT được kiện toàn theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả; phương tiện, trang thiết bị PCTT&TKCN tiên tiến, hiện đại.

d) Phấn đấu 100% cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức và hộ gia đình được tiếp nhận đầy đủ thông tin và hiểu biết kỹ năng phòng tránh thiên tai; lực lượng làm công tác PCTT được đào tạo, tập huấn, trang bị đầy đủ kiến thức và trang thiết bị cần thiết; 100% tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đảm bảo các yêu cầu theo phương châm “4 tại chỗ”.

đ) Năng lực theo dõi giám sát, dự báo, cảnh báo, phân tích thiên tai ngang tầm với các tỉnh lân cận và quốc gia hàng đầu trong khu vực.

e) Cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành PCTT được hình thành theo hướng đồng bộ, liên thông, theo thời gian thực; 100% cơ quan chỉ đạo điều hành PCTT cấp quốc gia, cấp vùng, cấp thành phố hoàn thiện cơ sở dữ liệu PCTT; 100% khu vực trọng điểm, xung yếu PCTT được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát; 100% bảo đảm thông tin liên lạc.

g) Người dân được bảo đảm an toàn trước thiên tai, nhất là bão, lũ, sạt lở đất. Khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình PCTT, nhất là hệ thống đê điều, thủy lợi, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão được nâng cao, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo mức thiết kế, không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

h) Tăng cường quản lý nhà nước về PCTT; thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, thực hiện đồng bộ các hoạt động PCTT gắn với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư, giảm thiểu rủi ro thiên tai.

i) Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động PCTT trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

k) Huy động mọi nguồn lực và cả hệ thống chính trị để triển khai có hiệu quả các biện pháp cơ bản ứng phó với thiên tai nhằm giảm đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường; bảo vệ sản xuất, giảm đói nghèo do thiên tai gây ra, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

l) Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy tinh thần tự giác, chủ động trong phòng, tránh, khắc phục hậu quả thiên tai của cộng đồng dân cư.

m) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai; ngăn chặn và xử lý kiên quyết các vụ vi phạm trong lĩnh vực PCTT; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều.

3. Nhiệm vụ cụ thể

a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về PCTT bảo đảm đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi, trong đó tập trung:

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về PCTT và các quy định pháp luật khác có liên quan đến công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai như pháp luật về đê điều, thủy lợi, tài nguyên nước, đầu tư công, xây dựng, đất đai, cứu hộ cứu nạn, vận động, quyên góp, cứu trợ,... bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ PCTT, nhất là xử lý các nhiệm vụ cấp bách liên quan đến ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Đồng thời, bổ sung các chế tài đảm bảo thực thi pháp luật trong các hoạt động PCTT.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật, các quy định về bảo đảm yêu cầu PCTT, nhất là tiêu chuẩn tiêu thoát nước ở các đô thị, phòng, chống bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đối với cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, cũng như nhà ở của người dân.

b) Phân vùng và cấp độ rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn thành phố.

c) Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai

- Căn cứ vào luật phòng, chống thiên tai xây dựng các nguyên tắc quản lý rủi ro thiên tai trên địa bàn thành phố.

- Nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là huy động nguồn lực từ ngân sách và ngoài ngân sách cho PCTT, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đầu tư cho PCTT; vận hành Quỹ Phòng thủ dân sự; bảo hiểm rủi ro thiên tai; đóng góp tài chính và trách nhiệm bảo vệ, phục hồi đối với các hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với người dân bị ảnh hưởng, thiệt hại do thiên tai.

d) Nâng cao nhận thức về thiên tai, rủi ro thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, trong đó tập trung

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách về PCTT và liên quan đến công tác PCTT; hướng dẫn, phổ biến kỹ năng PCTT, nhất là kỹ năng ứng phó khi xảy ra tình huống thiên tai lớn, phức tạp cho các cấp chính quyền cơ sở, người dân và doanh nghiệp để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm thiệt hại.

- Đẩy mạnh thông tin truyền thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu, tổ chức các hoạt động nâng cao hiệu quả truyền thông trong PCTT; kết hợp giữa phương

thức truyền thông với ứng dụng công nghệ, phù hợp với từng đối tượng để truyền tải thông tin chính xác, kịp thời về thiên tai, rủi ro thiên tai tới người dân, chú trọng các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng trong quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch PCTT, hoạch định chính sách, đề xuất và thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động liên quan đến PCTT, chú trọng sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong việc lập kế hoạch, phương án PCTT cấp xã/phường.

- Xây dựng lực lượng xung kích PCTT, lực lượng tình nguyện viên hỗ trợ người dân PCTT tại cấp xã và doanh nghiệp.

- Tập huấn, hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đối với cộng đồng và người dân; đưa kiến thức PCTT vào chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa trong một số cấp học, bậc học; lồng ghép nội dung PCTT vào các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực tại cộng đồng, các sự kiện văn hóa cấp xã/phường, thôn.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân thông qua Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, tích cực chủ động tự trang bị kỹ năng ứng phó thiên tai.

đ) Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và cứu hộ cứu nạn

- Kiện toàn tổ chức bộ máy PTDS các cấp: Hoàn thiện tổ chức, bộ máy PTDS theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đủ năng lực, quyền hạn, hiệu lực, hiệu quả để chỉ đạo, chỉ huy điều hành kịp thời công tác PCTT. Xây dựng, kiện toàn và đào tạo lực lượng PCTT, TKCN và PTDS từ thành phố đến xã, phường bao gồm lực lượng chuyên nghiệp và lực lượng bán chuyên nghiệp, tình nguyện viên. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu, ứng dụng hỗ trợ các hoạt động trong lĩnh vực PCTT, TKCN và PTDS. Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cơ quan chỉ đạo, chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các cấp; phân công, phân cấp trách nhiệm, quy định cơ chế phối hợp cụ thể giữa các cơ quan, lực lượng, đảm bảo công tác chỉ đạo PCTT kịp thời, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai: Tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu cơ bản về thiên tai. Cập nhật và số hóa dữ liệu ngành khí tượng thủy văn, môi trường, chia sẻ thông tin về khí tượng thủy văn với các cơ quan liên quan trong nước và quốc tế. Đánh giá rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai. Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, dự báo dài hạn về thiên tai, nguồn nước. Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng dụng công nghệ dự báo tiên tiến, ưu tiên công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ, sạt lở đất. Đầu tư, nâng cấp hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, nhất là đối với bão, mưa, lũ, lũ quét,

ngập úng, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, xâm nhập mặn; đẩy mạnh xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai, nhất là hệ thống đo mưa tự động; xây dựng kế hoạch thực hiện các bản tin dự báo chuyên đề phục vụ phát triển riêng cho từng lĩnh vực và phòng, chống thiên tai. Vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng về thông tin truyền thông hiện có.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị và công cụ hỗ trợ nhất là đối với Trung tâm chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai cấp vùng đảm bảo phục vụ chỉ đạo, chỉ huy điều hành phòng, chống thiên tai theo thời gian thực; tích hợp, đồng bộ hóa hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích, tính toán, hỗ trợ ra quyết định chỉ đạo, chỉ huy điều hành PCTT, TKCN và PTDS.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực PCTT: xây dựng hệ thống đào tạo về quản lý thiên tai gắn với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu; tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập nhằm chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ làm công tác PCTT, TKCN và PTDS đến cơ sở, chú trọng tập huấn, hướng dẫn kỹ năng xử lý các tình huống cho lực lượng xung kích PCTT ở cơ sở, gắn với việc nâng cao năng lực quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Thu hút nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động PCTT, TKCN và PTDS, hình thành đội ngũ chuyên sâu để chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ vào phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu PCTT, tập trung điều tra cơ bản, cập nhật và số hóa dữ liệu về thiên tai, thiệt hại do thiên tai, hệ thống cơ sở hạ tầng, công trình PCTT, dân sinh, kinh tế - xã hội.

e) Xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch PCTT và phương án ứng phó thiên tai, lồng ghép nội dung PCTT vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, cụ thể:

- Xây dựng quy hoạch PCTT và thủy lợi, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về PCTT, thủy lợi và các quy hoạch liên quan đến PCTT gắn với quy hoạch sử dụng đất và phù hợp với phát triển kinh tế, xã hội, diễn biến thiên tai, sử dụng nước thượng nguồn, biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Lồng ghép nội dung PCTT vào các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch thành phố. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát các quy định về bảo đảm yêu cầu PCTT theo quy định của pháp luật về PCTT.

- Xây dựng kế hoạch PCTT ngành và các cấp địa phương theo quy định của pháp luật về PCTT phù hợp với diễn biến và yêu cầu PCTT, ưu tiên bố trí nguồn chi ngân sách nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho PCTT. Xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông; kế hoạch phòng, chống bão mạnh, siêu bão, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông.

- Xây dựng, cập nhật phương án ứng phó tương ứng với từng loại hình thiên tai, các cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp với diễn biến thiên tai trong thời gian gần đây, đặc điểm thiên tai và khả năng ứng phó của từng địa phương, tổ chức, doanh nghiệp, các bộ ngành, chú trọng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn. Chủ động chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phù hợp với phương án ứng phó thiên tai theo phương châm “04 tại chỗ”. Tổ chức diễn tập, tập huấn theo từng phương án ứng phó; phối hợp, hiệp đồng các lực lượng trong PCTT, TKCN và PTDS; nâng cao khả năng ứng phó tại chỗ cho doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng, người dân, đặc biệt là vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới.

g) Nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng với thiên tai

- Đầu tư củng cố, nâng cấp công trình PCTT, trong đó tập trung: củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê điều, hồ đập bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế. Nâng cấp các hồ chứa để tăng dung tích hữu ích phục vụ cấp nước. Bổ sung, nâng cấp hệ thống trữ nước, tiêu thoát nước, phòng chống ngập úng do mưa lớn, lũ, triều, nhất là đối với các khu đô thị của thành phố thường xuyên bị ngập úng; công trình kiểm soát nguồn nước phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn. Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại những khu vực diễn biến sạt lở phức tạp uy hiếp nghiêm trọng công trình đê điều, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng. Xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão theo quy hoạch được phê duyệt. Đẩy mạnh trồng cây chắn sóng bảo vệ đê. Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc bảo đảm thông suốt tới tất cả các địa phương, người dân, các tuyến đường giao thông huyết mạch (QL40B, ĐT 606, Hồ Chí Minh, Trường Sơn Đông,...), ưu tiên đầu tư mở rộng các trạm thông tin vệ tinh mặt đất, thiết bị thông tin lưu động.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng, chủ động thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu: nghiên cứu, xây dựng và phổ biến các mô hình nhà ở phù hợp, chủ động PCTT; hướng dẫn người dân xây dựng nhà ở, có chính sách phù hợp hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn xây dựng nhà ở đảm bảo an toàn PCTT. Xây dựng mới, nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng phải trên nguyên tắc tuân thủ theo quy hoạch và chủ động ứng phó với thiên tai theo phân vùng rủi ro thiên tai, không làm gia tăng rủi ro thiên tai.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai: thực hiện việc bố trí, sắp xếp lại dân cư tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, gắn với xây dựng nông thôn mới; những nơi chưa thể di dời được cần lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai; kết hợp xây dựng công trình PCTT. Hướng dẫn, hỗ trợ việc xây dựng nhà ở, nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp sơ tán dân đảm bảo an toàn trước thiên tai. Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu kết hợp sơ tán dân tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất.

m) Khoa học công nghệ: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ nâng cao hiệu quả PCTT, trong đó tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số, tự động hóa, viễn thám trong quan trắc, theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai; ứng dụng các mô hình toán và công nghệ hiện đại để dự báo và lập kế hoạch vận hành liên hồ chứa, đơn hồ chứa theo thời gian thực; quản lý, vận hành công trình PCTT và chỉ đạo điều hành PCTT. Phát triển ứng dụng công nghệ trong quản lý giám sát tàu thuyền trên sông Vu Gia và Thu Bồn. Ứng dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo AI, Big Data,... trong dự báo mưa – lũ – ngập úng và xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn hóa và dùng chung phục vụ công tác PCTT; Xây dựng và tích hợp hệ thống phòng, chống thiên tai thông minh với đô thị thông minh của thành phố Đà Nẵng, phục vụ quản lý rủi ro tổng hợp và hỗ trợ ra quyết định chiến lược trong quy hoạch, đầu tư và phát triển hạ tầng đến năm 2050. Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ tiên tiến trong xây dựng công trình PCTT đảm bảo bền vững, thân thiện với môi trường. Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên và đặc điểm thiên tai thành phố Đà Nẵng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

l) Hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, đối tác phát triển, nhà tài trợ, cơ quan nghiên cứu khoa học để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới về PCTT, nhất là về dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, quản lý tài nguyên nước đối với hệ thống sông, bảo đảm an toàn cho tàu thuyền tránh trú bão, đồng thời tranh thủ, vận động các nguồn lực hỗ trợ quốc tế, nguồn viện trợ không hoàn lại, hỗ trợ kỹ thuật và các chương trình hợp tác quốc tế trong PCTT, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tham gia tích cực, chủ động trong các cơ chế hợp tác về PCTT. Tham gia các diễn đàn khu vực và toàn cầu về giảm nhẹ thiên tai, hướng tới mục tiêu giải quyết được các vấn đề thiên tai xuyên biên giới. Thực hiện đầy đủ, trách nhiệm các điều ước quốc tế, hiệp định, thỏa thuận hợp tác mà Việt Nam tham gia ký kết như Khung hành động Sendai, Hiệp định ASEAN về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp.

h) Nguồn lực: Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, sử dụng hiệu quả quỹ Phòng thủ dân sự và huy động nguồn lực từ xã hội hóa cho hoạt động PCTT, TKCN và PTDS, trong đó tập trung nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; xử lý dứt điểm các trọng điểm đe điều xung yếu; bảo đảm an toàn hồ đập; phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn; di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi khu vực nguy hiểm do lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt; xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở núi; xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ chỉ đạo điều hành PCTT&TKCN, nhất là của cơ quan tham mưu, cấp thành phố. Tăng cường phân cấp, phân quyền đảm bảo huy động kịp thời nguồn lực đáp ứng yêu cầu ứng phó khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai.

i) Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng PCTT nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

k) Phân kỳ đầu tư phát triển phòng, chống thiên tai và phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển đê điều và kết cấu hạ tầng, phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050.

4. Các biện pháp phi công trình

a) Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách

Hàng năm rà soát và ban hành quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và phân công nhiệm vụ thành viên nhằm huy động tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức tham gia công tác phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

Bảo đảm hoạt động hành chính của Cơ quan Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố nhằm xây dựng và thực hiện kế hoạch thu, chi của Quỹ trên địa bàn thành phố hàng năm.

Rà soát thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, chống thiên tai để tiếp tục hỗ trợ thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 (Nghị quyết số 64/2026/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách giảm nghèo đặc thù trên địa bàn thành phố Đà Nẵng,...). Có giải pháp vận động hỗ trợ nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, nhà hảo tâm trên địa bàn thành phố, phấn đấu đến hết năm 2027 trên địa bàn thành phố không còn nhà tạm, nhà dột nát.

Rà soát chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh để bổ sung, sửa chữa cho phù hợp.

Có chính sách phát triển ao, hồ nhỏ để tận dụng tối đa nguồn nước tưới, nhất là tại các khu vực có nguy cơ cao hạn hán.

Có chính sách phát triển, nâng cấp các hồ điều tiết trong khu vực nội đô để tạo cảnh quan và trữ lũ cho khu vực đô thị.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 06/05/2026 của UBND thành phố thành phố Đà Nẵng về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2026-2030” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ban hành các tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình của hộ gia đình, cá nhân sử dụng công trình, nhà ở trên địa bàn thành phố.

Tăng cường thực hiện lồng ghép yêu cầu bảo vệ không gian, hành lang thoát lũ trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch xây dựng, đô thị, giao thông, thủy lợi và các quy hoạch

ngành có liên quan, bảo đảm không làm gia tăng rủi ro thiên tai, đặc biệt đối với các khu vực ảnh hưởng đến an toàn hệ thống đô thị, khu dân cư tập trung.

b) Tăng cường năng lực quản lý thiên tai

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ hỗ trợ công tác trực ban cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự thành phố: Văn phòng làm việc, trang thiết bị họp trực tuyến, trang thiết bị văn phòng.

- Đầu tư mua sắm, cấp phát trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự cho cấp xã/phường.

- Ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao về truyền tin, truyền thông phòng, chống thiên tai. Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp. Trước mắt đảm bảo liên lạc thông suốt của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp và hệ thống thông tin liên lạc với các đơn vị quản lý hồ chứa trong tình huống khẩn cấp. Phát triển WebGIS/App phòng, chống thiên tai, tích hợp.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn các cấp; dự kiến 5 lớp đào tạo/năm.

- Nâng cao năng lực quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn hóa, dùng chung phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

- Củng cố, nâng cao năng lực lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp phường/xã.

- Rà soát, xây dựng, bổ sung quy chế phối hợp giữa Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố với các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ thành phố cùng tham gia phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức diễn tập phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tại các địa phương, các ngành, các đơn vị lực lượng vũ trang. Cấp thành phố tổ chức diễn tập 5 năm 1 lần; cấp xã/phường tổ chức diễn tập 3 năm 1 lần.

- Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án.

- Xây dựng, rà soát, cập nhật bổ sung Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp thành phố, cấp xã/phường giai đoạn 2026-2030 theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự.

- Xây dựng Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp các lưu vực sông, hồ chứa thủy điện, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn thành phố;

- Xây dựng các bản đồ phân vùng nguy cơ xảy ra lũ quét; bản đồ phân vùng ngập lụt; bản đồ ngập lụt đô thị theo kịch bản nước biển dâng mới nhất của

Bộ Nông nghiệp và Môi trường; lập bản đồ phân vùng đánh giá rủi ro do hạn hán; lập bản đồ phân vùng nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ suối; lập bản đồ diễn biến xâm nhập mặn các sông... Xác định rõ hành lang thoát lũ trên toàn bộ lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Tam Kỳ, sông Cu Đê,....

- Xây dựng bản đồ ngập lụt/ngập úng đô thị trên cơ sở theo các kịch bản mưa, lũ, triều và phương án vận hành hồ chứa. Hoàn thiện các mức báo động lũ, ngập lụt phù hợp với điều kiện đô thị.

- Rà soát bổ sung quy hoạch bố trí dân cư các vùng có nguy cơ thiên tai giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2050 nhằm xây dựng và thực hiện các dự án Tái định cư, ổn định đời sống và sản xuất nhân dân nhất là tại các khu vực có nguy cơ lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông cao.

- Rà soát, cập nhật các phương án ứng phó thiên tai cấp thành phố theo cấp độ rủi ro thiên tai.

- Xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định ứng phó với tình huống xả lũ khẩn cấp, lũ cực lớn, lũ do vỡ đập và đánh giá định lượng tác động cho các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn thành phố. Xây dựng dự báo vận hành theo thời gian thực đơn hồ, liên hồ chứa và của các lưu vực sông chính trên địa bàn thành phố.

- Triển khai các quy định, rà soát, xây dựng các chính sách liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy rừng,...

- Xây dựng hệ thống, biển báo cảnh báo ngập lụt, sạt lở đất đá, ngầm tràn, cháy rừng... tại vùng nguy cơ cao.

- Ứng dụng AI và phân tích dữ liệu lớn trong dự báo mưa - lũ - ngập, nâng cao độ chính xác cảnh báo sớm và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực cho công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai. Hình thành hệ thống phòng, chống thiên tai thông minh, vận hành theo chu trình khép kín: quan trắc - dự báo - hỗ trợ quyết định - điều hành - đánh giá sau thiên tai. Tích hợp hệ thống phòng, chống thiên tai với đô thị thông minh của thành phố Đà Nẵng nhằm phục vụ quản lý rủi ro tổng hợp và hỗ trợ ra quyết định chiến lược trong quy hoạch, đầu tư và phát triển hạ tầng đến năm 2050. Từng bước tự động hóa vận hành hệ thống hồ chứa, trạm bơm, cống kiểm soát triều và hạ tầng thoát nước đô thị, giảm phụ thuộc vào điều hành thủ công, nâng cao khả năng phản ứng nhanh trước các tình huống cực đoan.

c) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp thành phố

Trong những năm gần đây Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia và Đài KTTV Trung Bộ đã có những bước tiến trong công tác dự báo, cảnh báo thiên tai nhờ được sự chú trọng đầu tư, hiện đại hóa và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, các mô hình tiên tiến để nâng cao chất lượng dự báo, chất lượng các bản tin dự báo dần dần được cải thiện, tính chính xác và độ tin cậy cao; hệ thống truyền tin giữa các đơn vị đo đạc, dự báo được nâng cấp, chủ yếu qua mạng Internet; tự động hóa dần quá trình truyền số liệu nhằm đảm bảo về mặt thời

gian, chất lượng dữ liệu quan trắc phục vụ dự báo đã cung cấp kịp thời diễn biến thiên tai cho các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư để chủ động phòng tránh, ứng phó hiệu quả với thiên tai; nội dung bản tin dự báo, cảnh báo bão, lũ được cải tiến về hình thức và nội dung, là cơ sở giúp địa phương triển khai phương án phòng, chống lụt bão phù hợp, sát với diễn biến thiên tai.

Thành phố cũng tăng cường đầu tư nhiều trạm đo tự động về mưa và mực nước để phục vụ bổ sung cho công tác dự báo trong thành phố.

Khó khăn hiện nay trong công tác dự báo, cảnh báo là dự báo định lượng lũ về hồ chứa, đặc biệt là các hồ chứa thủy điện ở thượng nguồn, do diện tích lưu vực nhỏ, độ dốc sông suối lớn và chiều dài sông ngắn; dẫn đến gia tăng thiên tai, thiệt hại kinh tế, dân sinh. Bên cạnh đó, hoạt động dự báo lũ quét là rất khó khăn.

Các giải pháp đề xuất là:

- Xây dựng Kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Tiếp tục đầu tư các trạm khí tượng, thủy văn theo Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 08/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, mục tiêu mật độ trạm đo mưa thuộc mạng lưới trạm quốc gia
- Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu.
- Thiết lập cơ sở dữ liệu trung tâm; cập nhật mô hình dự báo ngập lụt; lắp đặt thêm các trạm quan trắc dòng chảy tại hạ du lưu vực sông Vu Gia, Thu Bồn, sông Tam Kỳ, sông Trường Giang, sông Cu Đê.
- Rà soát, bổ sung lắp đặt mạng lưới trạm đo mưa - khí tượng - thủy văn, ưu tiên khu vực thượng lưu và các đô thị trũng thấp.
- Lắp đặt các thiết bị đo mưa, mực nước tại các hồ chứa nâng cấp, xây mới.
- Lắp đặt các thiết bị đo mực nước, camera giám sát vận hành các hồ chứa thủy lợi lớn và vừa do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi quản lý.
- Lắp đặt các thiết bị đo mưa, mực nước tại các hồ chứa nhỏ do UBND cấp xã/phường quản lý vận hành.
- Lắp đặt thiết bị cảnh báo, bảng cảnh báo tại các khu vực thường xuyên bị ngập sâu: ngầm tràn, đường giao thông, vùng trũng thấp ven sông, suối; các khu vực có nguy cơ bị lũ quét, sạt lở đất.
- Lắp đặt, xây dựng hệ thống đường truyền phục vụ giám sát hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và xây dựng hệ thống kho dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- Kiến nghị điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa sông Vu Gia - Thu Bồn; cập nhật dữ liệu thông tin vận hành hồ chứa vào hệ thống.

d) Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng, chống thiên tai cộng đồng

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai: Thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn do Hội chữ thập đỏ thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã/phường, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp phối hợp tổ chức; lồng ghép các chương trình hội nghị, hội thảo các cấp.

Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng.

Nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về phòng tránh thiên tai bằng các chương trình: truyền thông để phát thanh trên Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng, truyền thanh xã/phường; xây dựng Ban biên tập trang thông tin điện tử của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, và có chế độ chính sách phù hợp để khuyến khích cập nhật tin, bài.

Đưa kiến thức về phòng, chống thiên tai vào chương trình giáo dục cho học sinh một cách thiết thực, phù hợp.

Đào tạo, tập huấn về thiên tai cho một số cộng đồng thường xuyên bị thiên tai. Chú trọng cho bà con nhân dân thuộc các khu vực ngập lụt, thường xuyên xảy ra lũ quét, lũ ống và có nguy cơ sạt lở đất.

Xây dựng một số chương trình thông tin, truyền thông chuyên đề về phòng, chống thiên tai trên Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng, Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng,...

đ) Chương trình trồng, bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn

Căn cứ vào Đề án bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, Ban Chỉ đạo về Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững cùng với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng xây dựng Kế hoạch phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mục tiêu trồng bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn, phấn đấu đến năm 2030 tỉ lệ che phủ rừng đạt trên 70%.

5. Giải pháp công trình

a) Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi

- Sửa chữa, nâng cấp, bảo đảm an toàn các công trình hồ chứa hiện có.
- Sửa chữa, nâng cấp nhằm tăng dung tích hữu ích các công trình hồ chứa hiện có.
- Xây dựng mới các hồ chứa tại những nơi có điều kiện nguồn nước và địa hình thuận lợi để tích nước vào mùa lũ làm giảm nhẹ thiên tai và điều tiết vào mùa khô chống hạn.
- Xây dựng các tuyến kè biển, kè sông, suối tại những nơi có nguy cơ sạt lở cao, cần thiết phải xây dựng để bảo vệ khu dân cư và đất sản xuất của người

dân. Đối với các tuyến đê, kè có nguồn kinh phí đầu tư quá lớn cần đề nghị Chính phủ và các bộ, ngành hỗ trợ kinh phí để đầu tư.

- Cấm mốc hành lang thoát lũ cho các tuyến sông chính: Một số tuyến bờ sông, bãi sông, bờ suối có các hoạt động xâm phạm đến hành lang tiêu thoát lũ. Do vậy cần tổ chức thực hiện cấm mốc hành lang thoát lũ cho các tuyến sông chính trên bảo đảm dòng chảy sông được thông thoáng, giảm ngập úng.

b) Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng, chống thiên tai

- Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng đa năng; các trường học kết hợp làm nơi tránh trú thiên tai:

+ Tiếp tục sử dụng nguồn kinh phí ngân sách thành phố, Quỹ Phòng thủ dân sự và vận động các nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà cộng đồng trú, tránh bão, lũ tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai bão, lũ, ngập lụt và các khu tái định cư chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng. Các nhà đa năng cộng đồng theo hướng lưỡng năng công dụng.

+ Tiếp tục thực hiện Kế hoạch kiên cố hóa trường lớp giai đoạn 2026-2030. Trong đó tập trung đầu tư xây dựng mới ở những điểm trường thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vừa đảm bảo an toàn cho việc dạy và học, vừa có thể là nơi tránh trú thiên tai cho bà con nhân dân khu vực xung quanh.

- Di dời, bố trí ổn định dân cư vùng thường xuyên bị thiên tai

Hoàn thiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư miền núi, vùng thiên tai trên địa bàn thành phố để thực hiện trong giai đoạn 2026-2030. Nhu cầu bố trí, sắp xếp ổn định dân cư giai đoạn 2026-2030: 9.922 hộ, trong đó: hộ gia đình, cá nhân vùng thiên tai: 6.570 hộ, hộ gia đình, cá nhân vùng đặc biệt khó khăn: 2.192 hộ, hộ gia đình, cá nhân vùng biên giới: 1.160 hộ; hình thức bố trí: tập trung: 6.493 hộ, xen ghép: 2.581 hộ, ổn định tại chỗ: 848 hộ.

- Nâng cấp bệnh viện, trung tâm y tế xã/phường

Tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ trang thiết bị với cơ sở hạ tầng, nhân lực, mở rộng, nâng cấp các bệnh viện tuyến thành phố, tuyến xã/phường đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và cấp cứu bệnh nhân.

Vận dụng các nguồn vốn vay từ ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư xây dựng mới 31 trạm y tế, nâng cấp sửa chữa 52 trạm và mua sắm trang thiết bị y tế cho 10 trạm y tế có cơ sở hạ tầng, trang thiết bị chưa đảm bảo.

- Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp phòng, chống thiên tai

Cùng với mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, đầu tư các tuyến giao thông trọng điểm kết nối miền núi với trung tâm thành phố và vùng có nguy cơ thiên tai cao, trọng tâm là hạ tầng giao thông chiến lược liên vùng Đông - Tây, tập

trung nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch các trục đường như QL.14B, QL.14D, QL.14H, QL.14G, QL.40B, ĐT 615, ĐT 615B, ĐT 606,...

Tập trung nguồn lực, mở rộng, nâng cấp xây dựng các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ. Kiên cố hóa và mở rộng nâng cấp các tuyến đường ĐH, ĐX, giao thông nông thôn hiện có, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại, dân sinh. Xây dựng thay thế các công trình cầu có tải trọng thấp, cầu tràn, cầu treo bằng các công trình cầu có tải trọng cao và vượt lũ. Phân đầu đến năm 2030, các tuyến ĐH có 100% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, 80% mặt đường có chất lượng tốt, 70% công trình cầu, cống đạt quy mô vĩnh cửu; 88% đường bê tông giao thông nông thôn được bê tông hóa, 75% đường có chất lượng tốt, trên 99% có đường bê tông nối đến trung tâm của thôn.

Ưu tiên xóa các điểm ngầm tràn để đảm bảo giao thông thông suốt. Mở rộng và cứng hóa, nâng cấp hệ thống đường giao thông đảm bảo quy mô bền vững, ưu tiên an toàn, khả năng chống chịu và kết nối liên vùng, đặc biệt các trục đường kết nối đến trung tâm các xã vùng núi, giao thông liên xã phải đạt quy mô tối thiểu 2 làn xe.

- Công trình hạ tầng cấp nước

Tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Trong đó chú trọng đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình nước sạch tại các khu vực dân cư thường xuyên xảy ra hạn hán và có điều kiện kinh tế khó khăn.

- Bảo đảm chống ngập úng cục bộ cho các khu vực đô thị:

+ Xây dựng các tuyến công thoát nước mới giảm ngập cho đô thị Đà Nẵng (cũ) và Tam Kỳ (cũ).

+ Tổ chức thực hiện nạo vét các cửa sông, hệ thống cống thoát nước trong nội thị thành phố Đà Nẵng, thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An và các đô thị bảo đảm tiêu thoát nước mưa, chống úng ngập. Đối với vùng có mương tiêu tiến hành sửa chữa, tu bổ bảo đảm tiêu thoát nước. Kết hợp làm biển cảnh báo tại các vị trí nguy hiểm: cửa thu nước, nơi giao cắt cống thoát và đường bộ, cầu qua mương tiêu.

+ Triển khai tăng cường khả năng thoát lũ hạ du hồ chứa nước Phú Ninh.

- Công trình hồ chứa thủy điện

+ Kiểm soát được quy trình vận hành hồ chứa của các hồ thủy điện, nhất là các thủy điện nhỏ. Điều chỉnh mục tiêu và quy trình hồ chứa thủy điện để hài hòa cả ba mục tiêu đó là phát điện, phòng chống lũ và phòng chống hạn.

+ Lắp đặt hệ thống báo động, cảnh báo cho người dân vùng hạ du hồ chứa.

+ Đối với các công trình thủy điện dự kiến quy hoạch đầu tư xây dựng mới cần phải được nghiên cứu, tính toán, đánh giá chi tiết tác động gây ngập lụt

tới khu vực hạ du, yêu cầu đền bù giải phóng mặt bằng, cũng như tác động đối với khu vực rừng đầu nguồn.

- Công trình khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão

Tính đến năm 2025, tổng số tàu thuyền đánh cá trên địa bàn thành phố hiện nay là 4.037 chiếc, với tổng công suất là 892.244 CV; công suất bình quân 221 CV/tàu. Xét theo chiều dài tàu, tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét (vùng ven bờ): 2.310 tàu; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét (vùng lộng): 542 tàu; tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên (vùng khơi): 1.185 tàu (chiếm 29% tổng số tàu thuyền). Trong trường hợp mưa bão cần trú tránh dự kiến tăng thêm từ 15-20% số lượng tàu thuyền vắng lai của các tỉnh khác khai thác gần khu vực thành phố Đà Nẵng. Như vậy, tổng số lượng tàu thuyền cần trú tránh tại các khu neo đậu tránh trú bão của thành phố dự kiến dao động từ 4600 - 4850 chiếc. Trên cơ sở định hướng chuyển đổi công năng mục đích sử dụng của Âu thuyền Thọ Quang thì đề xuất điều chỉnh quy hoạch các khu vực như sau:

+ Nâng cấp cảng cá Tam Quang đạt tiêu chí cảng cá loại I nhằm đảm bảo tránh trú bão an toàn cho người và tài sản của ngư dân Đà Nẵng và các tỉnh lân cận trong mùa mưa bão, kết hợp phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ ngư dân khai thác trên biển. Địa điểm dự án tại xã Tam Quang với quy mô đầu tư hoàn thiện khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng An Hòa có sức chứa 1.200 chiếc (công suất máy từ 300CV/chiếc trở lên).

+ Đầu tư xây dựng mới 03 khu neo đậu tránh, trú bão Tam Tiến tại xã Tam Anh, Tam Xuân với sức chứa 200 chiếc; khu neo đậu tránh, trú bão Bình Dương tại xã Thăng An với sức chứa 200 chiếc; và khu neo đậu dọc sông Trường Giang thuộc xã Duy Nghĩa có sức chứa 150 chiếc.

+ Tiếp tục thực hiện mở rộng diện tích vùng nước, nạo vét và xây dựng kết cấu hạ tầng các khu neo đậu Hồng Triều nâng sức chứa lên 1000 chiếc, khu neo đậu Cửa Đại sức chứa 180 chiếc và Cù Lao Chàm sức chứa 150 chiếc.

+ Đối với Âu thuyền Thọ Quang: Theo quy hoạch sau năm 2030 thì chuyển đổi công năng nhiệm vụ du lịch và tránh trú tàu thuyền nhỏ. Do đó, trong điều kiện bình thường thì Âu thuyền không cho phép đậu, tránh trú. Tuy nhiên trong điều kiện thiên tai bão, áp thấp thì công trình được phép cho các tàu thuyền tránh trú bão theo quy định của Luật phòng thủ dân sự.

+ Xây dựng kè bảo vệ bờ, chống bồi lấp khu neo đậu, kết hợp bến cập tàu; xây dựng kè chắn cát chống sạt lở, bảo vệ luồng vào; nạo vét luồng chạy tàu và khu neo đậu có bề rộng, cao độ đáy bảo đảm cho tàu lưu thông và neo đậu; xây dựng trụ neo tàu bảo đảm cho các tàu neo, đậu an toàn.

- Công trình ngăn mặn

Đầu tư xây dựng các đập ngăn mặn trên sông Thu Bồn, Vĩnh Điện, sông Cẩm Lệ và sông Tam Kỳ, nhằm ngăn mặn, trữ ngọt cung cấp nước tưới và nước

sinh hoạt cho nhân dân tại thành phố Tam Kỳ cũ, thành phố Hội An cũ và thị xã Điện Bàn cũ và các vùng phụ cận.

II. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ

Xây dựng Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố hàng năm để cụ thể hóa các biện pháp ứng phó.

1. Phương châm ứng phó

a) Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra.

b) Bảo vệ các công trình quan trọng về An ninh Quốc gia, phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố, đảm bảo các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt.

c) Đảm bảo an ninh trật tự, thông tin liên lạc trong quá trình xử lý, ứng phó với rủi ro thiên tai.

d) Phối hợp chặt chẽ giữa Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố với các cấp, các ngành, các xã/phường trong chỉ đạo, chỉ huy phòng chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

đ) Huy động nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm cần thiết theo phương châm “Bốn tại chỗ” để ứng phó với thiên tai.

e) Thống kê, đánh giá thiệt hại; bảo vệ môi trường, phục hồi sản xuất; hỗ trợ khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân sau thiên tai theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Trách nhiệm chỉ huy, phối hợp ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

*** Rủi ro thiên tai cấp độ 1 thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP đối với địa phương như sau:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; hỗ trợ công tác ứng phó khi có đề nghị của các địa phương lân cận; có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, đúng quy định của pháp luật để ứng phó thiên tai khi nhận được đề nghị trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã khác và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên; đồng thời được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

a) Lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã;

b) Lực lượng công an, dân quân tự vệ, dân phòng, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện theo quy định của pháp luật; đề nghị người có

thẩm quyền huy động lực lượng quân đội trên địa bàn để ứng phó thiên tai theo quy định của pháp luật;

c) Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị; vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

2. Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã/phường hoặc người được ủy quyền.

3. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã/phường, Chủ tịch UBND cấp xã/phường đề nghị UBND cấp tỉnh hỗ trợ.

4. Chủ tịch UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã/phường trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã/phường; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

5. Chủ tịch UBND cấp tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

a) Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện theo quy định của pháp luật;

b) Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

6. Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn thành phố có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền.

*** Rủi ro thiên tai cấp độ 2 thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP đối với địa phương như sau:**

1. Chủ tịch UBND thành phố chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

2. Chủ tịch UBND thành phố được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

a) Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng kiểm ngư và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

b) Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai và của tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 7; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

4. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia hỗ trợ.

5. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoặc huy động các nguồn lực hỗ trợ ứng phó khi xuất hiện các tình huống thiên tai có diễn biến phức tạp, nguy cơ gây hậu quả lớn hoặc khi nhận được yêu cầu hỗ trợ của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Các lực lượng tham gia hỗ trợ phòng, chống thiên tai tại địa phương phải phối hợp chặt chẽ và theo sự chỉ huy thống nhất của Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền.

*** Rủi ro thiên tai cấp độ 3 thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP đối với địa phương như sau:**

1. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chỉ đạo các địa phương, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai; quyết định các biện pháp cấp bách và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để hỗ trợ các địa phương ứng phó khi có yêu cầu.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia căn cứ tình huống cụ thể chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

3. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

4. Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

6. Trường hợp rủi ro thiên tai trên cấp độ 3 hoặc thiên tai có diễn biến phức tạp nguy cơ cao gây hậu quả nghiêm trọng, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo.

*** Rủi ro thiên tai cấp độ 4: thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 52 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP đối với địa phương như sau:**

1. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương liên quan triển khai các biện pháp ứng phó.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chịu trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp ứng phó; tham mưu thành lập Ban chỉ đạo tiền phương để xử lý tình huống đặc biệt, trực tiếp chỉ đạo điều hành tại hiện trường.

3. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí, sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

5. Chủ tịch UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

6. Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

Rủi ro thiên tai vượt cấp độ 4 (tình trạng khẩn cấp): thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 52 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP

1. Trường hợp thiên tai vượt cấp độ 4, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai.

2. Việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

III. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu; khắc phục thiệt hại bước đầu

Sau khi sự cố thiên tai xảy ra, UBND các cấp kịp thời tổ chức thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, người bị thương do sự cố thiên tai xảy ra; phân phát gạo cứu trợ, nhu yếu phẩm thiết yếu, hàng hóa cho nhân dân bị thiệt hại, đảm bảo không để người dân bị thiếu đói sau khi bị thiên tai.

Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố chủ trì, phối hợp Công an thành phố, các Sở, ngành có liên quan và UBND cấp xã/phường tìm kiếm người bị nạn, sơ cấp cứu và

đưa về cơ sở y tế điều trị; cùng lực lượng xung kích, dân quân tự vệ địa phương giúp nhân dân sửa chữa nhà cửa, làm nhà ở tạm, ổn định đời sống nhân dân.

Sở Y tế triển khai sơ cấp cứu, chữa bệnh cho nhân dân bị nạn; cung cấp thuốc chữa bệnh, thuốc tiêu độc, khử trùng làm sạch nguồn nước, vệ sinh môi trường không để dịch bệnh bùng phát; theo dõi thiệt hại về thiên tai ảnh hưởng đến đời sống nhân dân trên địa bàn thành phố; tham mưu, đề xuất và hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách của Chính phủ và của thành phố về hỗ trợ, cứu trợ đối với các gia đình bị thiệt hại về người và nhà cửa do thiên tai gây ra; kiểm tra, rà soát tình hình thiếu đói khi có thiên tai xảy ra trên diện rộng để tham mưu UBND thành phố phương án hỗ trợ lương thực kịp thời cho nhân dân.

Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn tu sửa hồ đập, kênh mương, hàn khẩu đê điều, khôi phục trạm bơm để phục vụ sản xuất; khử trùng chuồng trại không để phát sinh dịch bệnh trong gia súc, gia cầm.

Sở Xây dựng hướng dẫn khắc phục đoạn đường bị sạt lở, các cầu, cống bị hư hỏng, bảo đảm giao thông thông suốt. Đối với đoạn đường sạt lở nguy hiểm, cấm biên cảnh báo để người dân chủ động phòng tránh.

Công ty Điện lực tổ chức khắc phục sự cố đường dây tải điện, trạm biến thế; vận hành an toàn hệ thống điện phục vụ đời sống và sản xuất nhân dân;

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu, xăng dầu, khí phục vụ nhân dân; chỉ đạo doanh nghiệp phân phối, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại xây dựng và triển khai kế hoạch dự trữ hàng hóa, phòng, chống thiên tai.

Sở Tài chính cân đối nguồn dự phòng ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác đề xuất nguồn chi hỗ trợ hộ gia đình có người chết, bị thương, nhà ở bị sập, hư hỏng nặng; kinh phí khắc phục đê điều, khôi phục nước sạch, ổn định đời sống và phục vụ sản xuất.

Quỹ Phòng, chống thiên tai, Quỹ Phòng thủ dân sự thành phố chỉ cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết cho người dân bị thiệt hại; hỗ trợ tu sửa trường học, nhà sơ tán phòng tránh thiên tai, xử lý vệ sinh môi trường; hỗ trợ tu sửa khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng, chống thiên tai.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Hội Chữ thập đỏ thành phố, Thành đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố phối hợp với UBND các cấp tổ chức tiếp nhận, cấp phát hàng, tiền cứu trợ cho người dân bị thiệt hại đặc biệt ưu tiên hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, người tàn tật, cao tuổi, phụ nữ, trẻ em sớm ổn định cuộc sống.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, lập nhu cầu hỗ trợ

UBND các cấp, các Sở, ban, ngành, đơn vị thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và các lĩnh vực phụ trách, cụ thể:

UBND cấp xã/phường tổ chức đánh giá, xác định thiệt hại ở địa phương về con người, nhà cửa, về giáo dục, y tế, nông lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông, thủy sản, thông tin liên lạc, công nghiệp, xây dựng, nước sạch, vệ sinh môi trường và các công trình khác trên địa bàn và báo cáo về UBND thành phố, Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố.

Sở Y tế kiểm tra, thống kê thiệt hại về người, nhà ở của nhân dân. Nắm rõ số người chết, người mất tích, người bị thương; số nhà sập đổ, nhà bị hư hỏng nặng. Trên cơ sở đánh giá thiệt hại về người và nhà ở, đề xuất UBND thành phố cứu trợ khẩn cấp cho gia đình bị thiệt hại, chú ý ưu tiên gia đình chính sách và hộ nghèo.

Sở Xây dựng đánh giá thiệt hại các tuyến đường Quốc lộ, Tỉnh lộ, đường sắt, đường thủy; tổng hợp báo cáo UBND thành phố, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và đề xuất hỗ trợ khắc phục; đánh giá thiệt hại các trụ sở cơ quan, công trình xây dựng theo lĩnh vực quản lý; tổng hợp báo cáo UBND thành phố, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và đề xuất hỗ trợ khắc phục.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp tình hình thiệt hại về nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. Thống kê diện tích lúa, hoa màu bị hư hỏng; diện tích cây công nghiệp, rừng bị ngã đổ; diện tích đất canh tác bị xâm thực, nhiễm mặn, xói lở; gia súc, gia cầm bị chết; lúa giống bị hư hỏng. Đánh giá thiệt hại đê kè, kênh mương, hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm; diện tích nuôi trồng thủy hải sản, tàu thuyền bị thiệt hại. Lập báo cáo tổng hợp thiệt hại sau thiên tai phạm vi toàn thành phố và đề xuất Trung ương hỗ trợ khẩn cấp.

Các Sở, ngành, đơn vị theo lĩnh vực quản lý đánh giá, thống kê thiệt hại, báo cáo UBND thành phố, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và đề xuất hỗ trợ.

Các chủ doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá thiệt hại của doanh nghiệp báo cáo chính quyền địa phương.

Thống kê Đà Nẵng đánh giá, thống kê thiệt hại về các lĩnh vực, tổng hợp vào niên giám thống kê thành phố.

Sau khi kết thúc đợt thiên tai, các Sở, ngành, đơn vị và UBND cấp xã/phường phải báo cáo thiệt hại và đề xuất hỗ trợ về UBND thành phố, Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố để tổng hợp.

3. Lập kế hoạch tái thiết sau thiên tai

a) Tái thiết khẩn cấp: Tổng hợp đánh giá thiệt hại từ các Sở, ngành, địa phương lựa chọn được danh mục khắc phục khẩn cấp sau thiên tai. Trên cơ sở kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai được phân bổ; các sở, ngành, UBND các xã/phường triển khai đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo thứ tự ưu tiên. Các danh mục lựa chọn thường là hồ chứa, đập dâng, kè, kênh mương, cống, tràn; cầu, đường giao thông; công trình cấp nước sạch. Thời gian khắc phục khẩn cấp từ 3 đến 8 tháng trước mùa mưa lũ, bão tiếp theo.

b) Tái thiết trung hạn: Để đáp ứng yêu cầu lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, các sở, ngành, đơn vị, UBND các cấp lập kế hoạch trung hạn khôi phục, phát triển sản xuất; nâng cấp công trình, cơ sở hạ tầng kết hợp mục tiêu phòng, chống thiên tai, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Nội dung chính kế hoạch trung hạn gồm:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước bảo đảm an toàn hồ chứa và nguồn nước cho vùng hạ lưu; nâng cấp, tu bổ hệ thống đê điều bảo vệ an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; kiên cố hóa kênh mương, nâng cấp trạm bơm nhằm tưới tiêu chủ động và tiết kiệm nước; phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ kết hợp sinh hoạt cộng đồng ở những vùng thường ngập lũ, bão; tái định cư và di dời người dân ra khỏi vùng nguy hiểm của thiên tai; khơi thông dòng chảy bảo đảm thoát lũ cho vùng ngập ứng đáp ứng yêu cầu trú, tránh phòng, chống thiên tai an toàn; nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân về PCTT, ứng phó với Biến đổi khí hậu. Hướng dẫn nội dung phòng tránh, xử lý và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do mưa lũ gây ra.

- Sở Xây dựng quản lý quy hoạch khu dân cư, phát triển đô thị phải bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai. Lập kế hoạch xây dựng nhà ở an toàn, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh lũ, bão theo chính sách của Chính phủ (Phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố lồng ghép vào các chương trình hỗ trợ nhà ở phòng tránh bão lũ với Quỹ “Vì người nghèo” và chương trình “xóa nhà tạm, nhà dột nát của thành phố”); nâng cấp công trình cấp, thoát nước đô thị bảo đảm nhu cầu cấp, thoát nước. Tổ chức thực hiện “Hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp độ rủi ro thiên tai” của ngành để nhân dân chủ động phòng, tránh bão. Lập kế hoạch nâng cấp hệ thống đường tỉnh; kế hoạch xây dựng mới hệ thống cầu, cống trên đường tỉnh bảo đảm kết nối giao thông và tiêu thoát lũ; nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông bảo đảm nhu cầu phát triển giao thông kết hợp phòng, chống thiên tai.

- Sở Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch nâng cấp hệ thống, trang thiết bị bưu chính, viễn thông bảo đảm thông tin liên lạc. Trang bị, bảo dưỡng mạng thông tin chuyên dùng để phục vụ thông tin chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai. Có kế hoạch phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của lực lượng vũ trang trong thành phố.

- Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch nâng cấp, kiên cố hóa trường học. Ưu tiên nâng cấp trường học mầm non, tiểu học và phổ thông đối với vùng trũng, ven sông suối, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường tập huấn, rèn luyện chống đuối nước cho học sinh các cấp.

- Sở Công Thương chỉ đạo các Công ty Điện lực và các đơn vị vận hành lưới điện trên địa bàn thành phố cũng như các nhà máy thủy điện có kế hoạch nâng cấp hệ thống điện, thiết bị bảo đảm cung cấp điện an toàn; có kế hoạch bảo trì hạng mục công trình đầu mối, các thiết bị bảo đảm vận hành an toàn công

trình. Đồng thời, có văn bản hướng dẫn cho các doanh nghiệp có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng, kho tàng bảo đảm an toàn cho người và hàng hóa nhằm giảm bớt chi phí kinh doanh và thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Sở Y tế có kế hoạch bảo trì bệnh viện, trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm y tế, trạm y tế bảo đảm khám và điều trị bệnh. Có kế hoạch dự trữ vật tư thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, xử lý môi trường ô nhiễm trong phòng, chống thiên tai.

- Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, mở rộng mạng lưới khí tượng thủy văn; sử dụng thiết bị, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo chính xác diễn biến thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- UBND cấp xã lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn: hồ chứa, đập dâng, công trình thủy lợi, giao thông, trạm y tế, trường học kết hợp nơi trú tránh bão, lũ. Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các xã miền núi, ven sông, ven biển thường xuyên bị thiên tai. Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng tâm trên địa bàn.

- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an thành phố lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp cơ sở huấn luyện, kho tàng, mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ an ninh quốc phòng kết hợp phòng tránh thiên tai và TKCN. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn, diễn tập cho cán bộ, chiến sĩ nhằm tăng cường khả năng tự vệ và ứng cứu trong thiên tai.

Chương VII

LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Nhiệm vụ phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội của thành phố. Ưu tiên các công trình đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, hướng tới phát triển bền vững và đối tượng dễ bị tổn thương trong lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai. Huy động các nguồn vốn trong công tác phòng, chống thiên tai được lồng ghép, cân đối trong quá trình lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển của thành phố. Căn cứ các nguồn vốn được giao trong kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội của địa phương.

1. Nguyên tắc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai

a) Nội dung phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

b) Căn cứ vào kết quả đánh giá, loại hình thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai ứng với mỗi loại hình và cấp độ rủi ro thiên tai của ngành hoặc địa phương để lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

c) Ưu tiên các công trình đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, hướng tới phát triển bền vững và đối tượng dễ bị tổn thương trong lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

d) Nguồn vốn cho công tác phòng, chống thiên tai được lồng ghép, cân đối trong quá trình lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch; trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển.

2. Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai

a) Tích hợp vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội: Phải cụ thể hóa các quan điểm, định hướng lồng ghép nhiệm vụ phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026-2030, đảm bảo tính đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng.

b) Xác định vùng rủi ro và hạn chế phát triển: Nghiên cứu các giải pháp không gian nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, thích ứng với lũ và bảo đảm hành lang thoát nước tự nhiên. Cần hạn chế đô thị hóa mật độ cao tại các khu vực trũng thấp, ven sông và cửa sông để giảm thiểu rủi ro ngập lụt, sạt lở.

c) Phát triển cân bằng vùng Đông - Tây: Chú trọng phát triển vùng phía Tây (khu vực miền núi, trung du) theo hướng tôn trọng giá trị tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và đánh giá kỹ tác động của thủy điện trên các lưu vực sông.

3. Nội dung lồng ghép cụ thể

3.1. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế

a) Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà an toàn phòng, chống thiên tai

Căn cứ các chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở của Trung ương, thành phố, các tổ chức phi chính phủ và nguồn hỗ trợ xã hội hóa của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn thành phố. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cùng các Sở, Ban, ngành, địa phương tham mưu UBND thành phố xây dựng và triển khai Đề án hỗ trợ xây dựng nhà an toàn phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030.

b) Di dời người dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai

Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND thành phố xây dựng và triển khai Đề án sắp xếp, ổn định dân cư miền núi, vùng thiên tai trên địa bàn thành phố để thực hiện trong giai đoạn 2026-2030; triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi, vùng thiên tai trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 - 2030.

c) Nâng cao tiêu chuẩn an toàn các công trình cơ sở hạ tầng

Trong các dự án quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, khi khảo sát và tính toán kết cấu cần phân tích thêm tác động của thiên tai để nâng cao tiêu chuẩn an toàn của công trình, cũng như không làm cho tình hình thiên tai thêm nghiêm trọng, đặc biệt là khả năng thoát lũ.

d) Nâng cao nhận thức và kiến thức của cán bộ, người dân về an toàn phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Việc nâng cao nhận thức của cộng đồng sẽ nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, làm giảm thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

e) Nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai (hồ chứa, trạm bơm)

Các công trình hồ, đập trên địa bàn thành phố đều thực hiện đa mục tiêu, vừa cung cấp nước sinh hoạt, vừa cung cấp nước tưới, vừa nuôi trồng thủy sản, vừa chống hạn, vừa phòng lũ,... Tuy nhiên, hiện nay nhiều công trình đã bị xuống cấp cần nguồn vốn rất lớn để đầu tư nâng cấp, sửa chữa. Vì vậy trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cần phải ưu tiên đầu tư công trình hồ chứa, trạm bơm và các công trình phòng, chống thiên tai khác.

g) Khôi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ

Trong thời gian qua, tình hình ngập lụt, ngập úng cục bộ tại một số khu vực trên địa bàn thành phố diễn ra thường xuyên và nghiêm trọng. Tình trạng này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân do dòng chảy bị cản trở. Để khắc phục được tình trạng này, thời gian đến ngành cần nạo vét, thông luồng, chỉnh trị dòng chảy đảm bảo thoát lũ an toàn.

3.2. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế, xã hội

3.2.1. Ngành nông nghiệp

a) Trồng trọt

Phát triển nông nghiệp xanh, sạch gắn với khả năng phòng, chống thiên tai:

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và diễn biến của thiên tai.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước tiết kiệm, khai thác hiệu quả tài nguyên đất, nước gắn với bảo vệ môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh cho phát triển bền vững.

- Vận động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc sử dụng rác thải hữu cơ từ nông nghiệp làm phân bón phục vụ sản xuất.

- Phối hợp với các địa phương hỗ trợ chứng nhận các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ lựa chọn giống, kỹ thuật để người dân thực hiện mô hình canh tác các loại cây trồng mới không sử dụng nhà kính nhưng có hiệu quả cao.

b) Chăn nuôi

- Quy hoạch chuồng trại, nơi ở cao ráo, đảm bảo an toàn cho đàn vật nuôi khi thiên tai xảy ra.

- Giảm đàn vật nuôi: Khi có thiên tai xảy ra thực hiện biện pháp giảm đàn (chọn loại thải những con kém chất lượng, bệnh tật...) để có điều kiện bảo vệ đàn vật nuôi còn lại có chất lượng để khôi phục sau thiên tai (nái sinh sản, hậu bị, đực giống ...).

- Thực hiện cung cấp nhanh dịch vụ thú y để chẩn đoán điều trị bệnh, tiêm vắc xin, hỗ trợ sức khỏe cho đàn vật nuôi để bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi.

- Dự trữ, cung cấp thức ăn, nước uống là biện pháp có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đàn vật nuôi trong khi gặp thiên tai như: lũ lụt, sạt lở đất, đói rét ... để tái sản xuất sau thiên tai.

c) Thủy sản

- Lựa chọn các giống thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu của địa phương.

- Hướng dẫn thời vụ nuôi trồng cho nhân dân để tránh thời điểm hạn hán, lũ lụt và tổ chức bảo vệ ao hồ thủy sản khi thiên tai xảy ra.

d) Lâm nghiệp

- Phát triển nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ diện tích rừng hiện có bằng các biện pháp khác nhau. Tăng dần tỷ lệ rừng giàu, có thảm phủ đa dạng.

- Khai thác nguồn lợi từ chi trả dịch vụ môi trường rừng, tăng cường hoạt động khoán bảo vệ rừng từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Triển khai nghiên cứu các mô hình khuyến lâm, lai tạo các giống cây trồng lâm nghiệp mới có năng suất cao.

- Đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học, các đề tài ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp.

- củng cố hệ thống khuyến lâm và cán bộ kiểm lâm ở cơ sở.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ nguồn tài nguyên rừng.

- Tranh thủ các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ ngành lâm nghiệp để thử nghiệm và nhân rộng cách tiếp cận mới về lâm nghiệp, hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, kinh doanh, khai thác chế biến gỗ đáp ứng theo yêu cầu thị trường.

- Phân bổ các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương tập trung ưu tiên cho các dự án trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ, vườn Quốc gia...

Biện pháp để bảo vệ rừng đầu nguồn trong phòng, chống thiên tai

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Lâm nghiệp; các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước có liên quan công tác giao rừng, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp.

- Tiếp tục thể hiện quyết liệt có hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương và của thành phố liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ phát triển rừng.

- Phục vụ cho quản lý bền vững tài nguyên rừng; triển khai ứng dụng phần mềm theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng; giao rừng, cho thuê rừng theo định hướng của trung ương.

- Huy động các nguồn lực, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, dự án. Lồng ghép các kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các chương trình, dự án khác trên địa bàn thành phố.

- Hỗ trợ cây giống, phân bón, kỹ thuật cho các hộ gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là các hộ nghèo để phát triển trồng rừng quy mô nhỏ.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp để giảm chi phí sản xuất.

- Tăng cường công tác phòng chống cháy rừng.

- Tăng cường tuần tra, kiểm tra rừng, phòng ngừa, ngăn chặn, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng; nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

- Các lĩnh vực khác:

- + Thu thập, khai thác và sử dụng dữ liệu về khí tượng thủy văn ở địa phương theo quy định của pháp luật.

- + Kiểm tra việc thực hiện các quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai trên địa bàn.

- + Tham mưu lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nguồn nước phục vụ cung cấp nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

- + Quản lý tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt là đối với diện tích đất rừng, đất ven sông suối...

- + Triển khai thực hiện tốt các nội dung phòng, chống thiên tai trong kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

- + Theo dõi, chỉ đạo xây dựng phương án thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh sau thiên tai, xác động vật chết, bùn đất, rác thải theo quy định của pháp luật về môi trường.

- + Phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm môi trường phát sinh do thiên tai; gắn công tác phòng, chống thiên tai với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái và phát triển bền vững.

- + Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trong hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; hướng dẫn thu

gom, phân loại và xử lý chất thải phát sinh bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường.

3.2.2. Ngành công thương

- Nhằm chủ động ứng phó kịp thời cho các khu vực thường bị chia cắt, cô lập khi xảy ra thiên tai, Sở Công Thương chủ động liên hệ, vận động các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm, nhu yếu phẩm đóng trên địa bàn thành phố đảm bảo dự trữ, chuẩn bị một lượng hàng hóa thiết yếu nhất định, để bảo đảm kịp thời sẵn sàng phục vụ nhân dân ở các vùng khi có thiên tai xảy ra.

- Yêu cầu các chủ đập thủy điện, các doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn thành phố tích cực chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra trong mùa mưa bão.

- Thực hiện kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai của các chủ đập, hồ chứa thủy điện khi phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, Phương án phòng, chống thiên tai và Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập hồ chứa thủy điện theo phân cấp và ủy quyền.

- Thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác thi công, kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi vận hành của các dự án xây dựng nhà máy thủy điện trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về công tác bảo vệ hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp cho các cấp chính quyền ở địa phương; duy trì việc phát thanh tuyên truyền liên tục trong thời gian dài bảo đảm để người dân tiếp thu và có ý thức trong việc bảo vệ hành lang an toàn lưới điện cao áp một cách có hiệu quả, không để xảy ra các hành vi vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp.

- Phối hợp triển khai các giải pháp bình ổn thị trường; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai, lũ lụt để đầu cơ tăng giá vật tư, hàng hóa gây khó khăn cho đời sống nhân dân tại những vùng thiên tai, lũ lụt.

- Hướng dẫn các hồ chứa thủy điện lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa, Phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

- Tổng hợp, báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thành phố với UBND thành phố trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

3.2.3. Ngành xây dựng

Biện pháp đảm bảo an toàn công trình xây dựng kết hợp phòng, chống thiên tai

a) Đối với các công trình chuẩn bị thi công hoặc đang thi công

- Kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định của Luật Xây dựng.

- Năng lực của các nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế, điều hành dự án, giám sát và thi công xây dựng phù hợp với cấp và loại công trình. Đồng thời phải có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo luật định.

- Biện pháp thi công và lý lịch của thiết bị thi công trong đó tập trung kiểm tra công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường; có biện pháp neo giữ, gia cố giàn giáo thi công, lưới bao che, hàng rào tôn, cần trục tháp, máy vận thăng đảm bảo an toàn.

- Đối với công trình đang thi công tầng hầm yêu cầu có biện pháp gia cố đất tránh sạt lở đất, đảm bảo an toàn cho bản thân công trình và công trình lân cận.

- Kiểm tra các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

- Kiểm tra việc kiểm định an toàn; kiểm tra các chi tiết neo, giằng, nối đất; kiểm tra biện pháp, phương án vận hành, bảng tính toán sự làm việc ổn định của kết cấu trong mùa mưa bão và công nhân vận hành phải có đủ sức khỏe và có chứng chỉ nghề phù hợp.

- Đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật đang thi công: Khẩn trương thi công hoàn thành các hạng mục, phần việc có nguy cơ mất an toàn, có phương án xử lý chống ngập úng, khơi thông dòng chảy, kiểm tra gia cố các điểm xung yếu dễ sạt lở của kênh mương, cống rãnh, ao, hồ chứa, có biển cảnh báo an toàn nơi nguy hiểm.

- Phải có phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đảm bảo an toàn cho công trình, phương tiện thiết bị thi công cũng như phương tiện tham gia giao thông trên đường nhất là con người. Các đơn vị chủ đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, lập kế hoạch PCTT và TKCN cho từng công trình cụ thể, chú ý phối hợp với lực lượng thi công và phương án đảm bảo giao thông trong mọi tình huống, sự cố xảy ra.

- Không được vứt bỏ vật liệu phế thải làm tắc nghẽn dòng chảy, khi thi công xong phải thanh thải dòng chảy để dòng chảy đảm bảo thông, thoát nước tốt.

- Khi có mưa, bão, lũ, lụt sắp xảy ra phải tiến hành kiểm tra tình hình và đôn đốc các bộ phận thực hiện phương án phòng chống bão, lụt, nhất là hạ thấp các thiết bị trên cao và dẫu các phương tiện dưới sông vào nơi khuất gió và neo chằng chắc chắn.

b) Đối với các công trình đang khai thác, sử dụng

- Đối với công trình dân dụng:

- + Tuyên truyền, hỗ trợ và yêu cầu người dân thực hiện gia cố, giằng chống, đặc biệt đối với các nhà thiếu kiên cố và nhà đơn sơ.

+ Tổ chức kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn, lập danh sách và phân loại nhà bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng để tuyên truyền, hỗ trợ, yêu cầu người dân thực hiện gia cố, giảm chống đảm bảo an toàn cho người dân, nhà ở trong mùa mưa bão.

- Đối với công trình công cộng (nhà làm việc, chung cư, nhà tập thể, trường học, trung tâm y tế...): Kiểm tra, gia cố, sửa chữa để đảm bảo an toàn khi có mưa bão; sắp xếp tài liệu, trang thiết bị văn phòng và kho tàng ngăn nắp, đảm bảo an toàn, đặc biệt các công trình trường học, chung cư... là địa điểm sử dụng làm nơi tập kết, sơ tán trong trường hợp bão, lụt; trường hợp các khu nhà đã xuống cấp nghiêm trọng phải lập biện pháp phòng, chống mưa bão cho từng khu nhà và có phương án di dời để đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và tài sản của các hộ dân cư khi bão đổ bộ vào.

+ Các công trình có sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn pa nô, biển quảng cáo trên cao phải được kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cố.

+ Kiểm tra bồn chứa nước trên cao (neo, chằng, giữ...) theo hướng dẫn của Bộ xây dựng.

- Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

+ Rà soát các quy hoạch thoát nước và kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm đảm bảo việc chống ngập úng đô thị; kiểm tra các biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, kiểm soát quy trình cắt tỉa cây xanh đô thị đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão, đảm bảo an toàn điện, cung cấp nước sạch cho các vùng bị úng ngập.

+ Kiểm tra kế hoạch duy tu, bảo trì và nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ khi có mưa, bão và có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn; Rà soát và kiểm tra các phương án, biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị như hào kỹ thuật, tuynel, trạm biến áp, cột, điện... khi xảy ra mưa bão; Lập phương án đảm bảo an toàn cho các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và có giải pháp bảo vệ, phòng ngừa khắc phục sự cố khi xảy ra mưa bão.

- Đối với các cột điện ly tâm bê tông cốt thép: yêu cầu đơn vị quản lý kiểm tra, đánh giá và gia cường, giảm chống đảm bảo an toàn trước mùa mưa, bão; bố trí cảnh báo khu vực nguy hiểm tại những vị trí xung quanh cột điện ly tâm có nguy cơ gây mất an toàn.

- Đối với các công trình thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, công trình thu phát sóng viễn thông, pa nô, bảng quảng cáo:

+ Khi đầu tư, xây dựng mới công trình thu phát sóng viễn thông thực hiện các quy định của Luật Xây dựng, Luật Viễn thông và các quy định khác có liên quan.

+ Thực hiện kiểm định, lập và phê duyệt Quy trình bảo trì công trình tháp thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình theo hướng dẫn tại Quyết định số 55/QĐ-BXD ngày 25/01/2017 của Bộ Xây dựng.

+ Tiến hành rà soát, kiểm tra rà soát mức độ an toàn chịu lực, ổn định hiện trạng của công trình, tiến hành các biện pháp gia cố, giằng chống đảm bảo an toàn, tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không đảm bảo an toàn khi có mưa bão, có kế hoạch di dời các hộ dân trong phạm vi bị ảnh hưởng đến nơi an toàn khi cần thiết.

- Đối với các đơn vị khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng:

+ Xây dựng phương án giằng neo kèo cột, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú, kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm; khơi thông cống rãnh thoát nước nội bộ tránh xảy ra ngập cục bộ; duy trì sự làm việc bình thường của các máy phát điện dự phòng để chủ động cung cấp điện cho các lò nung sấy hoạt động.

- Lập phương án và chủ động sửa chữa, gia cố kịp thời trụ sở, nhà xưởng, kho tàng, nhà ở không đảm bảo an toàn sau mưa bão nhằm sớm ổn định sản xuất và đời sống cán bộ công nhân viên trong đơn vị.

- Đối với công trình khai thác vật liệu xây dựng:

+ Kiểm tra các điều kiện khai thác, đảm bảo an toàn theo đúng thiết kế đã được thẩm định.

+ Kiểm tra, rà soát hiện trạng mức độ an toàn tại các mỏ khai thác, bãi thải đất đá, hồ lắng, hồ chứa bùn thải...(kể cả các bãi thải, hồ chứa bùn thải, hồ lắng đã dừng hoạt động); không để đá treo, chập tầng, sạt, trượt bờ moong...thực hiện các giải pháp để đưa về trạng thái an toàn theo quy định; đánh giá mức độ an toàn của đê, đập, bờ bao hồ chứa bùn thải, hồ lắng, bãi thải, bờ moong...; rà soát, bổ sung hồ sơ thiết kế, khả năng chịu tải của đê, đập, bờ bao (có tính đến sự tác động của mưa bão, dòng chảy); xử lý khắc phục ngay các hiện tượng trượt, lún, nứt, thấm, sạt lở đê, đập, bờ bao, bờ moong.

+ Thực hiện các biện pháp xử lý, tránh tình trạng bùn thải tràn ra ngoài gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân trong khu vực.

+ Khai thác theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế mỏ, ranh giới, diện tích, độ sâu cho phép; có biện pháp giảm độ sâu phần đáy moong, thoát nước không để tạo thành hồ chứa nước nhằm đảm bảo an toàn.

+ Rào, chắn xung quanh khu vực đã tác động khai thác, phía trên các vách moong hiện hữu (đặc biệt là khu vực đã tạo thành hồ chứa nước), cấm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực mỏ (đặc biệt nghiêm cấm việc tắm, bơi lội tại hồ chứa nước, đi lại trên vách, bờ moong). Thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan, trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, sạt, trượt, lở đất, đá...phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng

thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

+ Có các biện pháp phòng, chống các sự cố, chủ động về lực lượng, phương tiện để sẵn sàng tham gia ứng phó kịp thời các tình huống thiên tai có thể xảy ra (nhất là vào mùa mưa, lũ). Bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố mất an toàn gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

- Đối với công trình giao thông đô thị:

+ Tiến hành kiểm tra, sửa chữa những công trình, hạng mục công trình, các vị trí xung yếu đã bị hư hỏng hoặc có khả năng dễ bị phá hoại do thiên tai và mùa mưa bão, gây ách tắc giao thông. Cố gắng phấn đấu bảo đảm giao thông, thông suốt và an toàn trong mọi tình huống.

+ Khôi phục và bổ sung các cọc tiêu, cột thủy trí, biển báo hiệu đường bộ trên các tuyến đường do các đơn vị quản lý.

+ Khôi mương, cống rãnh, thanh thoát dòng chảy, phát dọn cây cỏ đảm bảo tầm nhìn, cưa hạ các loại cây có nguy cơ đổ, ngã làm ách tắc giao thông. Khôi dọn rác, cây trôi, vật cản hiện còn đang vướng đọng hoặc sẽ bị vướng đọng ở các trụ cầu và công trình giao thông.

+ Các đơn vị quản lý thường xuyên tuần đường, kiểm tra các công trình giao thông, có kế hoạch gia cố, sửa chữa các vị trí xung yếu trước mùa mưa bão để đảm bảo an toàn cho công trình.

3.2.4. Ngành Giáo dục và Đào tạo

a) Các biện pháp nâng cấp các trường học đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng phó, phòng tránh thiên tai khi xảy ra phù hợp với đặc thù của địa phương, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; xây dựng phương án bố trí nơi ăn, ở, học cho học sinh và cộng đồng dân cư; xây dựng phương án huy động nguồn lực, kinh phí để đáp ứng nhu cầu khi thiên tai xảy ra.

- Tham mưu các cấp đầu tư xây dựng, nâng cấp các trường học có nguy cơ ngập lụt, có phương án di dời khi ngập lụt xảy ra. Chỉ đạo các đơn vị kịp thời sửa chữa, cải tạo, cắt tỉa cây xanh, kiểm tra – sửa chữa hệ thống điện, nước trước mùa mưa bão.

- Thường xuyên theo dõi tình hình khí tượng thủy văn và thông báo kịp thời tới giáo viên, học sinh, sinh viên và phụ huynh.

- Phối hợp với các chính quyền địa phương trang bị một số thiết bị ứng cứu cho nhà trường để tạo nơi cứu hộ và trú ẩn.

b) Các biện pháp để lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào chương trình đào tạo các cấp học; chương trình dạy bơi cho học sinh:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt Luật phòng, chống thiên tai; kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp, các ngành,... phối hợp cảnh báo kịp thời đến phụ huynh và cộng đồng dân cư, sẵn sàng đón nhận dân cư vào trường học trú tránh khi có thiên tai xảy ra.

- Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào chương trình dạy học chính khóa và các hoạt động ngoài giờ lên lớp, chuyên đề, chủ đề, ... tăng cường công tác giảng dạy môn Địa lý địa phương.

- Chỉ đạo tổ chức dạy bơi cho học sinh (dạy theo chủ đề tự chọn trong chương trình chính khóa hoặc ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp).

- Tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên những kỹ năng phòng, chống, tránh, sơ cứu, cấp cứu người bị nạn khi thiên tai xảy ra.

Chương VIII

NGUỒN NHÂN LỰC, KINH PHÍ THỰC HIỆN

I. NGUỒN NHÂN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn nhân lực cho phòng, chống thiên tai bao gồm

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn là lực lượng tại chỗ thực hiện hoạt động phòng, chống thiên tai.

b) Dân quân tự vệ là lực lượng tại chỗ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai của địa phương và sự điều động của người có thẩm quyền.

c) Quân sự thành phố, Công an thành phố có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và là lực lượng nòng cốt trong công tác sơ tán người, phương tiện, tài sản, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội theo sự điều động của người có thẩm quyền.

d) Tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo sự chỉ huy của người có thẩm quyền; Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư, tổ dân phố và các tình nguyện viên là các hội, đoàn viên của các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương.

đ) Người làm công tác phòng, chống thiên tai tại cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

2. Lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã được thành lập ở cấp xã, hoạt động kiêm nhiệm, do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định, bao gồm dân quân ở thôn, tổ dân phố, khu phố, khối phố; dân quân ở cấp xã và tổ chức khác tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai của địa phương.

3. Về chế độ, chính sách đối với lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã theo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê

điều đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 và Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

a) Ngân sách nhà nước cho phòng, chống thiên tai bao gồm ngân sách hằng năm, dự phòng ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính.

b) Ngân sách nhà nước cho phòng, chống thiên tai: bao gồm ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương được sử dụng cho xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch, điều tra cơ bản phòng, chống thiên tai; đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai; hoạt động phòng, chống thiên tai; hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai các cấp.

Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cho phòng, chống thiên tai được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Dự phòng ngân sách nhà nước và Quỹ dự trữ tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước sử dụng cho phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch

a) Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các hoạt động của Kế hoạch Phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030 sẽ được xác định trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch và khả năng cân đối ngân sách theo từng giai đoạn. Trong đó:

- Giải pháp phi công trình (Xem Phụ lục I đính kèm).
- Giải pháp công trình (Xem Phụ lục II đính kèm)

b) Nguồn kinh phí

- Nguồn ngân sách Trung ương.
- Nguồn ngân sách địa phương.
- Quỹ Phòng, chống thiên tai, Quỹ Phòng thủ dân sự và các nguồn hợp pháp khác.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các Sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác phòng, chống thiên tai theo lĩnh vực, địa bàn quản lý; thực hiện lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch thực hiện của ngành, địa phương đảm bảo có hiệu quả, đồng bộ. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tập trung thực hiện:

1. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố

a) Điều phối tất cả các hoạt động trong cả 3 giai đoạn (phòng ngừa, ứng phó và khắc phục), tham mưu về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở cấp thành phố; trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện, giám sát, đánh giá việc thực hiện và điều chỉnh hàng năm kế hoạch phòng, chống thiên tai.

b) Kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai.

c) Phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức tuyên truyền luật và các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt về phòng, chống thiên tai.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hàng năm tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật kế hoạch phòng, chống thiên tai 5 năm; tham mưu UBND thành phố tổ chức thực hiện hàng năm để đảm bảo mục tiêu đề ra của kế hoạch 5 năm.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất nguồn lực thực hiện kế hoạch.

c) Tổng hợp, báo cáo, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch theo hàng năm và tổng kết 5 năm.

d) Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã trong phạm vi quản lý.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia ý kiến đối với nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Tổng hợp danh mục, nhu cầu đầu tư, xác định nguồn vốn, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện kế hoạch. Tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai và hỗ trợ đột xuất khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và các quy định hiện hành, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành tham mưu UBND thành phố ban hành các tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình của hộ gia đình, cá nhân sử dụng công trình, nhà ở và các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. UBND các xã, phường và các Sở, Ban, ngành liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn phụ trách, xây dựng Kế hoạch chi tiết, tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống thiên tai tại địa phương, đơn vị phù hợp thực tế. Chủ động sử dụng kinh phí được bố trí hàng năm, đồng thời huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện các hoạt động liên quan, phù hợp với nội dung của Kế hoạch trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch chung của thành phố.

b) Chỉ đạo tăng cường công tác thông tin, truyền thông, phổ biến, tuyên truyền các hoạt động của Kế hoạch đến các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn thành phố.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội, đoàn thể và các đơn vị có liên quan

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai; đồng thời phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến Kế hoạch nhằm góp phần nâng cao nhận thức và năng lực chủ động ứng phó thiên tai ngay từ cơ sở.

b) Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, yêu cầu thủ trưởng các Sở, ngành, địa phương và đề nghị các tổ chức hội, đoàn thể, các cơ quan trung ương trên địa bàn thành phố phối hợp triển khai thực hiện; hàng năm, gửi kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND thành phố./.



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4107 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Tăng cường chỉ đạo đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Tăng cường chỉ đạo; thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng, gắn với trách nhiệm cụ thể, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu	Các Hội đoàn thể và các đơn vị có liên quan.	Thường xuyên
2	Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch theo hướng chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tôn trọng quy luật tự nhiên; bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, gắn với xây dựng cộng đồng an toàn, thích ứng và có khả năng chống chịu trước thiên tai	- Sở Xây dựng; - Sở Tài chính; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Các Sở, Ban ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các Hội đoàn thể và các đơn vị có liên quan.	Giai đoạn 2026-2030
3	Tăng cường lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về chủ	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố;	Các Hội đoàn thể và các đơn vị có liên quan.	Thường xuyên

	trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và trang bị kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thiên tai cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy	- Các Sở, Ban ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu		
4	Tham mưu triển khai đầy đủ, đồng bộ các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các chương trình, đề án của thành phố về phòng, chống thiên tai. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động phát triển kinh tế – xã hội có nguy cơ làm gia tăng rủi ro thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các Hội đoàn thể và các đơn vị có liên quan.	Thường xuyên
II	Rà soát, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng thành văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai;...			
1	Tiếp tục tham mưu rà soát, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng thành hệ thống văn bản quy phạm pháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành;	Thường xuyên

	luật và chính sách của thành phố về phòng, chống thiên tai, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi		- UBND các xã, phường, đặc khu; - Các Hội đoàn thể và các đơn vị có liên quan.	
2	Hoàn thiện tổ chức Quỹ Phòng thủ dân sự thành phố	Sở Tài chính	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Sở Nông nghiệp và Môi trường; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Năm 2026
3	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Sở Tài chính; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Hàng năm
4	- Tham mưu rà soát, điều chỉnh quy hoạch thành phố và các quy hoạch ngành, lĩnh vực theo hướng đặt yêu cầu phòng ngừa, ứng phó thiên tai ở vị trí trọng tâm; kiểm soát chặt chẽ, hạn chế gia tăng rủi ro thiên tai, nhất là tại các khu vực ven biển, vùng trũng thấp, ven sông, suối có nguy cơ cao xảy ra sạt lở, lũ	- Sở Tài chính; - Sở Xây dựng.	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các Hội, đoàn thể và các đơn vị khác có liên quan.	Năm 2026

	quét. Áp dụng nghiêm các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định về đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng nhằm bảo đảm khả năng chống chịu trước các hình thái thiên tai cực đoan. - Đẩy mạnh việc lồng ghép nội dung yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trong quy hoạch, đầu tư xây dựng đô thị, khu dân cư, công trình hạ tầng...			
5	Tham mưu hoàn thiện hệ thống quy định về xử lý, giải quyết tình huống khẩn cấp; kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy trình vận hành liên hồ, đơn hồ chứa thủy điện, thủy lợi theo hướng bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, ưu tiên bố trí dung tích hữu ích để cắt, giảm lũ. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được ban hành tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	

6	Rà soát, kiện toàn Đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã đảm bảo theo Quyết định số 42/QĐ-BCĐ ngày 24/12/2025 của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia về hướng dẫn hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	- UBND các xã, phường, đặc khu; - Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành liên quan	Quý III, năm 2026
III	Triển khai các hợp phần tích hợp trong Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về các lĩnh vực tài nguyên nước; phòng, chống thiên tai và thủy lợi;...			
1	Triển khai các hợp phần tích hợp trong Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về các lĩnh vực tài nguyên nước; phòng, chống thiên tai và thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Đã triển khai
2	Đề án sắp xếp, ổn định dân cư miền núi, vùng thiên tai trên địa bàn thành phố để thực hiện trong giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Quý IV, năm 2026
3	Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030” trên địa bàn thành phố. Đối	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu;	- Năm 2026 ban hành Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn

	mới, đa dạng hóa công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, cộng đồng và người dân, hướng đến thay đổi nhận thức, hành vi trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai		- Các Hội đoàn thể và các đơn vị có liên quan.	2026 - 2030”; - Triển khai thực hiện hiệu quả trong giai đoạn 2026 - 2030.
4	Xây dựng và thực hiện hiệu quả các phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro phù hợp thực tiễn của địa phương, đơn vị (lưu ý phát huy vai trò của các cơ sở tránh trú, bệnh viện, trường học, hạ tầng giao thông, điện, thông tin liên lạc... khi xảy ra thiên tai)	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.		Hàng năm
5	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Đề án “Xây dựng thành phố Đà Nẵng an toàn trong thiên tai giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045”, phù hợp tình hình thực tế	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Tháng 10/2026
IV	Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thích ứng, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai,			
1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thiên tai được cập nhật	- Sở Nông nghiệp và Môi trường;	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố;	2026-2030

	thường xuyên lên hệ thống giám sát thiên tai của thành phố	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	
2	Ưu tiên đầu tư ứng dụng khoa học – công nghệ hiện đại, các mô hình dự báo thiên tai tiên tiến; từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống dự báo khí tượng thủy văn	- Đài Khí tượng thủy văn Trung Bộ; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	2026-2030
3	Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu cơ bản về các loại hình thiên tai, xây dựng cơ sở khoa học và các mô hình dự báo hiện đại	- Đài Khí tượng thủy văn Trung Bộ; - Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	2026-2030
4	Tiếp tục hiện đại hóa hệ thống quan trắc; đẩy mạnh ứng dụng các phần mềm chuyên ngành như Vrain, danang.vfass.vn, Danang smartcity;...	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	2026-2030
5	Vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu hỗ trợ ra quyết định chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai theo thời gian thực. Rà soát, cập nhật đầy đủ dữ liệu về kế	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	2026-2030

	hoạch, phương án sơ tán dân, công trình phòng, chống thiên tai, dữ liệu ngập lụt, bản đồ điểm dừng, đỗ xe phòng tránh lũ, ngập lụt vào hệ thống Trung tâm Giám sát và điều hành thông minh thành phố Đà Nẵng (IOC); chỉ đạo các hồ chứa nước cập nhật dữ liệu, lắp đặt và kết nối hệ thống camera giám sát với IOC để phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo điều hành và phòng, tránh thiên tai cho cộng đồng			
V	Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền các cấp, các cơ quan liên ngành phù hợp với năng lực triển khai của mỗi cấp gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai;...			
1	Tổ chức rà soát, sắp xếp, kiện toàn và nâng cao năng lực tổ chức, chỉ huy, điều hành của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp theo hướng thống nhất, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	- Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Hàng năm
2	Tiếp tục vận dụng tốt phương châm “4 tại chỗ”, tập trung mọi nguồn lực, huy động, điều phối lực lượng, phương tiện thích hợp	Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Hàng năm

3	Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, bồi dưỡng thu hút đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu, thực hiện, tư vấn về phòng, chống thiên tai; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ chuyên trách và các lực lượng tại chỗ ở địa phương	- Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố; - Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Sở Nội vụ; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Hằng năm
4	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định	Thanh tra thành phố	- Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Hằng năm
5	Áp dụng nghiêm các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định về đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng có tính đến kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo đảm an toàn, khả năng chống chịu trước diễn biến thiên tai ngày càng phức tạp.	Sở Xây dựng	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	2026-2030

VI	Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phòng, chống thiên tai			
1	Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các chương trình, dự án ứng dụng khoa học - công nghệ trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai	- Sở Tài chính; - Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	2026-2030
2	Đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng, hiện đại và vật tư thiết yếu phục vụ y tế, dân sinh, phù hợp với yêu cầu công tác cứu nạn, cứu hộ	Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	2026-2030
VII	Đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế			
1	Đẩy mạnh hội nhập quốc tế; tăng cường hợp tác, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu và kinh nghiệm trong công tác dự báo, cảnh báo, phân tích xu hướng thiên tai, thời tiết và biến đổi khí hậu; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	2026-2030
2	Tiếp tục triển khai, hoàn thành đúng tiến độ và nâng cao hiệu quả các chương trình, dự án phòng, chống thiên tai đang được các cơ quan, tổ chức quốc tế hỗ trợ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương đang thực hiện các dự án liên quan		Theo tiến độ dự án
3	Chủ động xây dựng chương trình hợp tác, kêu gọi và mở rộng sự hỗ trợ, tài trợ và hợp tác	Sở Ngoại vụ	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu;	2026-2030

	kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn thành phố		- Các đơn vị có liên quan.	
VIII	Tăng cường, phát huy vai trò tập hợp, huy động lực lượng, đặc biệt là lực lượng xung kích tại cơ sở;...			
1	Tập hợp, đoàn kết và huy động lực lượng, nhất là lực lượng xung kích tại cơ sở; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Đà Nẵng	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND và UBMTTQ Việt Nam các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Thường xuyên
2	Hàng năm, tổ chức rà soát, kiện toàn Ban Vận động cứu trợ thành phố theo đúng quy định	Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Đà Nẵng	- Các Sở, Ban, ngành; - Các Hội đoàn thể; - UBND và UBMTTQ Việt Nam các xã, phường, đặc khu; - Các đơn vị có liên quan.	Hàng năm

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN 2050 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4107/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
A	CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI/AN TOÀN HỒ ĐẬP			
I	Xây dựng mới			
I.1	Hồ chứa			
1	Hồ chứa nước Cha Mai (đang xây dựng)	Xã Tây Hồ	x	
2	Hồ chứa Hồ Khê (đang xây dựng)	Xã Lãnh Ngọc	x	
3	Hồ chứa Mò Ó (đang xây dựng)	Xã Thanh Bình	x	
4	Hồ chứa Suối Thỏ (đang xây dựng)	Xã Tiên Phước	x	
5	Hồ chứa Phước Hòa (đang xây dựng)	Xã Việt An	x	
6	Hồ chứa Lộc Đại (đang xây dựng)	Xã Quế Sơn Trung	x	
7	Hồ chứa Trường Đồng (Ba Tuc)	Xã Tam Anh	x	
8	Hồ chứa Sông Côn	Xã Bến Hiên	x	
9	Hồ chứa A Rộ	Xã Đông Giang	x	
10	Hồ chứa Thôn 4	Xã Phước Năng		x
11	Hồ chứa Thôn 6	Xã Núi Thành		x
12	Hồ chứa Năm Minh	Xã Đức Phú		x
13	Hồ chứa Đồng Cỏ	Xã Tam Mỹ		x
14	Hồ chứa Trung Chánh	Xã Tam Mỹ		x
15	Hồ chứa Hồ Trác	Xã Quế Sơn		x
16	Hồ chứa Bà Mốc	Xã Quế Sơn		x
17	Hồ chứa Đồng Công	Xã Nông Sơn		x
18	Hồ chứa sông Bắc	Phường Hải Vân	x	

19	Hồ chứa Lỗ Đông	Xã Bà Nà		x
20	Hồ chứa Khe Răm- Hội Yên	Phường Hải Vân		x
21	Hồ chứa Bàu Bàng	Phường Hải Vân		x
22	Hồ chứa Blooc 2	Xã A Vương		x
23	Hồ chứa Ta Ri	Xã Tây Giang		x
24	03 hồ chứa: hồ chứa A Banh 2, hồ chứa Ga Nil, hồ chứa A Zach	Xã Hùng Sơn		x
25	Hồ chứa Bà Bình	Xã Trà Liên	x	
26	Hồ chứa Hồ Cá	Xã Trà Liên		x
27	Hồ chứa Áo Áo, hồ chứa Suối Cát, hồ chứa Phước Tuy, hồ chứa Đá Đen	Xã Việt An		x
28	Hồ chứa Hồ Khê, hồ chứa Già Bang	Xã Hiệp Đức		x
29	Hồ chứa Trường Nước, hồ chứa Đại Phong	Xã Nông Sơn		x
30	Hồ chứa Hồ Lang, hồ chứa Cây Chò, đập Thạch Bích	Xã Quế Phước		x
31	Hồ chứa Suối Ngựa, hồ chứa Thôn 11, hồ chứa Bà Vĩnh, hồ chứa Hồ Rắn, hồ chứa Hồ Sơn	Xã Tiên Phước		x
32	Hồ chứa Hồ Ốc, hồ chứa Ruộng Đàng	Xã Thanh Bình		x
33	Hồ chứa Suối Trày, hồ chứa Thôn 6	Xã Sơn Cẩm Hà		x
34	Hồ chứa Thầu Dầu	Xã Lãnh Ngọc		x
35	Hồ chứa Bồng Miêu	Xã Phú Ninh		x
36	Hồ chứa điều tiết	Xã Chiên Đàn	x	
37	Hồ chứa Vững Thùng	Xã Đại Lộc		x
38	Hồ chứa thị trấn	Xã Trà My		x
I.2	Đập dâng			
1	Đập Vực Rìn	Xã Thanh Bình	x	
2	Đập Ổ Ổ	Xã Lãnh Ngọc	x	
3	Công trình điều tiết nguồn nước và chỉnh trị sông Quảng Huế	Xã Vu Gia	x	x

4	Đập ngăn mặn trên sông Vĩnh Điện	Phường Điện Bàn Đông	x	
5	Đập ngăn mặn trên sông Thu Bồn	Phường Điện Bàn, xã Nam Phước	x	
6	Đập ngăn mặn trên sông Tam Kỳ, sông Bàn Thạch	Xã Tam Xuân	x	
7	Nghiên cứu đập ngăn mặn trên sông Cầu Đỏ	Sông Cầu Đỏ		x
8	Đập sông Bắc để nâng công suất NMN Hoà Liên	Phường Hải Vân	x	
9	Các đập dâng trên các trục tiêu nước nhằm trữ nước, tái sử dụng nước, tận dụng nước mưa, cảnh quan, môi trường: Tây Tịnh, An Trạch (Tổ 1), An Châu, Tuý Loan, Đập Đồng, Đập Sa, Đèo Ông Gấm, Điện Nam, Đại Thắng, Xuân Phú, Duy Xuyên, Bàu Bàng, Tam Đàn,...	Các xã Hoà Tiến, Bà Nà, Hoà Khánh, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, Duy Xuyên, Phú Thuận, Vu Gia, Xuân Phú, Duy Nghĩa, Nam Phước, Thăng Bình, Thăng An, Chiên Đàn	x	
10	44 đập dâng cấp nước tưới cho khoảng 450ha đất nông nghiệp	Các xã Sông Kôn, Thạnh Mỹ, Đắc Pring, La Êê, Nam Giang, Phước Thành, Phước Năng, Tây Giang, A Vương, Hùng Sơn		x
11	71 đập dâng cấp nước tưới cho khoảng 1178,5ha đất nông nghiệp	Các xã Trà My, Trà Đốc, Trà Liên, Trà Giáp, Việt An, Phước Trà, Trà Vân, Trà Leng, Trà Tập, Trà Linh, Phước Hiệp, Sơn Cẩm Hà, Thanh Bình,	x	x

		Lãnh Ngọc; Quế Sơn và Quế Sơn Trung		
12	Thủy lợi Xà Nu	Xã Trà Giáp	x	
I.3	Trạm bơm			
1	Trạm bơm Đông An, Cơ Bình 2	Xã Quế Phước, Đồng Dương	x	
2	Trạm bơm phòng chống hạn mặn Tuý Loan	Xã Bà Nà	x	
3	Trạm bơm An Trạch 2 và đường ống nước thô về Nhà máy nước Hòa Phước	Xã Hoà Tiến	x	
4	Trạm bơm nước thô Nam Mỹ và đường ống từ Nam Mỹ về Hòa Liên	Phường Hải Vân	x	
5	Đường ống tự chảy từ hồ sông Bắc về Nhà máy nước Hòa Liên (từ hồ sông Bắc về Nam Mỹ và từ Nam Mỹ về Hòa Liên)	Phường Hải Vân	x	
6	Trạm bơm Đại Hòa lấy nước sông Thu Bồn và đường ống dẫn nước về An Trạch, nhà máy nước Cầu Đỏ và khu vực phụ cận	Xã Thu Bồn	x	
7	Đường ống và trạm bơm trung chuyển đưa nước từ hồ Lỗ Đông về Nhà máy nước Hòa Phong	Xã Hoà Vang		x
8	Trạm bơm lấy nước Thu Bồn và đường ống dẫn nước về Nhà máy nước Hội An	Xã Điện Bàn Tây, phường Điện Bàn		x
9	06 trạm bơm cấp nước cho các xã Nông Sơn, Việt An, Tiên Phước, Thanh Bình	Các xã Nông Sơn, Việt An, Tiên Phước, Thanh Bình		x
10	Trạm bơm Gò Chồi, Hương Mao	Xã Quế Sơn Trung		x
11	Trạm bơm Long Sơn, Gò Chùa, Nông Chùa	Các xã Phú Ninh, Bàn Thạch, Chiên Đàn		x

I.4	Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước			
1	Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước từ hồ chứa Việt An tới hồ chứa Đông Tiễn	Xã Việt An, xã Đồng Dương	x	
2	Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước từ sông Thu Bồn về sông Vu Gia (Hạ lưu cầu Giao Thủy về Nhà máy nước Cầu Đỏ)	Xã Đại Lộc, xã Hoà Tiễn	x	
3	Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước từ sông Thu Bồn bổ sung nước hệ thống kênh hồ Phú Ninh.	Toàn thành phố	x	
4	Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước từ các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn đến các hệ thống thủy lợi hiện có để phục vụ cấp nước tưới	Toàn thành phố	x	x
II	Nâng cấp, sửa chữa			
II.1	Hồ chứa			
1	Nâng cấp sửa chữa hồ chứa nước Phú Ninh nhằm tăng dung tích hữu ích	Xã Phú Ninh, Hương Trà	x	
2	Nâng cấp sửa chữa hồ chứa nước Khe Tân nhằm tăng dung tích hữu ích	Xã Phú Thuận	x	
3	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Cừu Kiến	Xã Hà Nha	x	
4	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Cây Sơn	Xã Duy Xuyên	x	
5	Nâng cấp, sửa chữa hồ Vững Tâm	Xã Quế Sơn Trung	x	
6	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Ổ Ổ	Xã Hà Nha	x	
7	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Cây Xoay	Xã Hà Nha	x	
8	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Mười Tấn	Xã Đại Lộc	x	
9	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Khe Bò	Xã Hà Nha	x	
10	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Xài Bai	Xã Quế Phước	x	
11	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Hóc Hương	Xã Nông Sơn	x	
12	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Phước Bình	Xã Nông Sơn	x	

13	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Cây Thông	Xã Quế Sơn Trung	x	
14	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Đập Phấn	Xã Tiên Phước	x	
15	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Hố Quốc	Xã Thạnh Bình	x	
16	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước An Tây	Xã Việt An	x	
17	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Tam Bảo	Xã Hiệp Đức	x	
18	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Đồng Minh	Xã Thu Bồn	x	
19	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Ma Phan	Xã Tây Hồ	x	
20	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Việt An	Xã Đồng Dương	x	
21	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Vĩnh Trinh	Xã Thu Bồn	x	
22	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Thạch Bàn	Xã Thu Bồn	x	
23	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Trung Lộc	Xã Quế Sơn Trung	x	
24	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Phước Hà	Xã Thăng Phú	x	
25	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Phú Lộc	Xã Duy Xuyên	x	
26	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Đông Tiễn	Xã Đồng Dương	x	
27	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước An Long	Xã Quế Sơn	x	
28	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Thái Xuân	Xã Núi Thành		x
29	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Nước Rôn	Xã Trà My		x
30	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Cao Ngạn	Xã Đồng Dương		x
31	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Hương Mao	Xã Quế Sơn Trung		x
32	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Hố Giang	Xã Quế Sơn		x
33	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Đá Vách	Xã Thạnh Bình		x
34	Nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Đồng Nghệ giai đoạn 2 và hồ Hoà Trung giai đoạn 2	Phường Liên Chiểu và xã Hoà Tiến	x	
35	Nâng cấp mở rộng hồ chứa nước Bãi Bìm nhằm tăng dung tích hữu ích	Xã Tân Hiệp	x	
36	Nâng cấp đảm bảo an toàn (giai đoạn 2) cụm 17 hồ chứa thủy lợi nhỏ: hồ Trước Đông, Đồng Tréo, Hóc Khế, Hố Cau, Hố Trảy, Hố Gáo, Hố Cái, Hoà Khê, Hố Thung, Trường Loan, Tân	Các xã Hoà Vang, Hoà Khánh, Bà Nà, Hoà Tiến,		x

	An, Diêu Phong, Hốc Gôi, Phú Túc, An Nhơn, Hồ Lăng, Truong Đá Bạc			
37	Nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa nước còn lại	Toàn thành phố		x
38	Nạo vét các hồ chứa nước: Đồng Nghệ, Hoà Trung, Hồ Cau, Hóc Khế, Trường Loan, Tân An, Lai Nghi	Các xã Hoà Tiến, Bà Nà, Hoà Vang, Phường Hội An Tây	x	
39	Nạo vét các hồ chứa nước còn lại	Toàn thành phố		x
40	Cắm mốc chỉ giới các hồ chứa nước (Đồng Nghệ, Hoà Trung, Hồ Cau, Hóc Khế, Hồ Gáo, Trước Đông)	Các xã Hoà Tiến, Bà Nà, Hoà Vang, Hoà Khánh	x	
41	Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng tưới để hiện đại hóa hệ thống thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu hồ Phú Ninh, Khe Tân, Việt An	Hồ Phú Ninh, Khe Tân, Việt An	x	
42	Nâng cấp, sửa chữa đường quản lý và cứu hộ cứu nạn các hồ chứa.	Toàn thành phố	x	
II.2	Đập dâng			
1	Nâng cấp hệ thống đập dâng An Trạch - Thanh Quýt - Bàu Nít - Hà Thanh	Xã Hoà Tiến, Điện Bàn Bắc, An Thắng	x	
2	Nâng cấp đập ngăn mặn Duy Thành	Xã Duy Nghĩa	x	
3	Nâng cấp các đập dâng Phú Thị, An Ngãi, Cây Trâm, Cẩm Lũ, Suối Mới, Bờ Hàn, Quai Mỏ, Bàu Hoãn, Miếu Ông, Đồng Hoè, Cồn Thầy	Xã Thăng Điện	x	
4	Nâng cấp đập điều tiết Bàu Bàng	Xã Thăng Bình	x	
5	Nâng cấp đập điều tiết Bình Khương, N22-5-1	Xã Thăng An	x	
6	Nâng cấp các đập Đồng Đí, Cầu Máng, Đồng Kha	Xã Thu Bồn	x	

7	Nâng cấp các đập Cửa Mương (Kho), Cửa Lăng, Đồng Nhím	Xã Duy Xuyên	x	
8	Nâng cấp đập Đập Rung	Xã Tây Hồ	x	
9	Nâng cấp đập Đập Làng	Xã Việt An	x	
10	Nâng cấp đập An Xuân	Xã Quế Sơn Trung	x	
11	Nâng cấp các đập Hương Mao, Cồn Thoà	Xã Xuân Phú	x	
12	Nâng cấp đập điều tiết Bình Long	Xã Điện Bàn Tây	x	
13	Nâng cấp đập điều tiết Mục Nhon	Phường Điện Bàn Đông	x	
14	Nâng cấp đập Bà Xá	Xã Phước Hiệp	x	
15	Nâng cấp đập thủy lợi Nà Hoa	Xã Sông Vàng	x	
16	Nâng cấp đập thủy lợi Đại Phong	Xã Nông Sơn	x	
17	Nâng cấp đập Hồ Giữa	Xã Quế Sơn Trung	x	
18	Nâng cấp đập ngăn mặn Bà Quận	Xã Núi Thành	x	
19	Nâng cấp, sửa chữa các đập dâng nhỏ phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp	Toàn thành phố	x	x
II.3	Trạm bơm			
1	Nâng cấp Trạm bơm Kỳ Lam	Xã Điện Bàn Tây	x	
2	Nâng cấp trạm bơm Bích Bắc	Phường Điện Bàn Bắc	x	
3	Nâng cấp trạm bơm Tuý Loan	Xã Bà Nà	x	
4	Nâng cấp trạm bơm An Trạch	Xã Hoà Tiến	x	
5	Nâng cấp các trạm bơm Cầu Quảng, Cầu Đình, Tân Ninh	Phường Hải Vân	x	
6	Nâng cấp các trạm bơm Ninh An, Đông Sơn, Phước Hưng Đông, Phước Hưng Tây, Hoà Khương (Trường Loan), Thái Lai	Xã Bà Nà	x	
7	Nâng cấp các trạm bơm chống hạn Lệ Sơn, Dương Sơn, Yên Nê, Miếu Ông, Para An Trạch, Phú Sơn	Xã Hoà Tiến		x

8	Nâng cấp trạm bơm Đông Lâm	Xã Hoà Vang		x
9	Nâng cấp, mở rộng công suất trạm bơm chống hạn An Tân	Xã Hoà Vang	x	
10	Nâng cấp trạm bơm Cẩm Văn	Xã Điện Bàn Tây	x	
11	Nâng cấp trạm bơm Đông Hồ, Thanh Quýt	Phường An Thắng	x	
12	Nâng cấp trạm bơm La Thọ, Thái Sơn	Phường Điện Bàn Bắc	x	
13	Nâng cấp trạm bơm Tứ Câu, Cẩm Sa	Phường Điện Bàn Đông	x	
14	Nâng cấp trạm bơm Hà Châu	Phường Hội An Tây	x	
15	Nâng cấp trạm bơm Cẩm Thanh	Phường Hội An Đông	x	
16	Nâng cấp trạm bơm Bàu Phốc	Xã Đại Lộc	x	
17	Nâng cấp trạm bơm Đại Chánh, Gò Da, Mỹ Lễ	Xã Phú Thuận	x	
18	Nâng cấp trạm bơm Xuyên Đông, Châu Hiệp	Xã Nam Phước	x	
19	Nâng cấp trạm bơm Phước Chỉ, Cơ Bình, Phước Hà	Xã Thăng Bình	x	
20	Nâng cấp trạm bơm Thạch Hoa, Gia Hội, An Xá Đông	Xã Thăng Phú	x	
21	Nâng cấp trạm bơm Tứ Sơn	Xã Thăng Điện	x	
22	Nâng cấp trạm bơm An Lạc	Xã Thăng An	x	
23	Nâng cấp trạm bơm Quế Phú	Xã Xuân Phú	x	
24	Nâng cấp trạm bơm Tam Dân	Xã Phú Ninh	x	
25	Nâng cấp trạm bơm Tam Lộc	Xã Tây Hồ	x	
26	Nâng cấp trạm bơm Đông Quang	Phường Điện Bàn Bắc		x
27	Nâng cấp trạm bơm Ái Nghĩa	Xã Đại Lộc		x
28	Nâng cấp trạm bơm Vĩnh Điện	Phường Điện Bàn		x
29	Nâng cấp trạm bơm Thôn 11	Xã Điện Bàn Tây	x	
30	Nâng cấp trạm bơm Bình Trị Thượng	Xã Điện Bàn Tây	x	
31	Nâng cấp trạm bơm Bình Trị Hạ	Xã Điện Bàn Tây	x	
32	Nâng cấp trạm bơm Lạc Thành	Xã Điện Bàn Tây	x	

33	Nâng cấp trạm bơm Thủy Bò	Xã Điện Bàn Tây	x	
34	Nâng cấp trạm bơm Hạ Nông	Xã Điện Bàn Tây	x	
35	Nâng cấp trạm bơm Hà Đông	Xã Điện Bàn Tây	x	
36	Nâng cấp trạm bơm Thôn 10	Xã Điện Bàn Tây	x	
37	Nâng cấp trạm bơm Bến Hục	Xã Điện Bàn Tây	x	
38	Nâng cấp trạm bơm Đồng Thôn	Xã Điện Bàn Tây	x	
39	Nâng cấp trạm bơm Thôn Tây	Xã Điện Bàn Tây	x	
40	Nâng cấp trạm bơm Bến Đình	Xã Điện Bàn Tây	x	
41	Nâng cấp trạm bơm Tổ 7	Xã Điện Bàn Tây	x	
42	Nâng cấp trạm bơm Tổ 15	Xã Điện Bàn Tây	x	
43	Nâng cấp trạm bơm Miếu Thần Hoàng	Xã Điện Bàn Tây	x	
44	Nâng cấp trạm bơm Tổ 1	Xã Điện Bàn Tây	x	
45	Nâng cấp trạm bơm Đông Quang 2	Xã Điện Bàn Tây	x	
46	Nâng cấp trạm bơm Cù Bàn	Xã Thu Bồn	x	
47	Nâng cấp trạm bơm Cầu Ván	Xã Thu Bồn	x	
48	Nâng cấp trạm bơm Vinh Cường	Xã Thu Bồn	x	
49	Nâng cấp trạm bơm Thu Bồn Tây	Xã Thu Bồn	x	
50	Nâng cấp, sửa chữa các trạm bơm phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp	Toàn thành phố	x	x
II.4	Hệ thống kênh			
1	Kiên cố hoá kênh hồ chứa nước Việt An	Xã Việt An	x	
2	Nâng cấp sửa chữa hoàn thiện kênh chính Bắc Phú Ninh	Kênh chính Bắc	x	
3	Nâng cấp, kiên cố hoá hệ thống kênh chính, kênh cấp 1, cấp 2 của 25 hồ chứa lớn (chi tiết tên hồ chứa xem tại Phụ lục 1)	Toàn thành phố	x	x
4	Nâng cấp, kiên cố hoá hệ thống kênh chính, kênh cấp 1, cấp 2 của 23 hồ chứa vừa (chi tiết tên hồ chứa xem tại Phụ lục 1)	Toàn thành phố	x	x

5	Nâng cấp, kiên cố hoá hệ thống kênh chính, kênh cấp 1 của các trạm bơm	Toàn thành phố	x	x
6	Nạo vét tuyến kênh nhánh N22-5 chiều dài 5 km ra đến cửa thoát sông Trường Giang	Xã Thăng Bình	x	
7	Mở rộng N22/2 (kênh Bàu Bàng) từ đập Bàu Sim thị trấn Hà Lam đến sông Trường Giang	Xã Thăng Bình	x	
8	Ngâm hóa kênh N5 Đồng Nghệ, đoạn đầu kênh chính An Trạch và Bích Bắc	Xã Hoà Tiến	x	
9	Kiên cố hoá các kênh tiêu: Bền Phát-An Tân, Bàu Đàn; An Trạch, Lệ Sơn Nam, Lệ Sơn Bắc, kênh tiêu cống 1 QL14B-Cầu Mùn; Tuý Loan, khe Ngang đồng Dòng; Trông Đá Bạc	Các xã Hoà Vang, Hoà Tiến, Bà Nà và phường Hoà Khánh	x	
10	Hệ thống kênh tưới N1, N2 Hồ chứa nước Lộc Đại	Xã Quế Sơn Trung	x	
11	Tuyến kênh thủy lợi dẫn nước từ kênh Phú Ninh về Đồng Cả (kênh cấp I).	Xã Duy Xuyên	x	
12	Kiên cố hoá các tuyến kênh mương nội đồng	Toàn thành phố	x	x
II.5	Hạng mục khác			
1	Lắp đặt thiết bị quan trắc đập và hồ chứa nước, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn vùng hạ du cho 24 hồ chứa lớn và 23 hồ chứa nước vừa	Toàn thành phố	x	
2	Lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho các hồ chứa thủy lợi theo quy định	Toàn thành phố	x	
3	Nâng cấp, sửa chữa các công trình xuống cấp, hư hỏng phát sinh khác phù hợp theo điều kiện thực tế.	Toàn thành phố	x	x
B	QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI			
B.1	Ngành Nông nghiệp và Môi trường			

I	Công trình đê, kè			
I.1	Xây dựng mới			
1	Kè chống sạt lở thượng lưu cầu Trường Định, sông Cu Đê (đang thi công)	Phường Hải Vân	x	
2	Kè chống sạt lở khẩn cấp sông Cu Đê (Xử lý các điểm sạt lở xung yếu) (đang thi công)	Phường Hải Vân	x	
3	Kè chỉnh trị sông Vĩnh Điện đoạn qua khu dân cư E2 mở rộng Nam cầu Cẩm Lệ (bờ tả) và qua phường Hoà Quý (bờ hữu) (đang thi công)	Phường Ngũ Hành Sơn	x	
4	Kè chống sạt lở sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ	Phường An Khê	x	
5	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ Sông Yên (Đoạn từ hạ lưu Đập An Trạch - Cầu sông Yên - Ngã ba sông Cẩm Lệ) (đang thi công)	Xã Hoà Tiến	x	
6	Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (8 đoạn kè trên các sông Yên, Vĩnh Điện, Túy Loan)	Các xã Hoà Tiến, Hoà Vang, Bà Nà và phường Hoà Xuân	x	
7	Kè khẩn cấp sông Vu Gia, khu vực thị trấn Ái Nghĩa (đang thi công)	Xã Đại Lộc	x	
8	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Quảng Huế đoạn qua thôn Phú Nghĩa	Xã Đại Lộc	x	
9	Kè chống sạt lở thôn Giao Thủy	Xã Đại Lộc	x	
10	Kè chống sạt lở bờ sông thôn Đại Nghĩa	Xã Đại Lộc	x	
11	Kè chống sạt lở bờ sông Thu Bồn khu vực thôn Phú Đa, xã Thu Bồn	Xã Thu Bồn	x	
12	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thu Bồn khu vực xã Thu Bồn (Giai đoạn 2).	Xã Thu Bồn		x
13	Kè chống sạt lở từ chợ Phú Đa - Khe Cát	Xã Thu Bồn	x	
14	Kè chống sạt lở Khe Cát - Cầu Cây Khế	Xã Thu Bồn	x	

15	Kè chống sạt lở khu dân cư từ tổ 5 - Tổ 6	Xã Thu Bồn	x	
16	Kè chống sạt lở Trạm bơm Vinh Cường - Cầu Mỹ Lược	Xã Thu Bồn	x	
17	Kè chống sạt lở khu dân cư mới Mỹ Lược	Xã Thu Bồn	x	
18	Kè chống sạt lở khu vực sau chợ Mỹ Lược	Xã Thu Bồn	x	
19	Kè chống sạt lở khu vực Cỏ Cùn - Trụ điện Lệ Bắc	Xã Thu Bồn	x	
20	Kè chống sạt lở đoạn từ Cầu Cây Khế đến Mỏ đá ông Sẻ, tổ 14 thôn Tĩnh Yên	Xã Thu Bồn	x	
21	Kè chống sạt lở đoạn từ Bắc nhà sinh hoạt văn hóa thôn Thu Bồn Tây đến nhà Kiểm Lâm thôn Mỹ Hòa	Xã Thu Bồn	x	
22	Kè chống sạt lở đoạn từ cuối bờ kè Cù Bàn đến đường công vụ kè Lệ Bắc, thôn Bàn Nam	Xã Thu Bồn	x	
23	Kè chống sạt lở đoạn từ cuối bờ kè Cỏ Cùn Lệ Bắc đến đường qua Thanh Phong, thôn Lệ Bắc	Xã Thu Bồn	x	
24	Kè chống sạt lở đoạn từ cuối bờ kè Thanh Châu đến đường ra sân vận động Thanh Châu, tổ 2 thôn Thanh Châu	Xã Thu Bồn	x	
25	Kè chống sạt lở bờ sông Ấp Bắc	Xã Vu Gia	x	
26	Kè chống sạt lở bờ sông Mỹ Hảo	Xã Vu Gia	x	
27	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Tân Hà	Xã Vu Gia	x	
28	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực hạ lưu đập Quảng Huế	Xã Vu Gia	x	
29	Kè chống sạt lở bờ sông Thuận Hòa	Xã Phú Thuận	x	
30	Kè chống sạt lở bờ sông Hanh Tây- Tây Lễ	Xã Phú Thuận	x	
31	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Đông Phước	Xã Phú Thuận	x	
32	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Hà Dục Đông- Tĩnh Đông Tây	Xã Phú Thuận	x	

33	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Hanh Đông	Xã Phú Thuận	x	
34	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Quảng Yên	Xã Phú Thuận	x	
35	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Trung Phước	Xã Nông Sơn	x	
36	Kè chống sạt lở Đoạn Cầu Bà Đội đến nhà Bà Thái Thị Hiền; Đoạn trường Phan Châu Trinh; Đoạn từ Chợ Trung Phước đến Khe Le; Đoạn qua Dinh Bà Thu Bồn	Xã Nông Sơn	x	
37	Kè chống sạt lở khẩn cấp Sông Thu Bồn bảo vệ dân cư Trung tâm hành chính xã Nông Sơn	xã Nông Sơn	x	x
38	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn qua TT Vĩnh Điện và phường Điện Minh (cũ)	Phường Điện Bàn	x	
39	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn chảy qua Triêm Tây	Phường Điện Bàn	x	
40	Kè chống sạt lở bờ tả sông Thu Bồn, đoạn qua xã Điện Phương (cũ)	Phường Điện Bàn	x	
41	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Vĩnh Điện đoạn qua phường Điện Bàn Đông	Phường Điện Bàn Đông	x	
42	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Vĩnh Điện đoạn qua phường Điện Ngọc (cũ)	Phường Điện Bàn Đông	x	
43	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn, đoạn qua Bến Hực-Kỳ Long	Phường Điện Bàn Đông	x	
44	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Vĩnh Điện đoạn qua Tứ Câu	Phường Điện Bàn Đông	x	
45	Kè chống sạt lở sông Vĩnh Điện	Phường Điện Bàn Đông	x	
46	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Bình Phước, đoạn qua đập Bàu Nít	Phường Điện Bàn Bắc	x	
47	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Bàu Sáu	Phường Điện Bàn Bắc	x	

48	Kè chống sạt lở sông Yên đoạn thượng lưu đoạn kè xung yếu	Phường Điện Bàn Bắc	x	
49	Kè chống sạt lở từ giáp Điện Bàn Tây đến giáp phường Hòa Xuân	Phường Điện Bàn Bắc	x	
50	Kè chống sạt lở đoạn nhánh rẽ sông Bầu Sáu xuống sông Lạc Thành trạm bơm Bích Bắc	Phường Điện Bàn Bắc	x	
51	Kè chống sạt lở khẩn cấp Bầu Nít đoạn qua sông Bầu Sáu, phường Điện Bàn Bắc	Phường Điện Bàn Bắc	x	
52	Kè chống sạt lở thôn Lạc Thành Đông, xã Điện Hồng	Xã Điện Bàn Tây	x	
53	Kè chống sạt lở khẩn cấp sông Bình Phước đoạn qua thôn Lạc Thành Tây, Lạc Thành Đông	Xã Điện Bàn Tây	x	
54	Kè chống sạt lở sông Thu Bồn đoạn qua thôn Nhị Dinh 2, Nhị Dinh 3	Xã Điện Bàn Tây	x	
55	Kè chống sạt lở sông Thu Bồn đoạn qua thôn Kỳ Bì	Xã Điện Bàn Tây	x	
56	Kè chống sạt lở sông Thu Bồn đoạn qua thôn Ba	Xã Điện Bàn Tây	x	
57	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Bình Phước đoạn qua xã Điện Hồng cũ	Xã Điện Bàn Tây	x	
58	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn qua xã Điện Phước (cũ)	Xã Điện Bàn Tây	x	
59	Kè chống sạt lở bờ tả sông Thu Bồn qua xã Điện Hồng (cũ)	Xã Điện Bàn Tây	x	
60	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Thu Bồn đoạn qua xã Điện Hồng (cũ), Điện Thọ (cũ), Điện Phước	Xã Điện Bàn Tây	x	

61	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thanh Quýt	Xã Điện Bàn Tây, phường An Thắng	x	
62	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Bình Phước đoạn qua La Thọ	Xã Điện Bàn Tây, xã An Thắng	x	
63	Kè chống sạt lở bờ tả sông Vĩnh Điện đoạn qua phường Điện An (cũ)	Xã An Thắng	x	
64	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thanh Quýt, đoạn qua xã Điện Thắng Nam (cũ)	Xã An Thắng	x	
65	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn qua xã Điện Quang (cũ)	Xã Gò Nổi	x	
66	Kè chống sạt lở bờ tả sông Bến Giá qua xã Điện Phong (cũ)	Xã Gò Nổi	x	
67	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn qua xã Điện Trung (cũ)	Xã Gò Nổi	x	
68	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Vĩnh Điện, đoạn qua Cẩm Đồng	Xã Gò Nổi	x	
69	Kè chống sạt lở Nam sông Vĩnh Điện, thôn Hòa An	Xã Gò Nổi	x	
70	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thu Bồn khu vực thôn Trà Đông	Xã Nam Phước	x	
71	Kè chống sạt lở khu dân cư Bắc Trà Đông	Xã Nam Phước	x	
72	Kè chống sạt lở phía Bắc cầu Hà Tân	Xã Nam Phước	x	
73	Kè chống sạt lở bờ sông Duy Vinh thuộc nhánh sông Thu Bồn - Đập Đông Bình	Xã Nam Phước	x	
74	Kè chống sạt lở từ Cầu Hà Tân đến chợ Bàn Thạch	Xã Nam Phước	x	
75	Kè chống sạt lở khu dân cư Hà Nhuận	Xã Nam Phước	x	
76	Kè chống sạt lở khu dân cư Triều Châu	Xã Nam Phước	x	

77	Nạo vét, kè chắn sông Đào đảm bảo thoát lũ thị trấn Nam Phước (cũ)	Xã Nam Phước	x	
78	Kè chống sạt lở bờ biển tại thôn Trung Phường	Xã Duy Nghĩa	x	
79	Kè chống sạt lở sông Ly Ly, thôn An Lạc	Xã Duy Nghĩa	x	
80	Kè chống sạt lở khu dân cư Cù Bàn - Cồn Đu	Xã Duy Nghĩa	x	
81	Kè chống sạt lở từ cầu Chiêm Sơn - Khu dân cư Xuân Sơn	Xã Duy Nghĩa	x	
82	Kè chống sạt lở Kênh Nam	Xã Duy Nghĩa	x	
83	Kè chống sạt lở Đồng Loát	Xã Duy Nghĩa	x	
84	Kè chống sạt lở khu dân cư An Lạc	Xã Duy Nghĩa	x	
85	Kè chống sạt lở ven sông thôn Trung Phường	Xã Duy Nghĩa	x	
86	Kè chống sạt lở khu đô thị Núi Rang	Xã Duy Nghĩa	x	
87	Kè chống sạt lở khu dân cư Miếu Trắng - Bến Hên	Xã Duy Nghĩa	x	
88	Kè chống sạt lở Bến An Lương	Xã Duy Nghĩa	x	
89	Kè chống sạt lở khu dân cư Vạn Buồng	Xã Duy Xuyên	x	
90	Kè chống sạt lở Cầu suối Yên	Xã Duy Xuyên	x	
91	Kè chống sạt lở Bắc Biên	Xã Duy Xuyên	x	
92	Kè chống sạt lở từ bãi Đào tơ đến chân cầu đường tránh lũ	Xã Duy Xuyên	x	
93	Kè chống sạt lở vị trí hạ lưu nhánh sông Thu Bồn	Xã Duy Xuyên	x	
94	Kè chống sạt lở sông Ly Ly, thôn Quý Thạnh 2	Xã Thăng Bình	x	
95	Kè chống sạt lở sông Ly Ly, thôn Thanh Ly 2	Xã Thăng Bình	x	
96	Kè chống sạt lở bờ sông Nhà Ngủ	Xã Tây Hồ	x	
97	Kè chống sạt lở ven sông Tam Kỳ, khối phố 7	Phường Hương Trà	x	
98	Kè chống sạt lở TDP Thọ Tân, Hoà Lang	Phường Hương Trà	x	
99	Kè chống sạt lở ven sông Tam Kỳ (đoạn từ cầu Tam Kỳ mới đến cầu Tam Kỳ cũ) (đang thi công)	Phường Hương Trà	x	

100	Kè chống sạt lở bờ Nam sông Tam Kỳ	Phường Hương Trà, Tam Kỳ	x	
101	Kè chống sạt lở bờ sông Bàn Thạch	Phường Bàn Thạch, Quảng Phú, Tam Kỳ, xã Tam Xuân	x	
102	Kè chống sạt lở suối Tây Yên	Xã Phú Ninh	x	
103	Kè chống sạt lở sông Bông Miêu xã Tam Lãnh (cũ)	Xã Phú Ninh	x	
104	Kè chống sạt lở sông Bà Rén	Xã Xuân Phú	x	
105	Kè chống sạt lở sông Ly Ly	Xã Xuân Phú	x	
106	Kè chống sạt lở sông Ly Ly giai đoạn 2	Xã Xuân Phú		x
107	Kè chống sạt lở Khu vực thượng lưu cầu Hương An (cũ)	Xã Xuân Phú	x	
108	Kè chống sạt lở Khu vực thôn Đồng Tràm Tây	Xã Xuân Phú	x	
109	Kè chống sạt lở Khu vực bờ Nam cầu Bà Rén	Xã Xuân Phú	x	
110	Kè chống sạt lở Khu vực hạ lưu đập tràn sông Ly Ly (bờ Tây)	Xã Xuân Phú	x	
111	Kè chống sạt lở bờ suối Tây Yên	Xã Chiên Đàn	x	
112	Kè chống sạt lở bờ suối Khánh Thọ	Xã Chiên Đàn	x	
113	Kè chống sạt lở bờ suối Ông Kinh	Xã Chiên Đàn	x	
114	Kè chống sạt lở kết hợp giao thông và phát triển du lịch 2 bên bờ sông Mũi	Xã Đức Phú	x	
115	Kè chống sạt lở bờ sông Côn (khu vực cầu Hà Tân, thôn Tân Hà, Hà Tân, Tân An)	Xã Thượng Đức	x	
116	Kè chống sạt lở bờ sông Vu Gia tại các thôn Lộc Bắc, Đại Lãnh xã Thượng Đức	Xã Thượng Đức	x	
117	Kè chống sạt lở bờ sông Vu Gia từ Hà Tân – Hội Khách	Xã Thượng Đức	x	

118	Kè chống sạt lở bờ sông thôn Phú Bình	Xã Tam Xuân	x	
119	Kè chống sạt lở bờ sông thôn Bích An	Xã Tam Xuân	x	
120	Kè chống xói lở khu vực UBND xã Phước Lộc (cũ) và trường THCS Phước Lộc	Xã Phước Thành	x	
121	Kè chống xói lở khu vực trường TH và THCS và sân vận động xã Phước Thành	Xã Phước Thành	x	
122	Kè chống sạt lở Thôn 6	Xã Phước Thành	x	
123	Kè chống sạt lở bờ suối nước Xe, suối nước Sa	Xã Phước Hiệp	x	
124	Kè chống sạt lở đoạn đầu vào khu dân cư mới thôn 4	Xã Phước Năng	x	
125	Kè chống sạt lở Thôn 1, 2	Xã Phước Năng	x	
126	Kè chống sạt lở Thôn 5, 6, 7	Xã Phước Năng	x	
127	Kè chống sạt lở Khu dân cư tổ 1 thôn Trà Hân	Xã Phước Trà	x	
128	Kè chống sạt lở Khu dân cư tổ 2 thôn Trà Nô	Xã Phước Trà	x	
129	Kè chống sạt lở sông Tà Làng khu vực trung tâm cụm xã A Zút, xã Bhalêê	Xã A Vương	x	
130	Kè chống sạt lở dọc suối Tà Lu để bảo vệ khu dân cư thôn Ngã Ba đến thôn Tà Vạc của xã Đông Giang, gần với chính trang khu trung tâm xã	Xã Đông Giang	x	
131	Kè chống sạt lở ven sông nội thị - thị trấn Prao (cũ)	Xã Đông Giang	x	
132	Kè 2 bờ tả, hữu sông A Vương đoạn qua khu vực trung tâm hành chính huyện Tây Giang (đang thi công)	Xã Tây Giang	x	
133	Kè chống sạt lở bờ Đông sông Cái; suối A Duông, Tà Xí, Ka Nom, Tà Vạc; suối Hiệp, Nhiều; suối Tu Ngung, A Dung	Các xã Nam Giang, La Êê, La Dêê, Đắc Pring		x

134	Kè chống sạt lở sông Trường	Các xã Trà Liên, Trà Giáp, Trà Tân, Trà My	x	
135	Kè chống sạt lở bờ suối Ban Mai, Sông Vàng, Phu Son; suối Đha Nghi, Lầy, Vầu	Xã Sông Vàng	x	
136	Kè chống sạt lở thôn Quyết Thắng	Xã Sông Vàng	x	
137	Kè chống sạt lở bờ sông Tràm	Xã Trà My	x	
138	Kè chống sạt lở trung tâm hành chính xã Trà My	Xã Trà My	x	
139	Kè chống sạt lở thôn 4 xã Trà Giáp, đoạn từ trụ sở UBND xã đến nhà ông Thạch.	Xã Trà Giáp	x	
140	Kè chống sạt lở thôn 2 xã Trà Giáp, khu vực suối Toong	Xã Trà Giáp	x	
141	Kè chống sạt lở thôn 1 xã Trà Giáp, khu vực suối Gôn và suối Van	Xã Trà Giáp	x	
142	Kè chống sạt lở thôn 1 xã Trà Giáp, khu vực đồi cáp Tu	Xã Trà Giáp	x	
143	Kè chống sạt lở thôn 2 xã Trà Giáp, khu vực suối Part (Sau lưng nhà ông Trường)	Xã Trà Giáp	x	
144	Kè chống sạt lở thôn 1 xã Trà Giáp, khu vực suối Toong	Xã Trà Giáp	x	
145	Kè chống sạt lở thôn 2 xã Trà Giáp, khu vực đồi ông Ký	Xã Trà Giáp	x	
146	Kè chống sạt lở thôn 2 xã Trà Giáp, khu vực suối Crac	Xã Trà Giáp	x	
147	Đập và kè chống sạt lở suối Ngheo thôn 3 xã Trà Giáp	Xã Trà Giáp	x	
148	Kè chống sạt lở thôn 3 xã Trà Giáp, khu vực tái định cư	Xã Trà Giáp	x	

149	Kè chống sạt lở thôn 4 xã Trà Giáp, khu vực suối nghèo gần nhà văn hóa thôn	Xã Trà Giáp	x	
150	Kè chống sạt lở thôn 5 xã Trà Giáp, khu vực xã Nu	Xã Trà Giáp	x	
151	Kè chống sạt lở bờ sông Ví	Xã Trà Liên	x	
152	Kè chống sạt lở Làng ông Hiền	Xã Nam Trà My	x	
153	Kè bảo vệ bờ sông, cầu và cảnh quan ven Sông Tranh	Xã Trà Tập; Xã Nam Trà My	x	
154	Kè bảo vệ bờ sông Tranh	Xã Trà Tập	x	
155	Kè bảo vệ cánh đồng Mừng Lút	Xã Trà Leng	x	
156	Kè chống sạt lở thôn 6 xã Trà Đốc, khu vực sông Bui	Xã Trà Đốc	x	
157	Kè chống sạt lở thôn 5	Xã Trà Đốc	x	
158	Kè chống sạt lở cánh đồng suối Trĩ	Xã Trà Đốc	x	
159	Kè chống sạt lở cánh đồng sản xuất tại Tổ dân cư Bút Tựa thôn Bhlô Bền	Xã Sông Kôn	x	
160	Kè chống sạt lở khu dân cư dọc sông Voi theo dọc tuyến đường trung tâm xã Jơ Ngây cũ	Xã Sông Kôn	x	
161	Kè chống sạt lở sông A Roong	Xã Bến Hiền	x	
162	Kè chống sạt lở Thanh Hà, phường Thanh Hà (cũ)	Phường Hội An Tây	x	
163	Công trình chống xói lở khẩn cấp dọc bờ biển phường Hội An Tây (từ khu vực Thịnh Mỹ đến An Bàng)	Phường Hội An Tây	x	
164	Kè chống sạt lở bờ biển Phước Hải	Phường Hội An Đông	x	
165	Kè chống sạt lở bờ biển Phước Trạch	Phường Hội An Đông	x	
166	Kè chống sạt lở bờ biển Phước Tân	Phường Hội An Đông	x	
167	Công trình chống xói lở khẩn cấp bờ biển Cửa Đại đoạn từ Khu vực An Bàng đến phường Điện Bàn Đông	Phường Hội An Đông - Điện Bàn Đông	x	

168	Kè chống sạt lở bờ biển Hội An	Phường Hội An Đông, Phường Hội An Tây,	x	x
169	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát lũ phía đông tuyến Võ Chí Công ra biển	Xã Thăng An	x	
170	Kè chống sạt lở bờ biển tại thôn Bình Trung, Thuận An	Xã Tam Hải	x	
171	Kè chống sạt lở và bảo vệ bờ biển xã đảo Tam Hải	Xã Tam Hải	x	
172	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Hà Lộc	Xã Tam Xuân	x	
173	Nâng cấp kè, đê ngăn mặn kết hợp giao thông các xã vùng Đông huyện Núi Thành (cũ) (nay là các xã Tam Xuân, Tam Anh)	xã Tam Xuân, Tam Anh	x	x
174	Kè chống sạt lở dọc tuyến đường ven biển Hoàng Sa - Trường Sa - Võ Nguyên Giáp (dài gần 2.000 m).	Các phường Hải Châu, Hoà Cường, Ngũ Hành Sơn	x	
175	Kè chống sạt lở bờ biển Tổ 4 thôn Duy Hà	Xã Thăng An	x	
176	Kè chống sạt lở Bến cá thôn Tân An	Xã Thăng An	x	
177	Kè chống sạt lở bờ biển Tổ 2, thôn Phương Tân	Xã Thăng Trường	x	
178	Kè chống sạt lở bờ biển Tổ 3, 4, thôn Phương Tân	Xã Thăng Trường	x	
179	Kè chống sạt lở bờ biển Tổ 3, thôn Vĩnh Giang	Xã Thăng Trường	x	
180	Kè biển Liên Chiểu đoạn cầu Nam Ô đến núi Vân Dương, dài 1,2km và đoạn 300m còn lại từ núi Vân Dương đến giáp với kè đã xây dựng	Phường Hải Vân	x	
181	Kè Mân Quang ứng phó BĐKH	Phường Sơn Trà	x	
182	Kè biển đoạn Mân Thái - Mỹ An dài 4km	Phường Sơn Trà	x	
183	Kè biển Sơn Trà - Điện Ngọc	Phường Sơn Trà, Điện Bàn Đông	x	

184	Đầu tư xây dựng các tuyến kè khẩn cấp, kè chống sạt lở, kè bảo vệ bờ sông, bờ biển	Toàn thành phố	x	x
I.2	Nâng cấp, sửa chữa			
1	Kè chống sạt lở phía nam Đông Bình	Xã Nam Phước	x	
2	Kè chống sạt lở bờ sông Thu Bồn khu vực thôn Trà Đông, xã Nam Phước	Xã Nam Phước	x	
3	Kè Bắc Trà Đông	Xã Nam Phước	x	
4	Kè Đông Bình	Xã Nam Phước	x	
5	Khắc phục sạt lở mái taluy, nền tuyến đường ĐH3	Xã Nam Phước	x	
6	Kè chống sạt lở ven sông Xóm Dạng	Xã Duy Xuyên	x	
7	Kè chống sạt lở sông Thu Bồn khu vực An Lương, xã Duy Nghĩa	Xã Duy Nghĩa	x	
8	Kè chống sạt lở bờ sông Thu Bồn thuộc thôn Hội Sơn, xã Duy Nghĩa (tiếp giáp tuyến kè khu đô thị Núi Rang) (dài khoảng 2,0km)	Xã Duy Nghĩa	x	
9	Khắc phục khẩn cấp tuyến kè bảo vệ sông Thu Bồn khu vực An Lương, xã Duy Nghĩa (thuộc Công trình Khắc phục khẩn cấp tuyến kè bảo vệ sông Thu Bồn khu vực An Lương, xã Duy Nghĩa và khắc phục xói lở bờ biển Hội An)	Xã Duy Nghĩa	x	
10	Kè chống sạt lở bờ biển tại thôn Trung Phường, xã Duy Nghĩa	Xã Duy Nghĩa	x	
11	Tuyến đê ngăn mặn Duy Thành, Duy Nghĩa	Xã Duy Nghĩa	x	
12	Kè chống sạt lở bờ sông Thu Bồn khu vực thôn Thuận Hoà, xã Phú Thuận	Xã Phú Thuận	x	
13	Kè chống sạt lở sông Bà Rén, thôn Bà Rén, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	x	

14	Kè chống sạt lở sông Lạc Thành, thôn Lạc Thành Đông, xã Điện Bàn Tây	Xã Điện Bàn Tây	x	
15	Kè chống sạt lở tại Nhà văn hoá thôn Ra Nuối	Xã Sông Kôn	x	
16	Kè Gươl thôn A Dinh và kè Gươl thôn Tungung - A Bung	Xã Đông Giang	x	
17	Kè chống sạt lở khu vực UBND xã Trà Giáp	Xã Trà Giáp	x	
18	Kè bảo vệ khu dân cư và các công trình hạ tầng công cộng dọc sông Tranh	Xã Trà Tập	x	
19	Khắc phục khẩn cấp tuyến kè bảo vệ sông Thu Bồn khu vực An Lương, xã Duy Nghĩa và khắc phục xói lở bờ biển Hội An (thuộc Công trình Khắc phục khẩn cấp tuyến kè bảo vệ sông Thu Bồn khu vực An Lương, xã Duy Nghĩa và khắc phục xói lở bờ biển Hội An)	Xã Duy Nghĩa, Phường Hội An Đông và Phường Hội An Tây	x	
20	07 tuyến đê cửa sông: Tam Xuân 1, Tam Xuân 2, Tam Anh Bắc 01, Đồng Vệt Tam Tiến, Tam Hòa 01, Tam Hòa 02, Tam Giang	Các xã Tam Xuân, Tam Anh, Núi Thành	x	
21	Các tuyến đê Công Điền, đê sông Ly Ly; Bình Dương; Tam Hòa 01, Tam Hòa 02, Tam Anh Bắc 01, Tam Hòa 01, Tam Hòa 02; Tam Quang, Tam Giang; Duy Thành, Thuận An; Tam Xuân 1, Tam Xuân 2, Đồng Vệt Tam Tiến	Các xã Xuân Phú, Bình Dương, Tam Anh, Núi Thành, Duy Nghĩa, Tam Xuân	x	
22	Các tuyến đê sông (18 tuyến với tổng chiều dài 45,93km)	Các xã Xuân Phú, Thăng An, Thăng Trường, Bàn Thạch		x
23	Kè chống sạt lở bờ biển Hội An tại phường Hội An Tây	phường Hội An Tây	x	
24	Các tuyến đê cửa sông (14 tuyến còn lại với tổng chiều dài 58,51km)	Các phường Hội An Đông, Hội An, Hội An		x

		Tây; và các xã Duy Nghĩa, Nam Phước, Tam Xuân, Tam Anh, Núi Thành		
25	Nâng cấp, sửa chữa tiêu năng phía sau kè Sơn Trà - Điện Ngọc	Phường Sơn Trà, Điện Bàn Đông	x	
26	Các công trình phòng chống sạt lở tại các tuyến phát sinh mới, các tuyến kè bảo vệ bờ sông, bờ biển hiện trạng bị hư hỏng (theo thực tế)	Toàn thành phố	x	x
27	Các công trình phòng chống sạt lở các khu vực miền núi thành phố Đà Nẵng	Toàn thành phố	x	x
II	Hệ thống kênh tiêu			
1	Nạo vét khơi thông dòng chảy cuối Khe Gai và kênh tiêu nội đồng	Xã Đại Lộc	x	
2	Nạo vét khơi thông dòng chảy kênh tiêu nội đồng từ Làng mới Phương Trung ra sông Vu Gia tại Cầu Chìm	Xã Hà Nha	x	
3	Nạo vét khơi thông dòng chảy kênh tiêu nội đồng từ cầu Bến Lội ra sông Vu Gia tại cầu Ba Khe 1	Xã Hà Nha	x	
4	Cải tạo, khơi thông nắn chỉnh tuyến kênh tiêu Xuân Phú	Xã Xuân Phú	x	
5	Cải tạo, khơi thông nắn chỉnh tuyến kênh tiêu Duy Hòa, Duy Châu	Xã Thu Bồn	x	
6	Nạo vét khơi thông dòng chảy kênh tiêu nội đồng xã Thượng Đức	Xã Thượng Đức	x	
7	Nạo vét, kè chắn sông Đào đảm bảo thoát lũ thị trấn Nam Phước (cũ)	Xã Nam Phước	x	

8	Nạo vét khơi thông 2 tuyến kênh tiêu từ TT. Nam Phước (cũ) đi xã Duy Phước và Duy Vinh (cũ)	Xã Nam Phước	x	
9	Nạo vét khơi thông kênh tiêu thoát nước Điện Nam Bắc – Điện Nam Đông	Phường Điện Bàn Đông	x	
10	Nạo vét, khơi thông hệ thống tưới tiêu sông La Thọ -Thanh Quýt	Xã Điện Bàn Tây, xã An Thắng	x	
11	Kênh tiêu úng và thoát lũ tại 04 xã vùng Đông huyện Quế Sơn	Các xã Quế Sơn, Xuân Phú, Quế Mỹ, Quế Hiệp	x	
12	Đầu tư xây dựng tuyến kênh thoát nước từ hệ thống suối thôn Tú Nghĩa xã Bình Tú đến sông Trường Giang	Xã Thăng Điện	x	
13	Nạo vét trục tiêu Khe Ba La về sông Bàn Thạch đoạn từ Nghĩa Hoà, Bình Nam tới sông Bàn Thạch	Xã Thăng Trường	x	
14	Nạo vét và hoàn thiện trục tiêu huyện Thăng Bình	Các xã Thăng Bình, Thăng An	x	x
15	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống tiêu thoát nước mùa mưa lũ, kết hợp với tưới tiêu mùa nắng và đề ngăn mặn	Xã Thăng Trường, Thăng An	x	
16	Khơi thông sông Cổ Cò - Để Vững	Phường Hội An Tây	x	
17	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò	Phường Hội An Tây, Hội An Đông	x	
18	Nạo vét khơi thông dòng chảy các đoạn hạ lưu sông Tam Kỳ và sông Bàn Thạch.	Núi Thành, Tam Kỳ	x	
19	Khơi thông sông Trường Giang (Dự án thành phần của Dự án phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam)	Sông Trường Giang	x	x

20	Cải tạo, khơi thông nắn chỉnh tuyến kênh tiêu Tam Đàn	Xã Chiên Đàn	x	
21	Khơi thông dòng chảy, chống xói lở đường giao thông, khu dân cư thôn 3 Trà Giáp.	Xã Trà Giáp	x	
22	Khơi thông dòng chảy, chống xói lở đường giao thông, khu dân cư thôn 2 Trà Giáp.	Xã Trà Giáp	x	
23	Khơi thông dòng chảy, chống xói lở đường giao thông, khu dân cư thôn 1 Trà Giáp	Xã Trà Giáp	x	
24	Nạo vét, khơi thông, chỉnh trang các trục tiêu thoát nước phường Hoà Xuân	Phường Hoà Xuân	x	
25	Tăng khẩu độ thoát lũ qua Quốc lộ 1A từ Hòa Phước đến Cầu Đỏ	Phường Hoà Xuân	x	
26	Tăng khả năng thoát lũ sông Vĩnh Điện qua đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phường Hoà Xuân	x	
27	Tăng khả năng thoát lũ sông Yên qua đường ADB5	Phường Hoà Cường	x	
28	Tăng khả năng thoát lũ sông Yên qua hai đường vành đai phía Nam	Phường Hoà Cường	x	
29	Nạo vét, khơi thông, chỉnh trị trục tiêu thoát lũ hạ du hồ Đồng Nghệ	Phường Liên Chiểu	x	
30	Tăng khả năng thoát lũ và nước mưa qua đường tránh thành phố cho khu công nghệ cao	Phường Liên Chiểu	x	
31	Tăng khả năng thoát lũ và nước mưa qua đường tránh thành phố cho khu công nghệ thông tin tập trung	Phường Liên Chiểu	x	
32	Khơi thông, chỉnh trang suối Lương - Kim Liên	Phường Hải Vân	x	
33	Nạo vét, khơi thông trục tiêu bầu An Ngãi	Phường Hoà Khánh	x	

34	Đầu tư xây dựng cầu Đa Cô thay thế cho cống tăng khả năng thoát lũ, chống ngập khu vực phường Hòa Khánh	Phường Hoà Khánh	x	
35	Nạo vét, khơi thông, chỉnh trang trục tiêu thoát mưa lũ sông Phước Hưng	Phường Hoà Khánh, xã Bà Nà	x	
36	Nạo vét, khơi thông, chỉnh trị trục tiêu thoát nước sông Tây Tịnh	Xã Hoà Tiến	x	
37	Nạo vét, khơi thông, chỉnh trang các trục tiêu thoát nước xã Hoà Tiến	Xã Hoà Tiến	x	
38	Nạo vét, khơi thông, chỉnh trang các trục tiêu thoát lũ và nước mưa về sông Yên và Túy Loan	Xã Hoà Vang	x	
39	Khơi thông, chỉnh trị sông Lũ Trào - Trung Nghĩa - An Sơn	Xã Bà Nà	x	
40	Tăng khả năng thoát lũ và lũ quét sông Túy Loan qua hai đường vành đai phía Tây	Xã Bà Nà	x	
III	Khu neo đậu tránh, trú bão, cảng cá			
1	Nâng cấp cảng cá Tam Quang đạt tiêu chí cảng cá loại I	Tam Quang	x	
2	Nâng cấp, mở rộng Cảng cá kết hợp khu neo đậu và tránh trú bão Hồng Triều	Duy Nghĩa	x	
3	Nâng cấp, mở rộng Cảng cá kết hợp khu neo đậu và tránh trú bão Cửa Đại	Hội An	x	
4	Nâng cấp, mở rộng Cảng cá kết hợp khu neo đậu và tránh trú bão Cù Lao Chàm	Tân Hiệp	x	
5	Đầu tư xây dựng khu neo đậu và tránh trú bão Tam Tiến	Tam Anh, Tam Xuân	x	
6	Đầu tư xây dựng khu neo đậu và tránh trú bão Bình Dương	Thăng An	x	

7	Đầu tư xây dựng khu neo đậu và tránh trú bão dọc sông Trường Giang (xã Tam Hoà, Tam Tiến, Tam Xuân 1, huyện Núi Thành cũ)	Duy Nghĩa	x	
8	Nghiên cứu chuyển đổi công năng cảng cá Thọ Quang	Cảng cá Thọ Quang		x
IV	Các dự án di dời, bố trí tái định cư vùng thiên tai sạt lở đất, lũ quét			
IV.1	Khu vực các xã miền núi			
IV.1.1	Các dự án đã phê duyệt, chuyển tiếp thực hiện giai đoạn 2026-2035			
1	Dự án Khu sắp xếp dân cư xã Trà Ka	xã Trà Giáp	x	x
2	Khu dân cư Nóc Ông Liên	xã Trà Đốc	x	x
3	Khu dân cư Nước Lúa	xã Trà Đốc	x	x
4	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai (di dời theo hình thức xen ghép)	xã Trà Đốc	x	x
5	Khu dân cư Nóc Ông Phong, Ông Xiêm	xã Trà Đốc	x	x
6	Khu dân cư Suối Đơn	xã Trà Đốc	x	x
7	Khu dân cư Măng Lin	xã Trà Vân	x	x
8	Khu dân cư Làng Khe Chũ (2)	xã Trà Vân	x	x
9	Khu dân cư Nóc Ông Ni	xã Trà Vân	x	x
10	Khu dân cư điểm thôn 3 (Tak Buôn)	xã Trà Vân	x	x
11	Khu dân cư điểm thôn 4	xã Trà Vân	x	x
12	Khu dân cư điểm thôn 5	xã Trà Vân	x	x
13	Khu dân cư nóc Ông Ruộng	xã Trà Vân	x	x
14	Khu dân cư nóc Ông Thanh	xã Trà Vân	x	x
15	Khu dân cư TTHC xã	xã Trà Vân	x	x
16	Khu dân cư nóc Ông Mai	xã Trà Vân	x	x

17	Đầu tư quy hoạch sắp xếp dân cư nóc ông Trường thôn 2 Trà Giác	Xã Trà Tân	x	x
18	Khu tái định cư dốc Đá Đen	Xã Trà Tân	x	x
19	Khu vực nóc ông Nam	Xã Trà Tân	x	x
20	Khu vực Cây số 27	Xã Trà Tân	x	x
21	Tổ 5 nóc tak lay	Xã Trà Tân	x	x
22	Tổ 3 nóc ông Mãi	Xã Trà Tân	x	x
23	Khu tái định cư thôn R'cung	Xã A Vương	x	x
24	Khu tái định cư thôn Aréc (Dự án khẩn cấp)	Xã A Vương	x	x
25	Khu tái định cư thôn Azút	Xã A Vương	x	x
26	Khu tái định cư thôn Ga'lâu (Dự án khẩn cấp)	Xã A Vương	x	x
27	Khu tái định cư thôn Xa'oi	Xã A Vương	x	x
IV.1. 2	Dự án dự kiến mở mới			
28	Xây dựng khu bố trí dân cư phòng, chống thiên tai thôn 3	xã Trà Giáp	x	
29	Xây dựng khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai khu vực Ngoại Thương, thôn 2	xã Trà Giáp	x	
30	Xây dựng khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai thôn 2	xã Trà Giáp	x	
31	Xây dựng khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai trung tâm xã	xã Trà Giáp	x	
32	Xây dựng khu dân cư phòng, chống thiên tai thôn 1	xã Trà Giáp	x	
33	Xây dựng khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai thôn 4	xã Trà Giáp	x	
34	Xây dựng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật để ổn định dân cư phòng, chống thiên tai khu vực Xà Nu thôn 4	xã Trà Giáp	x	

35	Xây dựng khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai thôn 5	xã Trà Giáp	x	
36	Xây dựng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật để ổn định dân cư phòng, chống thiên tai thôn 3 (thôn 5 cũ)	xã Trà Giáp	x	
37	Khu tái định cư làng Tu Nát	xã Trà Tập	x	x
38	Khu tái định cư làng Tak Giang	xã Trà Tập	x	x
39	Khu tái định cư nóc Tu Lã	xã Trà Tập	x	x
40	Khu tái định cư làng Răng chuối và nóc Tu La	xã Trà Tập	x	x
41	Khu tái định cư làng Tak Ri	xã Trà Tập	x	x
42	Khu tái định cư làng Lấp Loa và Làng Tu Linh	xã Trà Tập	x	x
43	Khu tái định cư làng Măng Ôi, làng Tak Tung	xã Trà Tập	x	x
44	Khu dân dân thôn 1 (quy mô 72 hộ)	xã Phước Chánh	x	x
45	Khu dân dân thôn 2 (quy mô 70 hộ)	xã Phước Chánh	x	x
46	Khu dân dân thôn 3 (quy mô 78 hộ)	xã Phước Chánh	x	x
47	Khu dân dân thôn 4, thôn 5 (Khu sân vận động thôn 5) (quy mô 100 hộ)	xã Phước Chánh	x	x
48	Khu Dân cư thôn Phước Công 1, thôn Phước Công 2 (bên sân vận động xã Phước Công cũ) (quy mô 70 hộ)	xã Phước Chánh	x	x
49	Khu dân cư mới xã Phước Chánh (Khu 48) (quy mô 300 hộ)	xã Phước Chánh	x	x
50	Khu dân cư Tổ Trà Văn A + Luông A thôn 6; Luông B thôn 7	xã Phước Thành	x	x
51	Khu dân cư Thôn 3 (xóm cũ)	xã Phước Thành	x	x
52	Khu TĐC Thôn 4 (1B cũ)	xã Phước Thành	x	x
53	Khu TĐC thôn 4 (xóm cầu) và bố trí dân cư các thôn 1, 2 và hạ tầng thiết yếu (khu thể thao, khu bảo tồn VH...)	xã Phước Thành	x	x

54	Khu dân cư Thôn 10 (5A cũ)	xã Phước Thành	x	x
55	Khu TĐC trung tâm xã	xã Phước Thành	x	x
56	Khu dân cư thôn Achiing	xã Tây Giang	x	x
57	Khu TĐC thôn Ra'bhuợp	xã Tây Giang	x	x
58	Khu dân cư thôn Axoo	xã Tây Giang	x	x
59	Khu dân cư Làng truyền thống Cotu, thôn Agrông	xã Tây Giang	x	x
60	Khu tái định cư thôn Bến Giăng	xã Bến Giăng	x	x
61	Khu tái định cư thôn Pà Dá	xã Bến Giăng	x	x
62	Khu tái định cư thôn Cà Lai	xã Bến Giăng	x	x
63	Khu tái định cư thôn Ga Lêê	xã Bến Giăng	x	x
64	Khu tái định cư thôn A Liêng	xã Bến Giăng	x	x
65	Dự án khu tái định cư mới để sắp xếp, bố trí cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi sạt lở đất tại cụm Pà Dồn, thôn Pà Ong	xã Bến Giăng	x	x
66	Khu TĐC D8 thôn Cột Buồm	xã Bến Hiên	x	x
67	Khu TĐC Khe Lụi thôn Bến Hiên	xã Bến Hiên	x	x
68	Khu TĐC Đá Mông thôn Bến Hiên	xã Bến Hiên	x	x
69	Khu TĐC Khe Gấm thôn Dốc Gộp	xã Bến Hiên	x	x
70	Khu TĐC suối CutChrun, thôn CutChrun	xã Bến Hiên	x	x
71	KhuTĐC Khu vực cây xăng, thôn AXờ	xã Bến Hiên	x	x
72	Điểm TĐC Ta Rác, thôn A Roong	xã Bến Hiên	x	x
73	KhuTĐC thôn A Róch	xã Sông Kôn	x	x
74	Khu TĐC Tổ đoàn kết Brùa thôn Ra Lang	xã Sông Kôn	x	x
75	Khu TĐC thôn Ra Ê (bao gồm nhu cầu TĐC của thôn Chi Cớ, Pazi và Sông Voi cũ)	xã Sông Kôn	x	x
76	Khu TĐC thôn Aliêng Ravăh	xã Sông Kôn	x	x
77	Khu TĐC thôn Bơhông	xã Sông Kôn	x	x

78	Khu TĐC tổ Đào thôn Pho	xã Sông Kôn	x	x
79	Khu TĐC thôn Chi Nết	xã Sông Kôn	x	x
80	Điểm TĐC thôn Ra Nuôi	xã Sông Kôn	x	x
81	Điểm TĐC thôn K8	xã Sông Kôn	x	x
82	Khu TĐC mặt bằng đôi Liễm Lâm thôn Gừng	xã Đông Giang	x	x
83	Khu TĐC cánh đồng A Tung Túi thôn A Duông	xã Đông Giang	x	x
84	Khu TĐC Clung Gluron A Póc thôn A Điều	xã Đông Giang	x	x
85	Khu TĐC A Ngát thôn A Xanh Gố	xã Đông Giang	x	x
86	Khu giãn dân thôn 1 xã Khâm Đức	xã Khâm Đức	x	x
87	Khu giãn dân thôn 2 xã Khâm Đức	xã Khâm Đức	x	x
88	Khu tái định cư thôn Hà Ra	xã Thạnh Mỹ	x	x
89	Khu tái định cư thôn Pà Dầu 1	xã Thạnh Mỹ	x	x
90	Khu tái định cư thôn Mực	xã Thạnh Mỹ	x	x
91	Khu tái định cư thôn Dung	xã Thạnh Mỹ	x	x
92	Khu tái định cư (bên trụ sở huyện uỷ cũ)	xã Thạnh Mỹ	x	x
93	Khu TĐC thôn 57	xã Đắc Pring	x	x
94	Khu TĐC thôn 49a	xã Đắc Pring	x	x
95	Khu TĐC thôn 48	xã Đắc Pring	x	x
96	Khu TĐC thôn 58	xã Đắc Pring	x	x
97	Khu TĐC thôn Pring	xã Nam Giang	x	x
98	Khu TĐC thôn Công Dồn	xã Nam Giang	x	x
99	khu TĐC thôn Pà Đhí	xã Nam Giang	x	x
100	Dự án khu tái định cư mới để sắp xếp, bố trí cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi sạt lở đất, đá uy hiếp tại làng ông Anh, thôn 1	xã Trà Leng	x	x
101	Dự án khu tái định cư mới để sắp xếp, bố trí cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi sạt lở đất, đá uy hiếp tại làng ông Súp, thôn 2	xã Trà Leng	x	x

102	Hạ tầng Trung tâm hành chính xã Trà Leng kết hợp khu dân cư, trong đó có bố trí cho các hộ bị sạt lở tại thôn 1, Trà Leng	xã Trà Leng	x	x
103	Khu dân cư làng ông Hành, thôn 2	xã Trà Leng	x	x
104	Khu dân cư làng ông Dũng, thôn 3	xã Trà Leng	x	x
105	Khu dân cư ông Hành, ông Tiếng, thôn 6	xã Trà Leng	x	x
106	Khu dân cư dọc đường vào làng ông Văng, ông Thái, thôn 7	xã Trà Leng	x	x
107	Khu dân cư làng Tak Pát, thôn 5	xã Trà Leng	x	x
108	Khu dân cư Ông Lục, thôn 4	xã Trà Leng	x	x
109	Khu dân cư làng ông Thương, T3	xã Trà Leng	x	x
110	Khu tái định cư tập trung tại An Đông	xã Tiên Phước	x	x
111	Khu tái định cư tập trung thôn 1	xã Tiên Phước	x	x
112	Khu tái định cư tập trung Đồng Bà Hiền	xã Tiên Phước	x	x
113	Khu tái định cư tập trung Đồng Quang	xã Tiên Phước	x	x
114	Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co	xã Trà Liên	x	x
115	Khu sắp xếp dân cư phòng tránh thiên tai thôn Tak Ngui	xã Trà Liên	x	x
116	Hỗ trợ ổn định, sắp xếp dân cư miền núi	xã Trà Liên	x	x
117	Khu dân cư phòng tránh thiên tai thôn 2	Xã Trà Đốc	x	x
118	Khu dân cư phòng, chống thiên tai tập trung thôn 9	Xã Trà Đốc	x	x
119	Sắp xếp dân cư gắn với Phòng, chống thiên tai thôn Ating-Arooi	Xã Hùng Sơn	x	x
120	Sắp xếp dân cư gắn với Phòng, chống thiên tai thôn Da'ding	Xã Hùng Sơn	x	x

121	Sắp xếp dân cư gần với Phòng, chống thiên tai thôn Pút	Xã Hùng Sơn	x	x
122	Sắp xếp dân cư gần với Phòng, chống thiên tai thôn Ariing	Xã Hùng Sơn	x	x
123	Sắp xếp dân cư gần với Phòng, chống thiên tai thôn Ki'nonh	Xã Hùng Sơn	x	x
124	Sắp xếp dân cư gần với Phòng, chống thiên tai thôn Voong	Xã Hùng Sơn	x	x
125	Sắp xếp dân cư gần với Phòng, chống thiên tai thôn Ga'nil	Xã Hùng Sơn	x	x
126	Sắp xếp dân cư gần với Phòng, chống thiên tai thôn Dâm I	Xã Hùng Sơn	x	x
127	Sắp xếp dân cư gần với Phòng, chống thiên tai thôn Dâm II	Xã Hùng Sơn	x	x
128	Sắp xếp dân cư gần với Phòng, chống thiên tai thôn G'lao	Xã Hùng Sơn	x	x
129	Khu tái định cư Thôn BLăng	xã La Êê	x	x
130	Khu tái định cư Thôn Côn Zót	xã La Êê	x	x
131	Khu tái định cư Thôn Pa Oai	xã La Êê	x	x
132	Khu tái định cư Thôn Đắc Ngol	xã La Êê	x	x
133	Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 7	xã Trà Linh	x	x
134	Khu TĐC thôn Đắc Rích	xã La Dêê	x	x
135	Khu TĐC thôn Đắc Tà Vâng	xã La Dêê	x	x
136	Khu TĐC thôn Công Tơ Ron	xã La Dêê	x	x
137	Khu TĐC thôn Đắc Pênh	xã La Dêê	x	x
138	Khu TĐC thôn Đắc Rế	xã La Dêê	x	x
IV.2	Khu vực các xã đồng bằng			
IV.2. 1	Các dự án quy mô tập trung			

1	Khu bố trí dân cư nằm trong vùng sạt lở đến nơi an toàn thôn Bồng Miêu, thôn Phước Bắc thuộc xã Tam Lãnh (cũ)	xã Phú Ninh	x	x
2	Khu tái định cư Ngọc Tú	xã Phú Ninh	x	x
3	Khu dân cư sạt lở Tam Lộc	Xã Tây Hồ	x	x
4	Khu dân cư sạt lở Tây Lộc	Xã Tây Hồ	x	x
5	Tái định cư di dời các hộ có nguy cơ sạt lở cho các hộ dọc sông Vu Gia, Thu Bồn, Quảng Huế	xã Vu Gia	x	x
6	Bố trí dân cư khỏi vùng sạt lở xã Thượng Đức	Xã Thượng Đức	x	x
7	Khu vực dân Núi Eo, thôn Kiệu Châu, Duy Sơn	xã Duy Xuyên	x	x
8	Khu vực dân cư Đồng Dĩnh, thôn Phú Nham Tây, Duy Sơn	xã Duy Xuyên	x	x
9	Bố trí dân cư vùng thiên tai	xã Nam Phước	x	x
10	Tái định cư Nồi Rang	xã Duy Nghĩa	x	x
11	Tái định cư Nồi Rang (mở rộng)	xã Duy Nghĩa	x	x
12	Tái định cư Duy Hải (giai đoạn 1, 2, 3)	xã Duy Nghĩa	x	x
13	Tái định cư Sơn Viên	xã Duy Nghĩa	x	x
14	Tái định cư Lệ Sơn	xã Duy Nghĩa	x	x
15	Khu dân cư Nhơn Bồi	xã Duy Nghĩa	x	x
16	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2026-2030 xã Tiên An	xã Thạnh Bình	x	
17	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2026-2030 xã Tiên Cảnh	xã Thạnh Bình	x	
18	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2026-2030 xã Tiên Lộc	xã Thạnh Bình	x	
19	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2026-2030 xã Tiên Lập	xã Thạnh Bình	x	

20	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2026-2030 xã Thạnh Bình	xã Thạnh Bình	x	
21	Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2031-2035 xã Thạnh Bình	xã Thạnh Bình		x
22	Khu tái định cư thôn Tú Trà	xã Thăng Phú	x	x
23	Khu tái định cư thôn Mỹ Trà	xã Thăng Phú	x	x
24	Khu dân cư Trung Hạ	xã Nông Sơn	x	x
25	Khu dân cư Lò Ngói	xã Nông Sơn	x	x
26	Khu dân cư Trung An	xã Nông Sơn	x	x
27	Khu tái định cư Phước Hội	xã Quế Phước	x	x
28	Khu tái định cư Tứ Trung	xã Quế Phước	x	x
29	Khu tái định cư Khánh Bình	xã Quế Phước	x	x
30	Xây dựng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật để ổn định dân cư phòng, chống thiên tai thôn Xuân Hòa	xã Quế Phước	x	x
31	Khu tái định cư Quế Lâm	xã Quế Phước	x	x
32	Bố trí dân cư vùng thiên tai (quy mô 230 hộ)	Xã Lãnh Ngọc	x	x
33	Khu tái định cư tập trung Đồng Làng	xã Sơn Cẩm Hà	x	x
34	Khu tái định cư Núi Ngang	xã Sơn Cẩm Hà	x	x
35	Khu tái định cư Xóm Đông	xã Sơn Cẩm Hà	x	x
36	Khu tái định cư thôn Cổ Linh	xã Thăng Trường	x	x
37	Khu tái định cư thôn Tây Giang	xã Thăng Trường	x	x
38	Khu tái định cư thôn Châu Khê	xã Thăng Trường	x	x
39	Khu tái định cư thôn Tiêu Đỏa	xã Thăng Trường	x	x
40	Khu tái định cư Đha Mi	xã Sông Vàng	x	x
41	Khu tái định cư Panan	xã Sông Vàng	x	x
42	Khu tái định cư xã Sông Vàng	xã Sông Vàng	x	x

43	Khu tái định cư vùng sát lở Lộc Thượng	xã Quế Sơn Trung	x	x
44	Khu tái định cư bố trí dân cư thôn 7 Phước Hiệp (mở rộng)	xã Phước Hiệp	x	x
45	Giãn dân khu dân cư thôn 6 Phước Hiệp	xã Phước Hiệp	x	x
46	Khu giãn dân thôn 2 xã Phước hiệp	xã Phước Hiệp	x	x
47	Khu giãn dân thôn 3 xã Phước Hiệp	xã Phước Hiệp	x	x
48	Di dời bố trí dân cư vùng thiên tai (khu vực Bình Giang)	Xã Thăng An	x	x
49	Di dời bố trí dân cư vùng thiên tai (khu vực Bình Dương)	Xã Thăng An	x	x
50	Di dời bố trí dân cư vùng thiên tai (khu vực Bình Đào)	Xã Thăng An	x	x
51	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Duy Tân	Xã Thu Bồn	x	
52	Di dời và bố trí tái định cư cho 20 hộ dân (68 khẩu) tại các thôn Tà Lang, Phò Nam, Nam Yên của xã Hoà Bắc về các khu tái định cư Trung tâm xã Hoà Bắc (giai đoạn 2), khu tái định cư Tà Lang – Giàn Bí mở rộng, khu tái định cư Nam Yên	Phường Hải Vân	x	
53	Đầu tư mở rộng khu tái định cư Tà Lang – Giàn Bí (quy mô khoảng 1,9ha)	Phường Hải Vân	x	
54	Di dời và bố trí tái định cư cho 43 hộ dân (137 khẩu) thuộc khu vực Núi Sọ, thôn An Ngãi Tây 1, xã Hoà Sơn về khu tái định cư số 6 đường ĐT 602 xã Hoà Sơn	Phường Hoà Khánh	x	
55	Khu TĐC các dự án GPMB và ảnh hưởng thiên tai xã Đức Phú	Xã Đức Phú	x	
56	Khu TĐC các dự án GPMB và ảnh hưởng thiên tai xã Đức Phú	Xã Đức Phú	x	

IV.2. 2	Các dự án xen ghép			
57	Bố trí dân cư vùng thiên tai	xã Đại Lộc	x	x
58	Bố trí dân cư vùng thiên tai	xã Hà Nha	x	x
59	Hỗ trợ nhà dân bố trí xen ghép	xã Quế Phước	x	x
60	Thôn 1	xã Trà My	x	x
61	Thôn Dương Đông	xã Trà My	x	x
62	Thôn Long Sơn	xã Trà My	x	x
63	Thôn Trần Dương	xã Trà My	x	x
64	Thôn Đồng Bàu	xã Trà My	x	x
V	Công trình nhà sinh hoạt cộng đồng đa năng			
V.1	Đầu tư xây mới			
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng chống thiên tai tại Làng Ông Anh, thôn 1	Xã Trà Leng	x	
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng chống thiên tai tại Làng Ông Deo, thôn 2	Xã Trà Leng	x	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng chống thiên tai tại Làng Ông Bình, thôn 6	Xã Trà Leng	x	
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng chống thiên tai tại Làng Ông Văng, thôn 7	Xã Trà Leng	x	
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng chống thiên tai tại Làng Ông Hành, thôn 2	Xã Trà Leng	x	
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, chống thiên tai tại làng Ông Súp, thôn 2	Xã Trà Leng	x	
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, chống thiên tai tại làng Tắc Lãng, thôn 5	Xã Trà Leng	x	
8	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, chống thiên tai tại làng Tắc Lễ, thôn 5	Xã Trà Leng	x	

9	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, chống thiên tai làng Ông Thương, thôn 3	Xã Trà Leng	x	
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, chống thiên tai làng Ông Thái, thôn 7	Xã Trà Leng	x	
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, chống thiên tai làng Ông Tiến, thôn 6	Xã Trà Leng	x	
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng và phòng tránh thiên tai KDC nóc Ông Sinh	Xã Trà Vân	x	
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng và phòng tránh thiên tai KDC Tak Tai	Xã Trà Vân	x	
14	Nhà sinh hoạt cộng đồng và phòng tránh thiên tai KDC Măng Don	Xã Trà Vân	x	
15	Nhà sinh hoạt cộng đồng và phòng tránh thiên tai KDC Măng Lin	Xã Trà Vân	x	
16	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao, thôn 1, xã Trà Vân	Xã Trà Vân	x	
17	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao KDC Làng Khe Chử	Xã Trà Vân	x	
18	Nhà sinh hoạt cộng đồng và phòng tránh thiên tai KDC Măng Rông	Xã Trà Vân	x	
19	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao KDC nóc ông Ní, thôn 3, xã Trà Vân	Xã Trà Vân	x	
20	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao KDC nóc ông Ruộng, thôn 3, xã Trà Vân	Xã Trà Vân	x	
21	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao KDC nóc ông Thanh, thôn 3, xã Trà Vân	Xã Trà Vân	x	
22	Quy hoạch nhà văn hóa truyền thống ĐBDTTH thôn 5 xã Trà Vân	Xã Trà Vân	x	

23	Nhà văn hóa truyền thống ĐBDTTS, thôn 3 xã Trà Vân	Xã Trà Vân	x	
24	Nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Tà Đắc	Xã Bến Giằng	x	
25	Nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Bến Giằng	Xã Bến Giằng	x	
26	Nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Cà Lai	Xã Bến Giằng	x	
27	Nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Pà Dá	Xã Bến Giằng	x	
28	Nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Pà Ong	Xã Bến Giằng	x	
29	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Hà Ra	Xã Thạnh Mỹ	x	
30	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Pà Dấu 1	Xã Thạnh Mỹ	x	
31	Xây dựng mới Khu trung tâm hành chính xã Trà Đốc	Xã Trà Đốc	x	
32	Nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn 3	Xã Trà Đốc	x	
33	Nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn 7	Xã Trà Đốc	x	
34	Nhà sinh hoạt cộng đồng (Guơl) thôn Atu I	Xã Hùng Sơn	x	
35	Nhà sinh hoạt cộng đồng (Guơl) thôn Da'ding	Xã Hùng Sơn	x	
36	Nhà sinh hoạt cộng đồng (Guơl) thôn Ariing	Xã Hùng Sơn	x	
37	Nhà văn hoá cộng đồng kết hợp với tránh bão thôn 4	Xã Trà Tập	x	
38	Nhà văn hoá cộng đồng kết hợp với tránh bão thôn 6	Xã Trà Tập	x	
39	Nhà văn hoá cộng đồng kết hợp với tránh bão thôn 7	Xã Trà Tập	x	
40	Nhà Văn hóa -Khu thể thao Thôn 1	Xã Trà Tập	x	
41	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu thể thao Xi Ling (thôn 1)	Xã Trà Tập	x	
42	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu thể thao Ngọc Năm (thôn 1)	Xã Trà Tập	x	

43	Nhà Văn hóa -Khu thể thao Thôn 2	Xã Trà Tập	x	
44	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu thể thao Kiếp Xoan (thôn 2)	Xã Trà Tập	x	
45	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu thể thao Mô Chang (thôn 2)	Xã Trà Tập	x	
46	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu thể thao Tak Pang (thôn 3)	Xã Trà Tập	x	
47	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu thể thao Tu Du (thôn 3)	Xã Trà Tập	x	
48	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu thể thao Lâng Loan (thôn 3)	Xã Trà Tập	x	
49	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Tak Nhing (thôn 4)	Xã Trà Tập	x	
50	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Tak Cui (Thôn 5)	Xã Trà Tập	x	
51	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Tak Ri (Thôn 6)	Xã Trà Tập	x	
52	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Tong Ploang (Thôn 6)	Xã Trà Tập	x	
53	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Mô Rôi (Thôn 6)	Xã Trà Tập	x	x
54	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Tu Gia 1 (Thôn 6)	Xã Trà Tập	x	x
55	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Lấp Loa (Thôn 7)	Xã Trà Tập	x	x
56	Nhà sinh hoạt - Khu Thể thao Tak Tung (Thôn 7)	Xã Trà Tập	x	x
57	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Tu Nương (Thôn 8)	Xã Trà Tập	x	x

58	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Tu Lung (Thôn 8)	Xã Trà Tập	x	x
59	Nhà sinh hoạt cộng đồng - Khu Thể thao Tak Tak Rôi (Thôn 8)	Xã Trà Tập	x	x
60	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Thôn Pa Ooi	Xã La Êê	x	x
61	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Thôn Pa Lan	Xã La Êê	x	x
62	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Thôn Đắc Ngol	Xã La Êê	x	x
63	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Thôn Côn Zốt	Xã La Êê	x	x
64	Nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn A Dung	Xã Đông Giang	x	x
65	Nhà văn hóa thôn Thôn Công Dồn	Xã Nam Giang	x	x
66	Nhà văn Hóa Thôn Pa Dí	Xã Nam Giang	x	x
67	Nhà văn hóa Thôn Pring	Xã Nam Giang	x	x
68	Nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn La Bơ	Xã Nam Giang	x	x
69	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Arót	Xã Tây Giang	x	x
70	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Anonh	Xã Tây Giang	x	x
71	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Acáp	Xã Tây Giang	x	x
72	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Z'rụt	Xã Tây Giang	x	x
73	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ahu	Xã Tây Giang	x	x
74	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tavang	Xã Tây Giang	x	x
75	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Agrông	Xã Tây Giang	x	x
76	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ra'bhuợp	Xã Tây Giang	x	x
77	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tr'lee	Xã Tây Giang	x	x
78	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Arui	Xã Tây Giang	x	
79	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tur	Xã Tây Giang	x	x
80	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ađau	Xã Tây Giang	x	x

81	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn K'xêêng	Xã Tây Giang	x	x
82	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Alua	Xã Tây Giang	x	x
83	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Z'lao	Xã Tây Giang	x	x
84	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Aró	Xã Tây Giang	x	x
85	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Nal	Xã Tây Giang	x	x
86	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Aróh	Xã Tây Giang	x	x
87	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà'ri	Xã Tây Giang	x	x
88	Nhà sinh hoạt cộng đồng KDC Tu Nác	Xã Nam Trà My	x	
89	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với PCTT thôn L'gôm	Xã A Vương	x	x
90	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với PCTT thôn R'cung	Xã A Vương	x	x
91	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với PCTT thôn Atếp	Xã A Vương	x	x
92	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với PCTT thôn Đang	Xã A Vương	x	x
93	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với PCTT thôn Bhloóc	Xã A Vương	x	x
94	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, chống thiên tai thôn Bình An	Xã Tiên Phước	x	x
95	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, chống thiên tai thôn An Đông	Xã Tiên Phước	x	x
96	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ khối phố Tĩnh Thủy	Phường Quảng Phú	x	x
97	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ khối phố Hòa Thượng	Phường Quảng Phú	x	x
98	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ khối phố Hòa Hạ	Phường Quảng Phú	x	x

99	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ khối phố Phú Sơn	Phường Quảng Phú	x	x
100	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ khối phố Tân Phú	Phường Quảng Phú	x	x
101	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ khối phố Quý Ngọc	Phường Quảng Phú	x	x
102	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ khối phố Phú Quý	Phường Quảng Phú	x	x
103	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Phù sa	Xã Xuân Phú	x	x
104	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Bà Rén	Xã Xuân Phú	x	x
105	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Thạnh Hòa	Xã Xuân Phú	x	x
106	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Trung Vĩnh	Xã Xuân Phú	x	x
107	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Trà Đình 1	Xã Xuân Phú	x	x
108	Nhà sinh hoạt cộng đồng Hòa Mỹ 2	Phường Hoà Khánh	x	x
109	Nhà sinh hoạt cộng đồng Hòa Phú 1A	Phường Hoà Khánh	x	x
110	Nhà sinh hoạt cộng đồng Trung Nghĩa 1	Phường Hoà Khánh	x	x
111	Nhà sinh hoạt cộng đồng KĐT Phước Lý	Phường Hoà Khánh	x	x
112	Nhà sinh hoạt cộng đồng Tổ 129, 130	Phường Hoà Khánh	x	x
113	Nhà sinh hoạt cộng đồng Trung Nghĩa	Phường Hoà Khánh	x	x
114	Nhà sinh hoạt cộng đồng Chơn Tâm 1B1	Phường Hoà Khánh	x	x
115	Nhà sinh hoạt cộng đồng Tùng Sơn	Phường Hoà Khánh	x	x
116	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Chiêm Sơn	Xã Duy Xuyên	x	x
117	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Đông Yên	Xã Duy Xuyên	x	x
118	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Phú Bông	Xã Duy Xuyên	x	x

119	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Thi Lai	Xã Duy Xuyên	x	x
120	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Trà Kiệu Tây	Xã Duy Xuyên	x	x
121	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Trung Đông	Xã Duy Xuyên	x	x
122	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Kiệu Châu tránh sạt lở	Xã Duy Xuyên	x	x
123	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ cho nhân dân thôn Vân Quạt	Xã Duy Nghĩa	x	x
124	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ cho nhân dân thôn Thi Thái	Xã Duy Nghĩa	x	x
125	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ cho nhân dân thôn An Lạc	Xã Duy Nghĩa	x	x
126	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ cho nhân dân thôn Nhơn Bồi	Xã Duy Nghĩa	x	x
127	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ cho nhân dân thôn Thành Triều	Xã Duy Nghĩa	x	x
128	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão cho nhân dân thôn Hội Sơn	Xã Duy Nghĩa	x	x
129	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão cho nhân dân thôn Thuận An	Xã Duy Nghĩa	x	x
130	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão cho nhân dân thôn Lệ Sơn	Xã Duy Nghĩa	x	x
131	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão cho nhân dân thôn Sơn Viên	Xã Duy Nghĩa	x	x
132	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão cho nhân dân thôn An Lương	Xã Duy Nghĩa	x	x
133	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão cho nhân dân thôn Trung Phường	Xã Duy Nghĩa	x	x
134	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão cho nhân dân thôn Thuận Tri	Xã Duy Nghĩa	x	x

135	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão cho nhân dân thôn Tây Sơn Đông	Xã Duy Nghĩa	x	x
136	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão cho nhân dân thôn Tây Sơn Tây	Xã Duy Nghĩa	x	x
137	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Tĩnh Yên	Xã Thu Bồn	x	x
138	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Thanh Xuyên	Xã Thu Bồn	x	x
139	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Phú Đa 1	Xã Thu Bồn	x	x
140	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Phú Đa 2	Xã Thu Bồn	x	x
141	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Thu Bồn Đông	Xã Thu Bồn	x	x
147	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Phú Nhuận 3	Xã Thu Bồn	x	
148	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Mỹ Hòa	Xã Thu Bồn	x	
149	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Vĩnh Trinh	Xã Thu Bồn	x	x
150	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Bàn Nam	Xã Thu Bồn	x	x
151	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ La Thấp	Xã Thu Bồn	x	x
152	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Tân Thọ	Xã Thu Bồn	x	x
153	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Thanh Châu	Xã Thu Bồn	x	x

154	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Khương Mỹ kết hợp tránh bão, lũ	xã Vu Gia	x	x
155	02 Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Điện An, Điện Thắng Nam	Phường An Thắng	x	x
156	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, tránh bão, lũ thôn Kỳ Lam; Kỳ Bì	xã Điện Bàn Tây	x	x
157	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, tránh bão, lũ Thôn Ba, Thôn Tư	xã Điện Bàn Tây	x	x
158	03 Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Điện Phước, Điện Thọ, Điện Hồng	xã Điện Bàn Tây	x	x
159	04 Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Điện Nam Bắc, Điện Nam Đông	Phường Điện Nam Đông	x	x
160	05 Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Đại Tân, Đại Thắng, Đại Thạnh	xã Phú Thuận	x	x
161	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng tránh thiên tai thôn Thạch Bò	Xã Hoà Tiến	x	x
162	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng tránh thiên tai thôn Nam Sơn	Xã Hoà Tiến	x	x
163	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng tránh thiên tai thôn La Châu	Xã Hoà Tiến	x	x
164	Nhà Làng Thôn 1, xã Phước Chánh	xã Phước Chánh	x	x
165	Nhà Làng Thôn 2, xã Phước Chánh	xã Phước Chánh	x	x
166	Nhà Làng Thôn 3, xã Phước Chánh	xã Phước Chánh	x	x
167	Nhà Làng Thôn 4, xã Phước Chánh	xã Phước Chánh	x	x
168	Nhà Làng Thôn 5, xã Phước Chánh	xã Phước Chánh	x	x
169	Nhà Làng Thôn Phước Công 1, xã Phước Chánh	xã Phước Chánh	x	x
170	Nhà Làng Thôn Phước Công 2, xã Phước Chánh	xã Phước Chánh	x	x

171	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Phước Bắc	xã Phú Ninh	x	x
172	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Đàn Thượng	xã Phú Ninh	x	x
173	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão thôn Phú Cường 1	xã Quế Sơn Trung	x	x
174	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão thôn Phú Cường 2	xã Quế Sơn Trung	x	x
175	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão thôn An Thành	xã Quế Sơn Trung	x	x
176	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão thôn Đồng Thành	xã Quế Sơn Trung	x	x
178	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão thôn Đông Nam	xã Quế Sơn Trung	x	x
179	Xây mới kết hợp chức năng tránh lũ Nhà văn hóa thôn Danh Sơn	Xã Đức Phú	x	x
180	Xây mới kết hợp chức năng tránh lũ Nhà văn hóa thôn Thuận Yên Đông	Xã Đức Phú	x	x
181	Xây mới kết hợp chức năng tránh lũ Nhà văn hóa thôn Thuận Yên Tây	Xã Đức Phú	x	x
182	Xây mới kết hợp chức năng tránh lũ Nhà văn hóa thôn Mỹ Đông	Xã Đức Phú	x	x
183	Xây mới kết hợp chức năng tránh lũ Nhà văn hóa thôn Tam Sơn	Xã Đức Phú	x	x
184	Xây mới kết hợp chức năng tránh lũ Nhà văn hóa thôn Phước Thạnh	Xã Đức Phú	x	x
185	Xây mới kết hợp chức năng tránh lũ Nhà văn hóa thôn Tam Thạnh	Xã Đức Phú	x	x
186	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng chống thiên tai tại thôn A liêng RaVăh	Xã Sông Kôn	x	x

187	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 5 kết hợp tránh sạt lở	Xã Sơn Cẩm Hà	x	x
188	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đại Tráng kết hợp tránh lũ	Xã Sơn Cẩm Hà	x	x
189	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tài Thành kết hợp tránh lũ	Xã Sơn Cẩm Hà	x	x
190	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hội An kết hợp tránh lũ	Xã Sơn Cẩm Hà	x	x
191	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Cẩm Lãnh kết hợp tránh sạt lở	Xã Sơn Cẩm Hà	x	x
192	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hoàng Phước Bắc	Xã Thượng Đức	x	x
193	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đầu Gò	Xã Thượng Đức	x	x
194	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thanh Đại	Xã Thượng Đức	x	x
195	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân An	Xã Thượng Đức	x	x
196	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hà Dục Đông	Xã Thượng Đức	x	x
197	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hà Dục Tây	Xã Thượng Đức	x	x
198	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đại Mỹ	Xã Thượng Đức	x	x
199	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mậu Lâm	Xã Thượng Đức	x	x
200	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thái Chấn Sơn	Xã Thượng Đức	x	x
201	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hội Khách Tây	Xã Thượng Đức	x	x
202	Nhà văn hoá kết hợp phòng, chống thiên tai Tak Ngui	Xã Trà Liên	x	x
203	Nhà văn hoá kết hợp phòng, chống thiên tai Định Yên	Xã Trà Liên	x	x
204	04 Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão, lũ	Phường Cẩm Lệ	x	x
205	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Hiền Lương (Bình Giang cũ)	Xã Thăng An	x	x

206	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Nam Hà (Bình Dương cũ)	Xã Thăng An	x	x
207	Nhà văn hoá Thôn Sông Tranh	Xã Trà Tân	x	x
208	Nhà văn hoá Thôn Sông Y	Xã Trà Tân	x	x
209	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1	Xã Trà Linh	x	x
210	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 3	Xã Trà Linh	x	x
211	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 5	Xã Trà Linh	x	x
212	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 7	Xã Trà Linh	x	x
	Đầu tư xây mới các nhà sinh hoạt, nhà văn hoá đã có bị hư hỏng do thiên tai hoặc quy mô diện tích không đảm bảo			
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ Thôn Glao	Xã Hùng Sơn	x	
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với PCTT thôn Dùi Chiêng	Xã Quế Phước	x	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Khánh Bình	Xã Quế Phước	x	
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đông An	Xã Quế Phước	x	
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xuân Hoà	Xã Quế Phước	x	
6	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Thanh Vân kết hợp tránh bão, lũ	Xã Vu Gia	x	
7	04 Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại 04 địa điểm: Thôn 2, Phú Hoà, Nghĩa Đông, Hoà Mỹ	Xã Đại Lộc	x	
8	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Trường An	Xã Hà Nha	x	
9	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Mỹ An	Xã Hà Nha	x	
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Hoà Thạch	Xã Hà Nha	x	

11	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Phú Hương	Xã Hà Nha	x	
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Hà Nha	Xã Hà Nha	x	
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Lam Phụng	Xã Hà Nha	x	
14	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Bàng Tân	Xã Hà Nha	x	
15	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Phước Định	Xã Hà Nha	x	
16	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Lâm Tây	Xã Hà Nha	x	
17	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Dục Tịnh	Xã Hà Nha	x	
18	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Ngọc Kinh Đông	Xã Hà Nha	x	
19	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Đông Phước	Xã Hà Nha	x	
20	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Lập Thuận	Xã Hà Nha	x	
21	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Hà Vy	Xã Hà Nha	x	
22	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Ngọc Kinh Tây	Xã Hà Nha	x	
23	Nhà sinh hoạt văn hoá thôn Bồng Miêu	Xã Phú Ninh	x	
24	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn GaDoong	Xã Sông Vàng	x	
25	Nhà văn hóa thôn Tống Coói	Xã Sông Vàng	x	
26	Nhà văn hóa thôn Đông Sơn	Xã Sông Vàng	x	

27	Nhà văn hóa thôn Quyết Thắng	Xã Sông Vàng	x	
28	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Tú Nghĩa	Xã Thăng Điện	x	
29	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn An Thành 3	Xã Thăng Điện	x	
30	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Tú Phương	Xã Thăng Điện	x	
31	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Tứ Sơn	Xã Thăng Điện	x	
32	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn An Thành 2	Xã Thăng Điện	x	
33	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Đồng Xuân	Xã Thăng Điện	x	
34	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 14	Xã Lãnh Ngọc	x	
35	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 15	Xã Lãnh Ngọc	x	
36	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Hoà An	Xã Tam Anh	x	
37	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Xuân Tân	Xã Tam Anh	x	
38	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Tiên Xuân 1	Xã Tam Anh	x	
39	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Thuận An	Xã Tam Anh	x	
40	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 7a Tiên Cảnh cũ	Xã Thạnh Bình	x	
41	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 7b Tiên Cảnh cũ	Xã Thạnh Bình	x	

42	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 3 Tiên Cảnh cũ	Xã Thạnh Bình	x	
43	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 2 Tiên An cũ	Xã Thạnh Bình	x	
44	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 3 Tiên An cũ	Xã Thạnh Bình	x	
45	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 3 Tiên Lập cũ	Xã Thạnh Bình	x	
46	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 4 Tiên Lập cũ	Xã Thạnh Bình	x	
47	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 2 Tiên Lộc cũ	Xã Thạnh Bình	x	
48	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn 4 Tiên Lộc cũ	Xã Thạnh Bình	x	
49	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Xuyên Đông	Xã Nam Phước	x	
50	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Hà Nhuận	Xã Nam Phước	x	
51	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Đông Bình	Xã Nam Phước	x	
52	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Bình An	Xã Nam Phước	x	
53	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Mỹ Hoà	Xã Nam Phước	x	
54	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Châu Hiệp	Xã Nam Phước	x	
55	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Câu Lâu Tây	Xã Nam Phước	x	

56	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Long Xuyên 1	Xã Nam Phước	x	
57	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Xuyên Tây	Xã Nam Phước	x	
58	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Phước Xuyên	Xã Nam Phước	x	
59	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Long Xuyên 2	Xã Nam Phước	x	
60	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Hà Mỹ	Xã Nam Phước	x	
61	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Hà Nam	Xã Nam Phước	x	
62	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Vĩnh Nam	Xã Nam Phước	x	
63	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Trà Đông	Xã Nam Phước	x	
64	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Triều Châu	Xã Nam Phước	x	
65	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Hoà Bình	Xã Nam Phước	x	
66	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Lang Châu Bắc	Xã Nam Phước	x	
67	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Lang Châu Nam	Xã Nam Phước	x	
68	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Mỹ Phước	Xã Nam Phước	x	
69	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Câu Lâu Đông	Xã Nam Phước	x	

70	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ thôn Phước Mỹ	Xã Nam Phước	x	
71	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ Đội 21 thôn Câu Lâu Tây	Xã Nam Phước	x	
72	Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn Phước An	Xã Thăng Phú	x	
73	Nhà văn hoá thôn Phước Hưng Nam	Xã Bà Nà	x	
74	Nhà văn hoá thôn Phú Hoà 2	Xã Bà Nà	x	
75	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tổ 1A, 1B và tổ 2 tại thôn Đàn Long	Xã Chiên Đàn	x	
76	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tổ 1 và tổ 2 tại thôn Thanh Hoà	Xã Chiên Đàn	x	
77	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn An Thiện	Xã Tây Hồ	x	
78	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn An Thọ	Xã Tây Hồ	x	
79	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn 2	Xã Trà My	x	
80	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Tân Hiệp	Xã Trà My	x	
81	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ thôn Trần Dương	Xã Trà My	x	
82	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại khối phố Đồng Hạnh	Phường Điện Bàn	x	
83	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại khối phố Uất Luỹ	Phường Điện Bàn	x	
84	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại khối phố 1	Phường Điện Bàn	x	
85	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại khối phố Triêm Đông 1	Phường Điện Bàn	x	

86	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại khối phố Trung Phú 1	Phường Điện Bàn	x	
87	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố 4	Phường Hương Trà	x	
88	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố Hồng Lư	Phường Hương Trà	x	
89	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố Hương Sơn	Phường Hương Trà	x	
90	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố Hương Trà Tây	Phường Hương Trà	x	
91	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố Hương Trà Đông	Phường Hương Trà	x	
92	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố 3	Phường Hương Trà	x	
93	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố 5	Phường Hương Trà	x	
94	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố 8	Phường Hương Trà	x	
95	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố Mỹ Cang	Phường Bàn Thạch	x	
96	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố Vĩnh Bình	Phường Bàn Thạch	x	
97	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố Xuân Quý	Phường Bàn Thạch	x	
98	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh lũ tại Tổ dân phố Đoan Trai	Phường Bàn Thạch	x	
99	Nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng Tổ dân phố Tân Thái	Phường Bàn Thạch	x	

100	Nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng Tổ dân phố Thạch Tân	Phường Bàn Thạch	x	
101	Nhà sinh hoạt cộng đồng chi bộ KDC Khái Tây 1	Phường Ngũ Hành Sơn	x	
102	Nhà sinh hoạt cộng đồng chi bộ KDC Mân Quang 2	Phường Ngũ Hành Sơn	x	
103	Nhà trú bão đa năng kèm SHCĐ chi bộ KDC An Lưu	Phường Ngũ Hành Sơn	x	
104	Nhà sinh hoạt cộng đồng chi bộ KDC Thị An	Phường Ngũ Hành Sơn	x	
105	Nhà sinh hoạt cộng đồng chi bộ KDC Hải An	Phường Ngũ Hành Sơn	x	
106	Nhà sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố An Hoà	Phường Hoà Xuân	x	
107	Nhà sinh hoạt cộng đồng Quá Giáng 2	Phường Hoà Xuân	x	
108	Nhà sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố Giáng Nam 2	Phường Hoà Xuân	x	
109	Trung tâm văn hóa xã Trà Linh	Xã Trà Linh	x	
110	Nhà văn hóa thôn 4	Xã Trà Giáp	x	
111	Nhà văn hóa thôn An Nam	Xã Hiệp Đức	x	
112	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Việt Sơn	Xã Đồng Dương	x	
113	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Châu Lâm	Xã Đồng Dương	x	
114	Nhà văn hóa thôn Mỹ Đông	Xã Quế Sơn	x	
115	Nhà văn hóa thôn Tam Hòa	Xã Quế Sơn	x	
116	Nhà văn hóa thôn Cang Tây	Xã Quế Sơn	x	
117	Nhà văn hóa thôn Thuận An	Xã Quế Sơn	x	
118	Nhà văn hóa thôn Lãnh Thượng 1	Xã Quế Sơn	x	
119	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Hòa Phước	Xã Hoà Vang	x	
120	Nhà văn hóa thôn Cẩm Toại Đông	Xã Hoà Vang	x	
121	Nâng cấp cải tạo nhà văn hóa, khu thể thao thôn Khương Mỹ	Xã Hoà Vang	x	
122	Nhà văn hóa thôn An Tân	Xã Hoà Vang	x	

123	Nhà văn hóa thôn Hòa Hải	Xã Hoà Vang	x	
124	Nhà văn hóa thôn Túy Loan Tây	Xã Hoà Vang	x	
VI	Các công trình PCTT khác			
1	Đầu tư các trạm đo mưa, đo mực nước tự động trên các sông lớn (chi tiết như đề xuất trong Hợp phần Điều chỉnh phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước thành phố Đà Nẵng)	Toàn thành phố	x	x
2	Nạo vét, cải tạo, chỉnh trang và bảo vệ các hồ, ao, đầm trên địa bàn thành phố	Toàn thành phố	x	x
3	Đầu tư xây dựng các công trình PCTT phục vụ bảo vệ rừng (theo đề xuất của Chi cục Kiểm lâm)	Toàn thành phố	x	x
4	Cấm các biển cảnh báo khu vực ngập lụt, sạt lở, lũ quét,...	Toàn thành phố	x	x
5	Xác định hành lang thoát lũ các tuyến sông chính trên địa bàn thành phố (trên cơ sở tiếp nhận kết quả các đề tài khoa học công nghệ, các đồ án quy hoạch chuyên ngành,...)	Các tuyến sông chính.	x	x
B.2	Ngành Giao thông, Xây dựng			
1	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa các công trình liên quan đến ngành giao thông, xây dựng (theo đề xuất của Sở Xây dựng).		x	x
B.3	Ngành Y tế, Giáo dục, Du lịch, Văn hoá Thể thao			
1	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa các công trình liên quan đến các ngành Y tế, Giáo dục, Du lịch, Văn hoá Thể thao (theo đề xuất của các Sở Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Du lịch, Văn hoá - Thể thao).		x	x

Ghi chú:

(1) Danh mục Công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai đã được tích hợp vào hợp phần Điều chỉnh Phương án quy hoạch hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai và Thủy lợi thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28/02/2026).

(2) Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, các Sở, ban ngành và địa phương, đơn vị liên quan thường xuyên rà soát tham mưu UBND thành phố điều chỉnh, bổ sung những danh mục phát sinh đúng với thực tiễn, phát huy hiệu quả các công trình thủy lợi và phòng, chống thiên tai phù hợp với Quy hoạch, Kế hoạch. Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới và chi phí đầu tư xây dựng các công trình, dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình triển khai thực hiện.